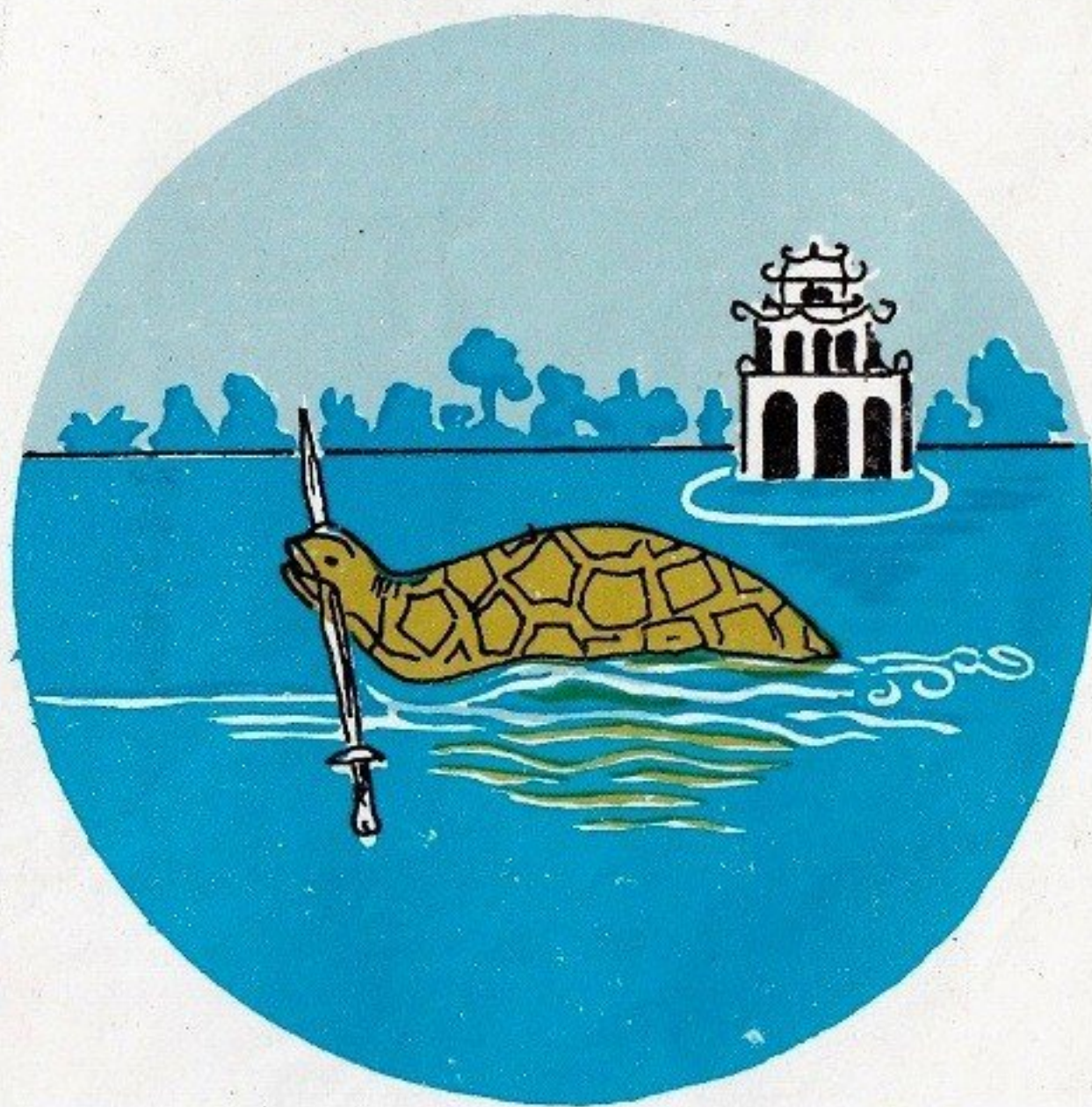




BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRUNG TÂM CÔNG NGHỆ GIÁO DỤC

Việt Nam

LỚP BỐN



NHÀ XUẤT BẢN GIÁO DỤC

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRUNG TÂM CÔNG NGHỆ GIÁO DỤC

Các em học sinh yêu quý,
Sách Văn này dạy em cách học
Văn, đồng thời đưa đến cho em
những cảm xúc nghệ thuật.

Cuốn sách sẽ là người bạn thân
của em. Hãy đọc sách và học Văn
sẽ đi với nhau. Văn học
đang chờ đợi em ở ngay trong sách.

VĂN

LỚP BỐN

(In lần thứ 9)

NHÀ XUẤT BẢN GIÁO DỤC - 1997

NĂM

thuongmaitruongxua.vn

(in lần thứ 9)

Các em học sinh yêu quý.

Sách Văn này dạy em cách học Văn, đồng thời đem đến cho em những cảm xúc nghệ thuật.

Cuốn sách sẽ là người bạn thân của em suốt năm học, là người bạn sẽ đi với em suốt đời, một người bạn ở ngay trong tâm hồn em.

BÀI MỞ ĐẦU

TÌM CHỦ ĐỀ, TƯ TƯỞNG TRONG TÁC PHẨM VĂN

Lên lớp Bốn, nhiệm vụ học Văn của em là tập tìm chủ đề, tư tưởng trong tác phẩm Văn.

- *Chủ đề* là vấn đề chính của đời sống được nêu ra trong tác phẩm.

- *Tư tưởng* là thái độ, quan niệm của tác giả về cuộc sống được thể hiện qua hình tượng, chủ đề trong tác phẩm.

- *Hình tượng, chủ đề và tư tưởng* liên quan chặt chẽ với nhau tạo thành NGHĨA của tác phẩm.

Em sẽ phải làm những việc gì để tìm ra chủ đề, tư tưởng của tác phẩm văn?

Việc 1: Dựng lại hình tượng tác phẩm.

Việc 2: Phân tích hình tượng, xác định chủ đề của tác phẩm.

Việc 3: Xác định tư tưởng của tác giả trong tác phẩm.

CÁCH TÌM CHỦ ĐỀ, TƯ TƯỞNG CỦA TÁC PHẨM VĂN

Bài mẫu

RỪNG XÀ NU



Làng ở trong tầm đại bác của đồn giặc. Chúng nó bắn, đã thành lệ, mỗi ngày hai lần, hoặc buổi sáng và xế chiều, hoặc đứng bóng và xẩm tối, hoặc nửa đêm và tờ gà gáy. Hầu hết đạn đại bác đều rơi vào ngọn đồi xà nu, hàng vạn cây không cây nào không bị thương. Có những cây bị chặt đứt ngang nửa thân mình, đổ ào ào như một trận bão. Ở chỗ vết thương, nhựa ứa ra tràn trề, thơm ngào ngạt, long lanh dưới nắng hè gay gắt,

rồi dần dần bám lại, đen và đặc quánh thành từng cục máu lớn.

Trong rừng ít có loại cây sinh sôi nảy nở khỏe như vậy. Cạnh một cây xà nu mới ngã gục, đã có bốn năm cây con mọc lên ngọn xanh rờn, hình nhọn mũi tên lao thẳng lên bầu trời. Cũng có ít loại cây ham ánh mặt trời đến thế. Nó phóng lên rất nhanh để tiếp lấy ánh nắng, thứ ánh nắng trong rừng dội từ trên cao xuống từng luồng lớn thẳng tắp, long lanh vô số hạt bụi vàng từ nhựa cây bay ra, thơm mỡ màng. Có những cây con vừa lên ngang tầm ngực người lại bị đạn đại bác chặt đứt làm đôi. Ở những cây đó, nhựa còn trong, chất dầu còn loang, vết thương không lành được, cứ loét mãi ra, năm mười hôm thì cây chết. Nhưng cũng có những cây vươn lên được cao hơn đầu người, cành lá xum xuê như những con chim đã đủ lông đủ cánh. Đạn đại bác không giết nổi chúng.

Những vết thương của chúng chóng lành như trên một thân thể cường tráng, chúng vươn lên rất nhanh, thay thế những cây đã ngã... Cứ thế, hai ba năm nay, rừng xà nu ưỡn tấm ngực lớn của mình ra, che chở cho làng.

Đứng trên đồi xà nu trông ra xa, đến hết tầm mắt cũng không thấy gì khác ngoài những đồi xà nu nối tiếp tới chân trời.

NGUYỄN TRUNG THÀNH

Trích "Rừng xà nu"

EM LÀM CÁC VIỆC SAU:

Việc 1: Dựng lại hình tượng tác phẩm.

1. Em đọc và tìm hiểu những từ ngữ sau: *xà nu; thành lệ; bầm lại; ham; thân thể cường tráng ...*
2. Em tìm những từ ngữ, hình ảnh cho thấy:

a) Rừng xà nu bị đại bác tàn phá dữ dội.

b) Rừng xà nu mang một sức sống mãnh liệt.

3. Rừng xà nu che chở bom đạn cho dân làng.

4. Em đọc thầm bài văn và dựng lại toàn bộ hình tượng rừng xà nu.

Việc 2: Phân tích hình tượng, xác định chủ đề của tác phẩm.

1. Tác giả mô tả "Rừng xà nu" trong hoàn cảnh nào? Hình ảnh "Rừng xà nu" được mô tả trong bài khiến em liên tưởng đến hình ảnh của ai?

2. Em liên tưởng tới điều gì qua các hình ảnh sau:

a) Rừng xà nu bị giặc bắn suốt đêm ngày, "hàng vạn cây không cây nào không bị thương":

b) Rừng xà nu vẫn sinh sôi nảy nở bất chấp bom đạn của kẻ thù.

3. Hình tượng "Rừng xà nu" gợi cho em ý nghĩ gì về đất nước và con người Việt Nam chúng ta?

(Hỏi cách khác: Qua hình tượng "Rừng xà nu" bài văn nêu ra vấn đề chính gì?)

Việc 3: Xác định tư tưởng của tác giả

1. Tác giả đã xây dựng hình tượng "Rừng xà nu" với một tình cảm như thế nào?
2. Qua hình tượng "Rừng xà nu", tác giả muốn ca ngợi điều gì? Khẳng định điều gì? Em có đồng tình với thái độ của tác giả không?

Em làm bài tập viết.

Đề bài: Hãy tưởng tượng em là một thiếu niên ở Tây Nguyên trong những năm chống Mĩ. Em hãy kể về rừng xà nu quê em.

BÀI MỘT

TÌM CHỦ ĐỀ, TƯ TƯỞNG TRONG CA DAO

Ca dao là một trong những thể loại chủ yếu của văn học dân gian Việt Nam. Đó là những câu ca, những bài hát ngắn biểu hiện tâm trạng, cảm nghĩ của con người. Ca dao có một sức sống lâu dài, bền vững trong kí ức của nhân dân ta từ xưa đến nay.

Bài mẫu

MƯỜI CÁI TRỨNG

Tháng Giêng, tháng Hai, tháng Ba, tháng Bốn ...

Tháng khốn tháng nạn

Đi vay đi tạm

Được một quan tiền

Ra chợ Kẻ Diên

Mua con gà mái về nuôi

Đẻ ra mười cái trứng

Một cái trứng: ung

Hai cái trứng: ung

Ba cái trứng: ung

Bốn cái trứng: ung

Năm cái trứng: ung

Sáu cái trứng: ung

Bảy cái trứng: ung

Còn ba cái trứng nở ra ba con

Con: điều tha

Con: quạ bắt

Con: cắt lòi

Chớ than phận khó/ai ơi

Còn da: lông mọc; còn chồi: nảy cây

(Dân ca Bình Trị Thiên)

* Ca dao là lời của những bài hát ngắn trong dân gian. Thường ca dao được sáng tác theo thể lục bát, nhưng cũng có một bộ phận được sáng tác với số tiếng không bắt buộc trong một câu và số câu ít nhiều không gò bó trong một bài.

Bài ca dao này là một trường hợp như vậy.

EM LÀM CÁC VIỆC SAU:

Việc 1: Dựng lại hình tượng của bài.

1. Em đọc bài ca dao, vừa đọc vừa đánh dấu ngắt nhịp của bài.
2. Em tìm hiểu các từ ngữ: *tháng khốn tháng nạn; quan tiền; ung; điều; qua; cắt; than; phận khó ...*
3. Em dựng lại hình tượng của bài.

Gợi ý:

a) Hình tượng chính của bài là gì?

b) Em đoán và nói tâm trạng của bác nông dân:

- Khi vay tiền để mua gà về nuôi.
- Khi gà đẻ được mười trứng.
- Khi đợi gà ấp trứng.
- Khi bảy cái trứng bị ung và chỉ nở được ba chú gà con bé bỏng.
- Khi từng chú gà con lần lượt bị: "điều tha, qua bắt, cắt lòi"...

4. Tưởng tượng em là người nông dân trong bài ca dao đó, em kể về cảnh ngộ của chính mình.

Việc 2: Phân tích hình tượng, xác định chủ đề.

1. Tìm những hình ảnh, chi tiết mô tả cảnh ngộ và tâm trạng người nông dân trong bài.

Gợi ý:

a) Em đọc thầm nhiều lần hai câu thơ đầu:

"Tháng Giêng, tháng Hai, tháng Ba, tháng Bốn ...

Tháng khốn tháng nạn"

- Tại sao tác giả lại dùng dấu chấm lửng (...) sau hai chữ "tháng Bốn"?

- Tại sao tác giả lại gọi các tháng trong năm là "tháng khốn tháng nạn" ?

- Cách chấm câu và cách dùng từ như vậy muốn diễn tả điều gì ?

b) Em đọc những câu tiếp theo và cho biết: nhịp điệu của những câu ca dao đó có thay đổi không? Sự thay đổi đó diễn tả cảnh ngộ và tâm trạng của người nông dân như thế nào?

2. Qua cách xây dựng hình tượng người nông dân (nghèo khổ và luôn gặp rủi ro trong cuộc vật lộn để kiếm sống), bài ca dao đặt ra vấn đề gì?

Việc 3: Xác định tư tưởng của tác giả.

1. Người nông dân trong bài ca dao này trước những nỗi khổ triền miên tưởng như không thể nào chịu đựng nổi đã ứng xử như thế nào? Câu thơ nào trong bài nói lên điều đó?

2. Qua bài ca dao, em hiểu gì về tư tưởng của tác giả (cũng chính là tư tưởng của người nông dân ngày xưa)?

3. Em đánh giá tư tưởng đó.

LUYỆN TẬP

1. Hãy tưởng tượng em là người nông dân trong bài ca dao trên, em kể về cảnh ngộ và tâm trạng của mình.

2. Em nghĩ và viết một đoạn văn tả một hoàn cảnh để có thể dùng hai câu cuối của bài ca dao: "Chớ than phận khó ..." làm một lời khuyên.

NHỮNG BÀI LUYỆN TẬP

BÀI 1

CON VUA THÌ LẠI LÀM VUA

Con vua thì lại làm vua

Con sãi ở chùa thì quét lá đa

Bao giờ dân nổi can qua

Con vua thất thế lại ra quét chùa.

NHIỆM VỤ CỦA EM

1. Đọc và tìm vần, nhịp của bài ca dao.
2. Đọc và tìm hiểu các từ ngữ: *sãi, nổi can qua, thất thế*...
3. Hai câu đầu nêu ra một thực tế như thế nào? các từ "thì" được lặp lại ở đây có tác dụng gì?
4. Hai câu cuối bộc lộ tư tưởng gì của tác giả?

BÀI 2

TRONG ĐÀM GÌ ĐẸP BẰNG SEN



Trong đầm gì đẹp bằng sen

Lá xanh, bông trắng lại chen nhị vàng

Nhị vàng, bông trắng, lá xanh

Gần bùn mà chẳng hôi tanh mùi bùn.

NHIỆM VỤ CỦA EM

1. Đọc và tìm vần, nhịp của bài.
2. Bài ca dao này có phải chỉ để nói chuyện "sen" không?
3. Hình ảnh bông sen mọc lên giữa ao bùn mà vẫn giữ nguyên hương sắc làm em liên tưởng tới hình ảnh của ai? Người đó mang tính cách như thế nào?
4. Qua hình ảnh bông sen, tác giả muốn ca ngợi điều gì? Mong muốn điều gì?

ANH ĐI ANH NHỚ QUÊ NHÀ



Anh đi anh nhớ quê nhà
 Nhớ canh rau muống, nhớ cà dầm tương
 Nhớ ai dãi nắng dầm sương,
 Nhớ ai tát nước bên đường hôm mai.

NHIỆM VỤ CỦA EM

1. Đọc và tìm vần, tìm nhịp của bài.
2. Đọc và tìm hiểu các từ ngữ: *cà dầm tương, dãi nắng dầm sương, hôm mai.*
3. Em có nhận xét gì về những điều nhân vật của bài ca dao nhắc đến khi nhớ về quê hương: "canh rau muống", "cà dầm tương", "dãi nắng dầm sương", "tát nước bên đường"?
4. Tình cảm của người ra đi trong bài ca dao đối với quê hương như thế nào?
5. Em xác định tư tưởng của bài.

NGƯỜI LÍNH THỜI XƯA



Ngang lưng thì thắt bao vàng,
 Đầu đội nón dẫu, vai mang súng dài.
 Một tay thì cấp hỏa mai,
 Một tay cấp giáo, quan sai xuống thuyền.
 Tùng tung trống đánh ngũ liên,
 Bước chân xuống thuyền nước mắt như mưa.

NHIỆM VỤ CỦA EM

1. Đọc và tìm vần, nhịp của bài.
2. Đọc và tìm hiểu các từ ngữ: *bao vàng; nón dẫu; hỏa mai; giáo; trống đánh ngũ liên; nước mắt như mưa...*
3. Dựng lại hình tượng người lính trong bài (Người đó trang phục thế nào? Hành động ra sao? Nghĩ gì khi phải ra lính?)
4. Tại sao tác giả lại viết "Bước chân xuống thuyền nước mắt như mưa"? Ai khóc ở đây?
 (Ra đi, người lính còn để lại phía sau những gì? Người lính có biết những gì đang chờ mình phía trước không?)
5. Xây dựng hình tượng người lính thú trong bài ca dao, tác giả bộc lộ tư tưởng gì? (Gợi ý: tác giả xót thương cái gì? Lên án cái gì?)

BÀI 5

CÁI CÒ LẶN LỘI BỜ SÔNG

Cái cò lặn lội bờ sông /
Gánh gạo đưa chồng tiếng khóc nỉ non /
Nàng về nuôi cái cùng con /
Để anh đi trẩy nước non Cao Bằng /



NHIỆM VỤ CỦA EM

1. Đọc và tìm vần, nhịp của bài.
2. Đọc và tìm hiểu các từ ngữ: lặn lội; khóc nỉ non; cái cùng con; trẩy nước non Cao Bằng.
3. Hình ảnh cái cò trong bài ca dao được mô tả qua những chi tiết nào?
4. Hình ảnh cái cò gợi cho em liên tưởng tới hình ảnh của ai? Trong hoàn cảnh nào?
5. Tác giả biểu lộ thái độ gì trước những cảnh đời như thế?

BÀI 6

THẰNG BỜM

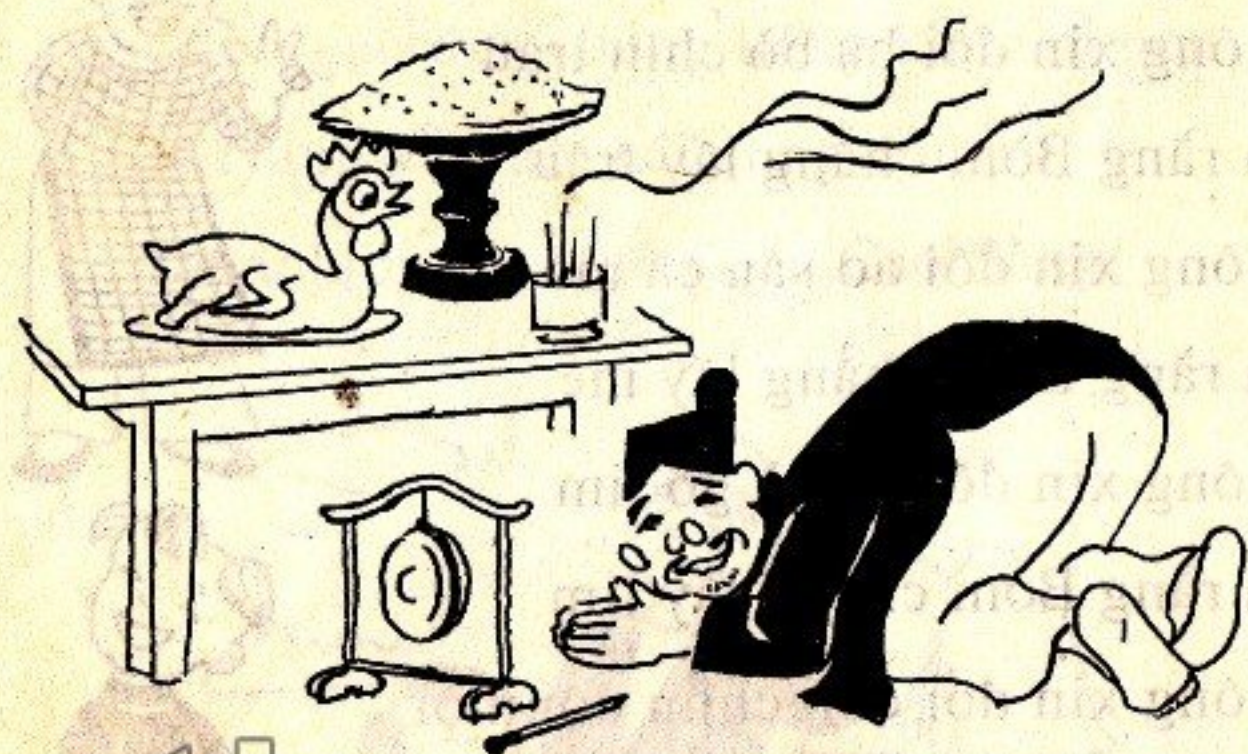
Thằng Bờm có cái quạt mo
Phú ông xin đổi ba bò chín trâu
Bờm rằng Bờm chẳng lấy trâu
Phú ông xin đổi ao sâu cá mè
Bờm rằng Bờm chẳng lấy mè
Phú ông xin đổi ba bè gỗ lim
Bờm rằng Bờm chẳng lấy lim
Phú ông xin đổi con chim đôi mồi
Bờm rằng Bờm chẳng lấy mồi
Phú ông xin đổi năm xôi, Bờm cười.



NHIỆM VỤ CỦA EM

1. Đọc và tìm vần, nhịp của bài.
2. Tưởng tượng và mô tả lại cuộc đổi chác giữa Bờm và Phú ông.
(Gợi ý: em có nhận xét gì về những thứ Phú ông đưa ra để đổi chác? Phú ông có thực bụng muốn đổi không? Nghĩ gì mà Bờm không đồng ý đổi chiếc quạt mo của mình lấy những thứ quý của Phú ông?)
3. Theo em, Phú ông là người như thế nào? Bờm là người như thế nào? Em có đồng tình với Bờm không?

CHẬP CHẬP CHENG CHENG



Chập chập cheng cheng

Con gà sống thien để riêng cho thầy

Đơm xôi thì đơm cho đầy,

Đơm vơi thì thánh nhà thầy mất thiêng.

NHIỆM VỤ CỦA EM

1. Đọc và tìm vần, nhịp của bài ca dao.
2. Nhận xét về thái độ của ông thầy cúng? (Khi vào lễ, ông ta quan tâm tới những gì?)
3. Tác giả thể hiện thái độ như thế nào khi mô tả ông thầy cúng như thế?

CHUYỆN NGƯỢC ĐỜI

Bao giờ cho đến tháng ba
Ếch cần cổ rần lòi ra ngoài đồng
Hùm nằm cho lợn liếm lông
Một chục quả hồng nuốt lão tám mươi
Năm xôi nuốt trẻ lên mười
Con gà be rượu nuốt người lao đao
Lươn nằm cho trúm bò vào
Một đàn cào cào đuổi bắt cá rô.

* * *

ĐỒN RẰNG QUAN TƯỚNG CÓ DANH

Đồn rằng quan tướng có danh
Cưỡi ngựa một mình chẳng phải vịn ai
Vua khen rằng "Ấy mới tài!"
Ban cho chiếc áo với hai đồng tiền
Đánh giặc thì chạy trước tiên
Xông vào trận tiền cởi khố giặc ra
Giặc sợ giặc chạy về nhà
Trở về gọi mẹ mỗ gà khao quân.

CA DAO NÓI VỀ ĐẤT NƯỚC

1. Đứng bên ni đồng, ngó bên tê đồng mênh mông
bát ngát

Đứng bên tê đồng, ngó bên ni đồng cũng bát ngát
mênh mông

Thân em như chèn lúa đồng đồng

Phất phơ dưới ngọn nắng hồng buổi mai.

2. Đường vô xứ Nghệ quanh quanh.

Non xanh nước biếc như tranh họa đồ.

3. Rủ nhau chơi khắp Long thành ⁽¹⁾,

Ba mươi sáu phố ⁽²⁾ rành rành chẳng sai:

Hàng Bò, hàng Bạc, hàng Gai

Hàng Buồm, hàng Thiếc, hàng Bài, hàng Khay.

Mã Vĩ, hàng Điều, hàng Giày,

Hàng Lờ, hàng Cốt, hàng Mây, hàng Đàn.

Phố Mới, Phúc Kiến, hàng Than,

Hàng Mã, hàng Mắm, hàng Ngang, hàng Đồng.

Hàng Muối, hàng Nón, Cầu Đông,

Hàng Hòm, hàng Đậu, hàng Bông, hàng Bè.

Hàng Thùng, hàng Bát, hàng Tre,

Hàng Vôi, hàng Giấy, hàng The ⁽³⁾, hàng Gà.

Quanh đi đến phố hàng Da,
Trải xem đường phố thật là cũng xinh.

Phồn hoa thứ nhất Long thành,
Phố giảng mắc cửi đường quanh bàn cờ.

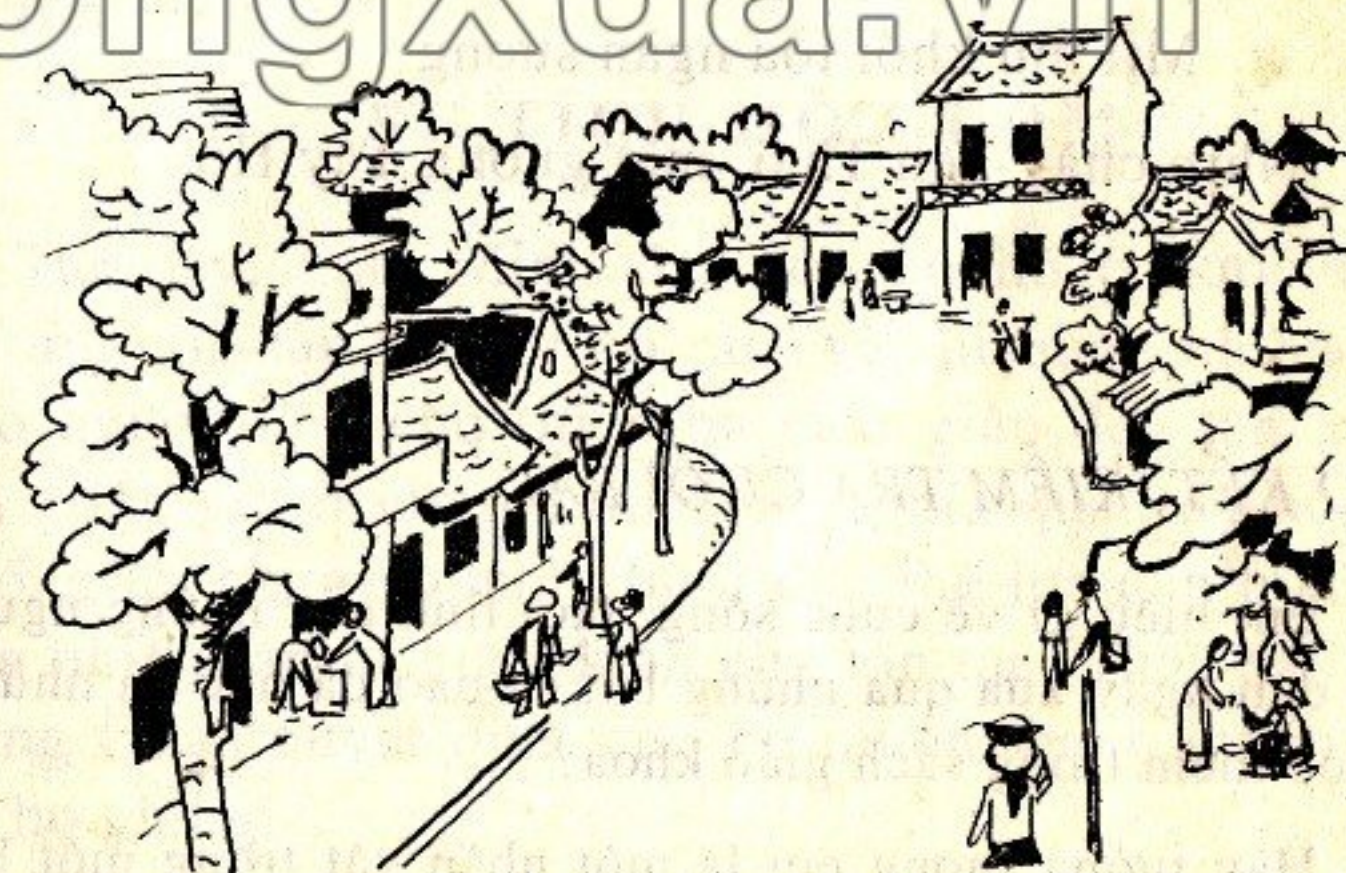
Người về nhớ cảnh ngân nga,
Bút hoa xin chép bài thơ lưu truyền.

Chú thích:

(1) Long thành nay là thủ đô Hà Nội.

(2) Ba mươi sáu phố cổ của Hà Nội. Người ta thường gọi: Hà Nội ba mươi sáu phố phường.

(3) Hàng The: tức hàng Đào, xưa kia bán toàn the, lụa và tơ



4. Làng ta phong cảnh hữu tình
Dân cư giang khúc như hình con long
Nhờ trời hạ kế sang đông
Làm nghề cày cấy vun trồng tốt tươi
Vụ năm cho đến vụ mười
Trong làng kẻ gái, người trai đua nghề

Trời ra: gắng, trời lặn: về
Ngày ngày, tháng tháng, nghiệp nghề truân
chuyên.

5. Gió đưa cành trúc la đà
Tiếng chuông Trấn Vũ, canh gà Thọ Xương
Mịt mù khói tỏa ngàn sương
Nhịp chày Yên Thái, mặt gương Tây Hồ

SƠ KẾT, KIỂM TRA CUỐI BÀI

1. Em hiểu gì về cuộc sống, tâm tình của những người nông dân ngày xưa qua những bài ca dao đã học và những bài đọc thêm trong sách giáo khoa?

2. Hãy tưởng tượng em là một nhân vật trong một bài ca dao đã học. Em kể về cảnh ngộ và tâm tình của chính mình.

BÀI HAI

TÌM CHỦ ĐỀ, TƯ TƯỞNG TRONG TRUYỀN THUYẾT

Truyền thuyết là một thể loại truyện kể dân gian trong đó nhân vật và sự việc ít nhiều có liên quan đến lịch sử.

Chủ đề quan trọng của truyền thuyết Việt Nam là sự nghiệp đấu tranh chống ngoại xâm, bảo vệ chủ quyền đất nước.

Cũng như thần thoại và cổ tích, truyền thuyết là sản phẩm của trí tưởng tượng nghệ thuật dân gian.

Bài mẫu

SỰ TÍCH HỒ GƯƠM

Thời ấy, giặc Minh đặt ách đô hộ ở nước Nam. Chúng coi dân ta như cỏ rác, và thi hành nhiều điều bạo ngược làm cho thiên hạ căm giận đến tận xương tủy. Bấy giờ ở vùng Lam Sơn, nghĩa quân đã nổi dậy chống lại chúng, nhưng buổi đầu thế lực còn non yếu, nên nhiều lần bị giặc đánh cho tan tác. Thấy vậy, đức Long Quân quyết định cho họ mượn thanh gươm thần để họ giết giặc.

Hồi ấy, ở Thanh Hóa có một người làm nghề đánh cá tên là Lê Thận. Một đêm nọ, Thận thả lưới ở một

bến vắng như thường lệ. Tự nhiên trong một lần kéo lưới, chàng thấy nặng nặng, trong bụng mừng thầm, chắc có cá to. Nhưng khi thò tay bắt cá, Thận mới biết đó là một thanh sắt. Chàng vút luôn xuống nước rồi lại thả lưới ở một chỗ khác.



Lần thứ hai cất lưới cũng thấy nặng tay. Thật không ngờ thanh sắt vừa rồi lại chui vào lưới mình. Chàng lại nhặt lên và ném xuống sông. Lần thứ ba lại vẫn thanh sắt ấy mắc vào lưới. Lấy làm lạ, Thận mới ghé mũi lửa nhìn xem. Bỗng chàng reo lên một tiếng:

- Ha ha! Một lưỡi gươm!

Thận về sau gia nhập đoàn quân khởi nghĩa Lam Sơn. Chàng đã mấy lần vào sinh ra tử nơi trận mạc để tiêu diệt lũ cướp nước. Một hôm chủ tướng Lê Lợi cùng mấy người tùy tùng đến nhà Thận. Trong gian nhà tối om, thanh sắt hôm đó chợt sáng quắc lên ở xó

nhà. Lấy làm lạ, Lê Lợi đến gần cầm lấy xem và nhận ra hai chữ "Thuận Thiên" khắc sâu vào lưỡi gươm. Song tất cả mọi người vẫn không biết đó là báu vật.

Một hôm bị giặc đuổi, Lê Lợi và các tướng chạy tháo thân mỗi người một ngả. Lúc đi qua một khu rừng, Lê Lợi bỗng thấy một ánh sáng lạ trên ngọn cây đa. Ông trèo lên mới biết đó là một cái chuôi gươm nam ngọc. Nhớ tới lưỡi gươm ở nhà Lê Thận, Lê Lợi rút lấy chuôi giắt vào lưng.

Ba ngày sau, Lê Lợi gặp tất cả các bạn, trong đó có Lê Thận. Khi lắp lưỡi vào cái chuôi thì, kì lạ thay, vừa vặn khớp nhau. Lê Lợi bèn kể lại câu chuyện lạ. Mọi người nghe xong đều hồ hởi vui mừng. Lê Thận nâng gươm lên ngang đầu nói với chủ tướng:

- Đây là thần có ý phó thác cho mình công làm việc lớn. Chúng tôi nguyện đem xương da của mình theo minh công và thanh gươm thần này để báo đền Tổ quốc!

Từ đó khí thế của nghĩa quân ngày một tăng. Trong tay Lê Lợi, thanh gươm thần tung hoành trên mọi trận địa và làm quân Minh bạt vía. Chẳng bao lâu, tiếng tăm của quân Lam Sơn lan ra khắp nơi. Họ không phải trốn tránh trong rừng mà lại xông xáo đi tìm giặc. Họ không phải ăn uống khổ cực như trước nữa, mà đã có những kho lương của giặc mới cướp được tiếp tế cho. Gươm thần đã mở đường cho họ đánh tràn ra mãi, cho đến lúc không còn bóng một tên giặc trên đất nước.

Sau khi đuổi giặc Minh về nước được một năm - ngày hôm ấy, Lê Lợi - bây giờ là một thiên tử - cưỡi thuyền rồng dạo quanh hồ Tả Vọng trong kinh thành. Nhân dịp đó, Long Quân sai Rùa vàng lên đòi lại thanh gươm thần. Khi chiếc thuyền tiến ra giữa hồ thì tự nhiên có một con rùa to lớn nhô đầu và mai lên khỏi làn nước xanh. Theo lệnh vua, thuyền đi chậm lại. Vua đứng lên và nhận thấy lưỡi gươm thần đeo bên mình cũng đang cử động. Rùa vàng không sợ người, nhô thêm nữa tiến sát về phía thuyền vua. Nó đứng nổi trên mặt nước và nói:

- Bệ hạ hoàn gươm lại cho Long Quân!

Nghe nói thế, nhà vua bỗng hiểu ra, bèn thò tay rút ra khỏi bao. Chỉ một lát thanh gươm thần rời khỏi tay vua bay về phía Rùa vàng. Nhanh như cắt, Rùa ngoác đầu lên, há miệng đón lấy ngang lưỡi gươm. Cho đến khi cả gươm và Rùa lặn xuống, người ta vẫn thấy có vết sáng le lói dưới mặt nước hồ xanh.

Khi những chiếc thuyền của bá quan tiến lên kịp thuyền rồng thì vua liền báo ngay cho họ biết:

- Đức Long Quân cho chúng ta mượn thanh gươm thần để trừ giặc Minh. Nay đất nước đã thanh bình, người sai Rùa lấy lại.

Và từ đó, hồ bắt đầu được mang tên là Hồ Gươm hay hồ Hoàn Kiếm.

NGUYỄN ĐỒNG CHI kể

EM LÀM CÁC VIỆC SAU

Việc 1: Dựng hình tượng

1. Em đọc toàn bộ truyện "Sự tích Hồ Gươm".

2. Em tìm hiểu từ ngữ: *giặc Minh; Lê Lợi; Hồ Gươm; Thuận Thiên; Thiên tử...*

3. Dựng lại hình tượng.

Gợi ý:

- Hình tượng trung tâm của truyện này là gì?

- Em kể lại việc Lê Thận đánh cá nhặt được lưỡi gươm thần.

- Em kể lại việc Lê Lợi nhặt được chuôi gươm thần.

- Em tìm những chi tiết trong bài nói về tình thế của nghĩa quân khi chưa có gươm thần.

- Em tìm những chi tiết trong bài miêu tả hình ảnh Lê Lợi với thanh gươm thần trong tay đã lãnh đạo nghĩa quân đánh giặc.

- Em hãy mô tả lại cảnh Lê Lợi trả lại gươm thần cho Long Quân.

4. Em hãy tưởng tượng em là Lê Thận hoặc một người đã chứng kiến nghĩa quân Lam Sơn đánh giặc, em kể lại truyện Long Quân cho mượn gươm thần.

Việc 2: Phân tích truyện, tìm chủ đề

1. Em tìm trong truyện những chi tiết có thực trong lịch sử?

2. Em tìm trong truyện những chi tiết kì lạ về chiếc gươm thần.

3. Long Quân cho Lê Lợi mượn chiếc gương thần đúng vào lúc cuộc kháng chiến gian nan nhất. Chi tiết đó cho em hiểu gì về cuộc kháng chiến của Lê Lợi?

4. Vấn đề chính đặt ra trong tác phẩm này là gì? Có phải chỉ để giải thích tên Hồ Gươm không?

Việc 3: Tìm tư tưởng của tác phẩm

1. Xây dựng hình tượng gương thần cùng nghĩa quân Lê Lợi đánh tan giặc Minh giải phóng đất nước, nhân dân ta muốn bày tỏ một tư tưởng gì?

2. Việc Lê Lợi trả lại gương thần cho Long Quân nói lên tư tưởng gì?

3. Trong đời sống tinh thần của dân tộc, Hồ Gươm có vị trí quan trọng như thế nào? Hãy nói cảm nghĩ của em về Hồ Gươm.

NHỮNG BÀI LUYỆN TẬP

LÊ LỢI

Hồi ấy, giặc Minh sang xâm chiếm nước ta, chúng đối xử với dân ta vô cùng tàn ác. Không một ai là không nghiêng răng, chau mày. Bấy giờ có Lê Lợi nổi quân đánh lại chúng. Lúc mới khởi nghĩa, quân ít, lương thiếu, mấy lần bị giặc đánh đuổi, mỗi người chạy một nơi. Nhưng ông không ngã lòng nản chí. Ít lâu sau, được mọi nơi giúp của, giúp người nên thanh thế lại dần dần nổi lên.



Một hôm, đội quân của Lê Lợi bị thua nặng. Một mình ông thoát được vòng vây chạy về một xóm nhỏ. Nhưng một toán quân Minh đã phát hiện ra, đuổi theo rất gấp. Khi qua một lùm cây, ông bỗng trông thấy hai vợ chồng một ông già đang be bờ bắt cá ở ruộng.

Ông liền chạy xuống nói với ông lão:

- Cụ làm ơn cho tôi bắt cá ở đây với, bọn chó Ngô sắp tới bây giờ!

Ông lão cởi ngay chiếc áo đang mặc ném cho Lê Lợi và ra hiệu bảo ông cứ xuống mà bắt.

Lê Lợi vừa thò tay xuống bùn thì cả toán quân giặc đã xồng xộc chạy tới. Một đứa trong bọn nhìn quanh nhìn quất rồi đứng lại bên cạnh đám ruộng.

- Này lão kia, có thấy Lê Lợi chạy qua đây không?

Ông lão lắc đầu:

- Từ khi chúng tôi tát cá ở đây, chả thấy có người nào chạy qua cả.

Trong lúc những tên giặc khác đang lục bờ soát bụi, thì Lê Lợi cũng ngẩng lên nhìn theo. Ông lão quát:

- Thằng bé kia, mày không bắt đi để còn về ăn cơm, nhòm ngó cái gì ?

Lê Lợi biết ý, lại cúi xuống bắt cá như cũ. Quân giặc đứng trên bờ tưởng là người nhà ông lão nên không hỏi thêm gì nữa. Một chốc sau, chúng bỏ đi nơi khác.

Tối hôm ấy, ông lão đưa Lê Lợi về nhà mình. Một đám quân bị lạc chủ tướng lúc này cũng tìm được đến đây với Lê Lợi. Đây là một thôn ở rất gần núi, dân cư rất nghèo, thường ngày ăn uống rất kham khổ. Trong nhà ông lão có nuôi một con khỉ. Thấy không có gì đãi quân khởi nghĩa, mà đi mua bán thì sợ không giữ được kín tiếng, hai ông bà bần nhau giết thịt con khỉ kho lên cho mọi người làm thức ăn, riêng Lê Lợi có thêm đĩa cá chép vừa bắt được lúc chiều. Cơm dọn ra. Cả tướng lẫn quân vừa mệt vừa đói nên ăn rất ngon lành. Mờ sáng hôm sau, trước khi từ giã, Lê Lợi nắm lấy tay ông lão, nói:

- Chúng tôi không bao giờ quên ơn lão. Sau này lúc nước nhà hưng phục, chúng tôi sẽ báo đền.

... Sau những ngày chiến đấu gian khổ, quân khởi nghĩa bắt đầu thu hết thắng lợi này đến thắng lợi khác, quân Minh cũng tiếp tục mất hết thành nọ đến thành

kia. Cuối cùng, bọn giặc phải bỏ giáp quy hàng. Lê Lợi lên ngôi vua ở Thăng Long. Nhưng ông không quên những người đã cứu giúp mình và nghĩa quân ngày trước.

Ông sai đại thần mang một mâm vàng bạc về tận nhà hai ông bà già để tặng. Song bấy giờ cả hai vợ chồng đều đã chết cả. Ông bèn sai dựng một ngôi đền ở ngay trên nền nhà cũ. Hàng năm ông bắt các quan phải tới đó làm lễ quốc tế. Cỗ cúng rất đơn giản, chỉ có một đĩa xôi, một bát thịt khỉ và một đĩa cá chép nướng, đúng như lúc hai vợ chồng ông lão dọn cỗ cho nghĩa quân ăn.

NHIỆM VỤ CỦA EM

1. Đọc truyền thuyết "Lê Lợi".
2. Em tưởng tượng lại những cảnh sau :
 - a) Cảnh Lê Lợi được vợ chồng ông lão cứu thoát.
 - b) Cảnh Lê Lợi cùng quân sĩ được gia đình ông lão đánh cá đón tiếp chu đáo.
3. Theo em, vì lí do gì mà hai vợ chồng ông lão nghèo lại hết lòng bảo vệ Lê Lợi và nghĩa quân?
4. Hình ảnh ngôi đền được dựng ngay trên nền nhà cũ của ông bà lão nói với mọi người điều gì?

ÔNG YẾT KIÊU

Ngày xưa có một người tên là Yết Kiêu ở làng Hạ Bì làm nghề đánh cá.

Một hôm, ông ta đi dọc theo bờ biển về làng bỗng thấy trên bãi có hai con trâu đang ghì sừng húc nhau dưới bóng trăng khuya. Sẵn đòn ống, ông cầm xông lại phang mạnh mấy cái vào mình chúng nó. Tự dưng hai con trâu chạy xuống biển rồi biến mất. Ông rất kinh ngạc, đoán biết là trâu thần. Khi nhìn lại đòn ống thì thấy có mấy cái lông dính vào đấy. Ông mừng quá, bỏ vào miệng nuốt đi.

Từ đó sức khoẻ của Yết Kiêu vượt hẳn mọi người, không một ai dám đương địch. Đặc biệt là ông có tài lội nước. Mỗi lần ông lặn xuống biển bắt cá, người ta cứ tưởng như ông đi trên đất liền. Nhiều khi ông sống ở dưới nước luôn sáu bảy ngày mới lên.

Hồi ấy có quân giặc ở nước ngoài sang cướp nước ta. Chúng cho một trăm chiếc tàu lớn tiến vào cửa biển Vạn Ninh vây bọc bắt tất cả thuyền bè, đốt phá chà lưới. Đi đâu chúng cũng cướp của giết người, gây tang tóc khắp một vùng duyên hải. Chiến thuyền nhà vua ra đối địch bị giặc đánh đắm mất cả. Nhà vua rất lo sợ, sai rao trong thiên hạ ai có cách gì lui được quân giặc sẽ phong cho quyền cao chức trọng.

Yết Kiêu bèn tìm đến vua tâu rằng: "Tôi tuy tài hèn sức yếu nhưng cũng quyết cho chúng nó vào bụng cá".

Vua hỏi: "Nhà ngươi cần dùng bao nhiêu người? Bao nhiêu thuyền bè?". "Tâu bệ hạ - ông đáp - chỉ cần một mình tôi cũng có thể đương đầu được với chúng nó". Nhà vua mừng lắm, liền phong cho ông làm Đô đốc cầm thủy quân đánh giặc.

Ông đến Vạn Ninh cho quân sĩ nghỉ ngơi, chỉ bảo họ sắm cho mình một cái khoan, một cái búa. Đoạn một mình ông lặn xuống đáy biển đi ra chỗ tàu giặc.

Ông tìm đến đáy tàu vừa khoan vừa đục. Ông làm rất lẹ và im lặng, tàu giặc cứ đắm hết chiếc này đến chiếc khác. Trong một hôm, chúng bị đắm luôn hơn hai mươi chiếc. Thấy thế, quân giặc hoảng hốt, rối rít cả lên. Chúng sai những tên quân có tài lặn xuống nước dò thám. Mấy tên quân dò tìm mãi mới thấy Yết Kiêu đang khoan một chiếc tàu. Bọn chúng xông lại nhưng chúng đâu có phải là địch thủ của ông cho nên cuối cùng ông không để cho một đứa nào trở về.

Quân giặc vô cùng sợ hãi. Mãi về sau tên tướng giặc mang một cái ống nhòm thủy tinh có phép nhìn thấy được qua nước đến đáy biển. Chúng nhìn thấy ông đi lại thoăn thoắt như đi trên bộ. Chúng bèn đem cái vó bằng sắt, nhè lúc ông đang mài đục một chiếc tàu, buông xuống chụp lấy ông. Quả nhiên chúng bắt sống được Yết Kiêu. Lập tức chúng tra khảo ông: "Trong nước này, những người lặn như mày có bao nhiêu người?". Ông bảo chúng: "Không kể những người đi lại dưới nước suốt mười ngày không lên, còn như hạng ta thì một trăm chiếc tàu của mày cũng không chở hết."

Hiện giờ ở dưới đó hết lớp này xuống lớp kia lại lên, không mấy khi vắng người". Nghe nói thế, bọn giặc kinh sợ, cuối cùng đồng ý: "Mày muốn sống phải đưa chúng ta đi bắt, sẽ có hậu thưởng, nếu không sẽ bị giết chết". "Được, ta sẽ chỉ cho".

Quân giặc tưởng thật, bắt ông cùng với mười tên quân đem vó sắt ngồi trên thuyền nhỏ ra biển dò tìm. Thừa lúc chúng vô ý, ông nhảy tòm xuống nước trốn đi. Chúng trông nhau ngơ ngác. Bấy giờ quân giặc đã bị thiệt hại quá nặng lại nghe Yết Kiêu nói nước Nam có nhiều người tài lặn nên cuối cùng chúng đành phải quay tàu trở về không dám quấy nhiễu nữa.

Nhà vua mừng quá khen ngợi Yết Kiêu, phong hàm đại vương. Sau khi ông mất, mọi người nhớ ơn lập đền thờ ở cửa Vạn Ninh và nhiều cửa biển khác.

NHIỆM VỤ CỦA EM

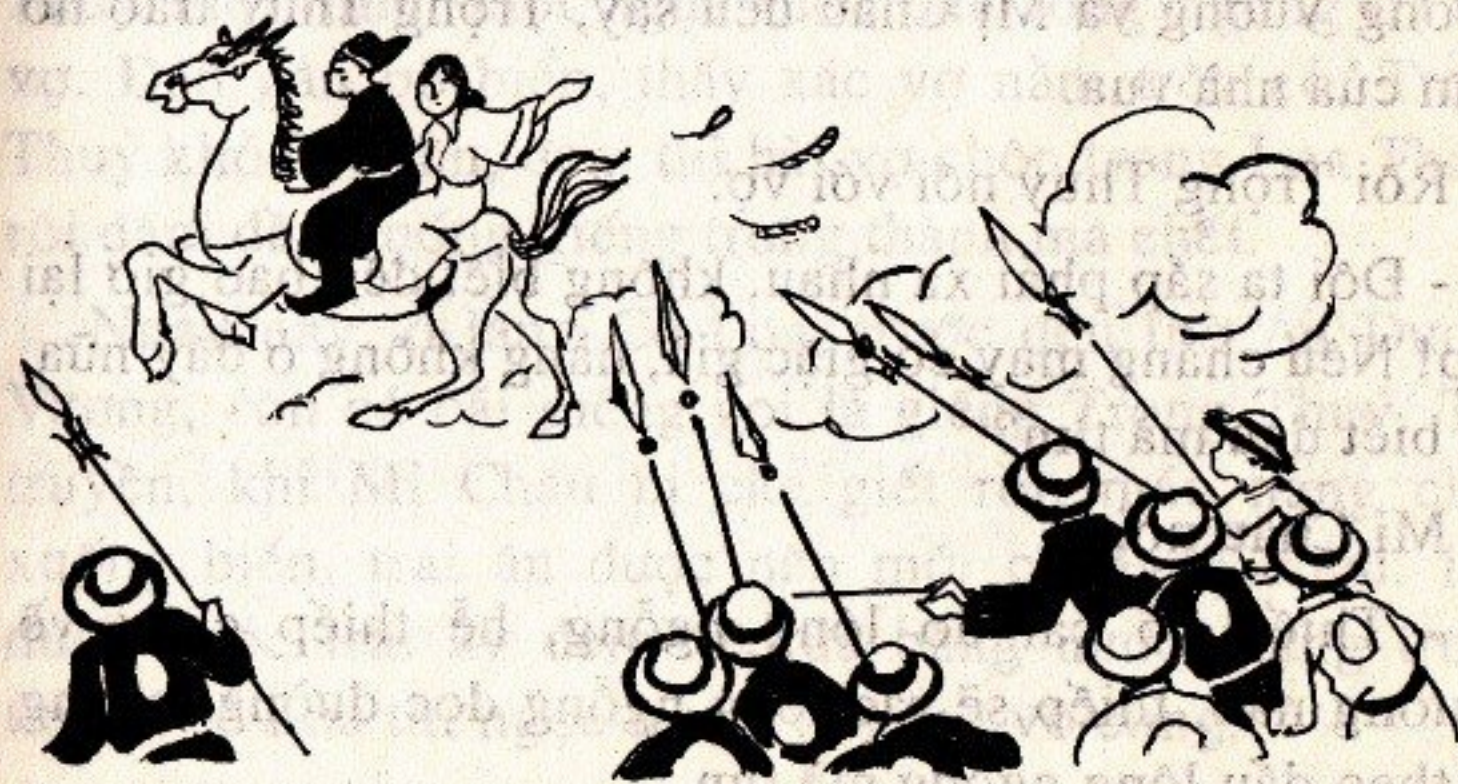
1. Đọc truyền thuyết "Ông Yết Kiêu".
2. Đọc và tìm trong truyện những chi tiết có thực.
3. Đọc và tìm trong truyện những chi tiết lạ kì.
4. Các tác giả dân gian mong muốn điều gì khi xây dựng hình tượng ông Yết Kiêu?
5. Tại sao em xếp truyện "Ông Yết Kiêu" vào thể loại truyền thuyết?
6. Em tập kể lại truyện "Ông Yết Kiêu" theo lời kể của một tên tướng giặc bại trận.

MỊ CHÂU, TRỌNG THỦY

Sau khi đã giúp An Dương Vương xây Loa Thành, thần Kim Quy cho An Dương Vương một cái móng của mình để làm lẫy nỏ mà giữ thành. Lẫy nỏ này bắn trăm phát, trăm phát trúng cả trăm và chỉ một phát có thể giết hàng ngàn quân giặc. An Dương Vương quý chiếc nỏ vô cùng, lúc nào cũng treo gần chỗ nằm.

Lúc bấy giờ, Triệu Đà làm chúa đất Nam Hải, đã mấy lần đem quân sang cướp Âu Lạc, nhưng vì An Dương Vương có nỏ thần nên đều thất bại. Triệu Đà bèn xin giảng hoà và đem con trai là Trọng Thủy sang cầu thân, chủ ý là tìm cách phá nỏ thần.

Trọng Thủy gặp Mị Châu, con gái yêu của An Dương Vương, hai người trở nên thân thiết. An Dương Vương không nghi ngờ gì cả. Thấy đôi trẻ thương yêu nhau, vua liền gả Mị Châu cho Trọng Thủy.



Một đêm trăng sao vàng vạc, Mị Châu cùng Trọng Thuỷ ra vườn chơi, Trọng Thuỷ tỉ tê hỏi vợ:

- Nàng ơi, bên Âu Lạc có bí quyết gì mà không ai đánh được?

Mị Châu đáp:

- Có bí quyết gì đâu! Âu Lạc có thành cao, hào sâu, lại có nỏ thần, như thế còn ai địch nổi!

Trọng Thuỷ giả vờ ngạc nhiên, ngỏ ý muốn xem chiếc nỏ. Mị Châu không ngần ngại lấy ngay nỏ thần cho chồng xem. Trọng Thuỷ chăm chú nhìn hồi lâu rồi đưa vợ cất đi.

Hôm sau, Trọng Thuỷ xin phép An Dương Vương về thăm cha và thuật lại cho Triệu Đà biết về chiếc nỏ thần. Đà sai người làm một chiếc lẫy nỏ giống hệt của An Dương Vương, Trọng Thuỷ giấu vào trong áo, lại trở sang Âu Lạc. Trong một bữa tiệc vui, nhân lúc An Dương Vương và Mị Châu đều say, Trọng Thuỷ tráo nỏ thần của nhà vua.

Rồi Trọng Thuỷ nói với vợ:

- Đôi ta sắp phải xa nhau, không biết đến bao giờ lại gặp! Nếu chẳng may có giặc giã, nàng không ở đây nữa, tôi biết đâu mà tìm?

Mị Châu nói:

- Thiếp có cái áo lông ngỗng, hễ thiếp chạy về phương nào, thiếp sẽ rắc lông ngỗng dọc đường, chàng cứ theo dấu lông ngỗng mà tìm.

Nói xong Mị Châu nước mắt khóc.

Ít ngày sau, Triệu Đà cất quân sang đánh Âu Lạc, An Dương Vương cậy có nỏ thần không phòng bị gì cả. Khi quân giặc đến sát thành, An Dương Vương sai đem nỏ thần ra bắn thì không còn hiệu nghiệm.

Quân Nam Hải phá cửa thành, kéo ừa vào. An Dương Vương vội lên ngựa, đeo Mị Châu sau lưng, phi ngựa thoát ra cửa sau. Ngồi sau lưng cha, Mị Châu bứt lông ngỗng ở áo rắc khắp dọc đường.

Hai cha con chạy đến đâu, giặc đuổi theo đến đấy. An Dương Vương hướng ra biển, khẩn thần Kim Quy phù hộ. Thần hiện lên bảo An Dương Vương rằng: "Giặc ở sau lưng nhà vua ấy".

An Dương Vương tỉnh ngộ, rút gươm chém Mị Châu rồi nhảy xuống biển tự vẫn.

Quân của Triệu Đà kéo vào chiếm Loa Thành, Trọng Thuỷ một mình một ngựa theo dấu lông ngỗng đi tìm vợ. Đến gần bờ biển, thấy xác vợ nằm trên cỏ, Trọng Thuỷ khóc oà lên, đem thi hài vợ chôn trong Loa Thành rồi đâm đầu xuống giếng trong thành mà chết.

Ngày nay, ở làng Cổ Loa, trước đền thờ An Dương Vương, còn có cái giếng gọi là giếng Trọng Thuỷ. Tục truyền, khi Mị Châu bị cha giết rồi, máu nàng chảy xuống biển, trai ăn được nên mới có ngọc châu. Lấy được ngọc trai ấy đem về rửa bằng nước giếng trong thành Cổ Loa thì ngọc trong và sáng vô cùng.

NHIỆM VỤ CỦA EM

1. Đọc và nắm vững các tình tiết chính trong truyện.
2. Vì sao An Dương Vương có nỏ thần và vì sao An Dương Vương mất nỏ thần?
3. Xây dựng hình tượng nỏ thần, ông cha ta mơ ước điều gì?
4. Kết thúc truyện như thế nào? Chúng ta rút ra bài học gì qua kết thúc bi thảm đó?
5. Kể lại một chi tiết mà em thấy hay nhất trong truyện.
6. Tại sao em xếp truyện này vào thể loại truyện thuyết?

TRUYỆN THUYẾT VỀ XỨ BA-UN-LÊ

Ngày xưa có một hoàng hậu tên là A-pơ-ra Pê-cu. Bà trị vì xứ Cu-ma-si. Bà là người thông minh, biết nhìn xa thấy rộng, lại có tài hướng dẫn dân chúng trồng trọt và chăn nuôi. Vì vậy, xứ sở của bà rất phồn vinh và bà được dân chúng mến phục.

Có một năm, hạn hán kéo dài. Nạn đói kém xảy ra khắp nơi. Thấy xứ sở của bà còn nhiều gia súc và lương thực dự trữ, các bộ tộc láng giềng ứa đến cướp bóc. Biết không đủ sức chống lại kẻ thù đông gấp nhiều lần, bà quyết định rời cả bộ tộc đến nơi khác, mang theo toàn bộ số gia súc và lương thực.

Trên đường, gia súc khát nước quá không đi được. Các cụ già muốn giết bớt đi cho nhẹ. Hoàng hậu khuyên nên giữ lại để phòng đói. Vừa bị kẻ thù đuổi gấp, vừa bị đàn

gia súc quẩn chân, dân chúng mệt mỏi, chán nản, lo sợ. Hoàng hậu đã động viên bộ tộc bằng cách gợi lòng tự hào của các bộ lão, lòng thương con của các bà mẹ. Bộ tộc lại tiếp tục đi. Nhưng đến bờ sông Cô-mô thì phải dừng lại: nước sông chảy xiết, lòng sông sâu thẳm, đá mọc lởm chởm, hà mã hàng đàn. Biết làm thế nào qua sông bây giờ? Giữa lúc ấy, Thần Sông hiện lên đòi phải dâng máu hoàng tử mới được qua sông. Nhiều cụ già kiệt sức muốn được hiến mình nhưng Thần Sông không nhận. Hoàng hậu cũng tự nguyện hi sinh nhưng Thần Sông vẫn không chịu. Không còn cách nào khác, hoàng hậu đành lòng hiến đứa con độc nhất của mình để cứu cả bộ tộc. Bà ôm hôn con thắm thiết rồi hạ lệnh ném con xuống dòng sông.

Hoàng tử vừa bị ném xuống sông thì một cảnh tượng kì lạ hiện ra: hà mã ở khắp sông kéo đến đàn thành hàng ngang làm thành chiếc cầu vững chắc. Cả bộ tộc qua sông với đàn gia súc của mình. Hoàng hậu là người đi sau cùng. Vừa lúc ấy, quân thù kéo đến đông nghịt. Hoàng hậu vừa đặt chân lên bờ bên kia thì đàn hà mã biến mất. Kẻ thù đứng nhìn dòng nước sông cuộn sóng rồi kéo nhau quay về.

Đến một vùng đất phì nhiêu, bộ tộc dừng lại, dựng nhà cửa, trồng trọt, chăn nuôi và lập nên nước Ba-un-lê.

Ngày nay, những người chèo thuyền ở Ba-un-lê vẫn còn hát vang bài ca ca ngợi công lao của hoàng hậu Pê-cu với niềm tự hào về dòng dõi cao quý của mình.

(Truyện cổ tích Châu Phi) (*)

Chú thích

* Truyện cổ: Sáng tác dân gian nói chung, trong đó có truyện thuyết.

NHIỆM VỤ CỦA EM

1. Đọc và nắm vững các tình tiết chính trong truyện.
2. Tìm những chi tiết trong bài cho thấy hoàng hậu A-pơ-ra Pê-cu là người thông minh, biết nhìn xa trông rộng.
3. Việc hoàng hậu hi sinh đứa con trai độc nhất của mình để cứu cả bộ tộc nói lên tư tưởng gì?
4. Tưởng tượng em là một người dân Ba-un-lê, em hãy kể về xứ sở của mình.
5. Tại sao truyện này được xếp vào thể loại truyện thuyết?

SỰ TÍCH ĐÀM MƯC

Ngày ấy vào đời Trần có một cụ đồ nho ở xã Quang Liệt tên là Chu An. Học vấn của cụ sâu và rộng. Cũng vì tiếng tăm của cụ truyền khắp mọi nơi nên học trò xa gần đến học rất đông.

Về sau, nhà vua nghe tiếng liền mời cụ về kinh giao cho trông nom trường Quốc tử giám và dạy thái tử học. Cụ để nhà lại cho vợ con rồi đi nhậm chức.

Nhưng được hơn một năm đã thấy cụ chống gậy trở về. Cụ bảo mọi người rằng:

- Ta không thể chịu được với bảy tên quyền thần đối vua hại nước.

Từ đó người ta thấy cụ trở lại nghề dạy học. Lần này

những người đến xin nhập môn đông vô kể. Cả một cái gò cao ở xóm Văn phải dựng thêm ba bốn mái nhà nữa mới đủ chỗ để chứa học trò. Nhà trong xóm chật ních những anh đồ nhỏ, đủ mặt người Kinh, người Trại. Đó là chưa kể những người quanh vùng hằng ngày cơm đùm cơm gói đi về học tập.

Trong số học trò của cụ có hai anh em con vua Thuỷ Tề. Nghe tiếng cụ đồ, vua Thuỷ Tề cũng cho con lên học. Ngày ngày hai anh em đến bờ sông trút lột thường luồng ở nước và lên đất, nói năng, cử chỉ không khác gì người trần.

Một hôm cụ đồ đang chấm bài thì anh trưởng tràng tự nhiên kể cho biết rằng từ sáng sớm chưa rõ mặt người, anh có việc đi chợ huyện, đến cầu Bươu tình cờ thấy từ dưới sông có hai người đi tiên mặt nước tiến vào bờ. "Đúng là anh em nhà Gàn thầy ạ! Con đầu tiên sợ nhưng cố đi theo. Quả nhiên họ vào đây. Thầy bảo bây giờ nên làm thế nào?" Cụ đồ gật gù đáp: "Con cứ để yên mặc họ, con ạ. Nếu quý thân mà họ chuộng đạo thánh hiền thì lại càng hay chứ sao!"... Năm ấy, vùng Thanh Đàm trời làm đại hạn. Suốt từ cuối năm ngoái cho đến tháng hai năm nay không có lấy một giọt mưa. Đồng ruộng nứt nẻ. Mấy đám lúa, đám ngô cứ héo dần. Thấy mọi người nhao nhác, cụ đồ cũng sốt ruột không kém.

Một chiều kia, sau buổi học, cụ đồ lưu hai anh em họ Gàn ở lại rồi bảo: "Thầy muốn các con thương dân một chút". Hai anh em làm bộ ngờ ngác không nói gì. Thấy

họ còn giấu mình, cụ đồ nói: "Các con bắt tất phải giấu. Thầy đã biết cả. Bây giờ đây chỉ có các con là cứu được dân. Các con hãy làm mưa cho họ nhờ". Hai anh em đưa mắt nhìn nhau. Hồi lâu, bảo cụ: "Dạ, nhưng hiềm vì sông hồ đều có lệnh phong bế cả, thì lấy đâu ra nước bây giờ?". Ông cụ khản khoản: "Các con cố nghĩ thử xem có thể lấy nước ở đâu được không. Không cứu được nhiều thì thôi, hăng tàm cứu ít vậy!".

Hai anh em ngần ngừ hồi lâu rồi chỉ vào nghiên mực đặt trên án thư, bảo cụ đồ: "Dạ, oai trời thì rất nghiêm, nhưng lời dạy của thầy thì rất trọng. Chúng con xin vâng lời thầy. Chúng con sẽ dùng nước ở nghiên mực này tàm thấm nhuần một địa phương vậy".

Cụ đồ mừng rỡ chạy đến án thư bệ cái nghiên mực lớn còn đầy nước và cái quản bút lông của mình thường dùng đưa cho họ. Hai anh em đỡ lấy rồi cả ba người cùng tiến ra bờ sông. Đến nơi, họ xắn ống tay áo, rồi sau đó em bung nghiên mực, anh cầm quản bút nhúng mực vẩy lên trời nhiều lần. Đoạn họ vớt cả nghiên mực lẫn bút xuống nước, cúi vái cụ đồ rồi biến mất.

Đêm hôm ấy tự nhiên mây mù tối tăm rồi mưa một trận như trút. Cụ đồ vừa mừng vừa sợ suốt đêm chạy ra chạy vào không ngủ. Sáng dậy, điều mà ai nấy đều lấy làm lạ là nước chỉ lênh láng mấy cánh đồng vùng Thanh Đàm mà thôi. Hơn nữa, sắc nước chỗ nào chỗ ấy đều đen như mực. Trận mưa đêm hôm đó quả là cứu vớt được bao nhiêu ruộng lúa và các hoa màu khác. Dân vùng Thanh Đàm lại vui vẻ như xưa.

Nhưng lúc đó, ở thiên đình các thiên thần đều lấy làm lạ về một trận mưa bất ngờ. Ngọc Hoàng nổi giận sai một thiên thần đi bắt cho được thủ phạm để trị tội và cả hai anh em đều không thoát khỏi lưới trời nghiêm ngặt: Cả hai đều rơi đầu trước lưới búa của Thần Sét.

Xác của họ hiện nguyên hình là hai con thường luồng, song đầu một nơi mình một nẻo, giạt vào gậm cầu Bươu. Cụ đồ nghe tin rất là thương xót. Cụ khóc và bắt tất cả học trò đi đưa đám hai con thường luồng. Xác hai con vật được chôn cất tử tế ở hai bên cầu và cũng đắp thành nấm mộ như mộ của người.

Cái nghiên mực của cụ đồ Chu An sau đó trôi về làng Quỳnh Đô làm đen cả nước đầm ấy. Ngày nay người ta vẫn gọi là Đầm Mực. Còn quản bút thì lại trôi về làng Tó, tức làng Tả Thanh Oai bây giờ, có lắm người học hành đỗ đạt. Còn chỗ ngôi mộ hai con quái vật tức hai anh em thường luồng, sau đó, người ta lập miếu thờ, ngày nay vẫn còn và có tên là miếu Gàn.

NGUYỄN ĐỒNG CHI kể.

NHIỆM VỤ CỦA EM

1. Vì sao anh em con vua Thủy Tề lại xin theo học cụ đồ?
2. Tìm những chi tiết trong bài thể hiện lòng kính trọng của hai người con vua Thủy Tề với người thầy họ.
3. Ghi lại một chi tiết hoặc một hình ảnh làm em xúc động.

NHỮNG BÀI ĐỌC THÊM

ÔNG ĐỒNG GIẾT THUỒNG LUỒNG

Thủy Tinh bị Sơn Tinh đánh bại, quân tướng chạy tán loạn khắp nơi. Thuồng Luồng chạy về ẩn náu ở một khúc sông Hồng, xoáy nước làm hang ổ ngày càng tác oai tác quái trong vùng, bắt dân lập miếu thờ và mỗi năm bắt cống một người con gái đẹp. Người người phần uất, nhiều trai làng lao thuyền chạy đi định giết quỷ quái, cứu người vô tội. Nhưng các dũng sĩ ra đi vẫn cứ biệt tăm. Khi ấy một cậu bé khôi ngô, tuấn tú đã ra đời. Lớn lên chẳng được bao năm, cậu đã mồ côi cha mẹ, một mình làm lụng nuôi thân. Càng lớn chàng trai càng khỏe mạnh, thông minh, sức địch muôn người. Đã nhiều lần tận mắt nhìn thấy dân làng phải đem con gái vớt xuống lòng sông cho quỷ dữ, chàng căm giận Thuồng Luồng, ngày đêm luyện sức quyết một phen trừ nạn, diệt thù.

Đợi sắp đến dịp phải tế lễ hàng năm, chàng trai ra sông, đứng nhìn địa thế, rồi buộc lại khố, tay cầm thật chắc con dao đã mài sắc rồi từ từ bơi thẳng đến chỗ vực nước xoáy.

Thấy hơi người, Thuồng Luồng từ hang đá bò ra há miệng chờ mồi, chàng trai cứ để mặc cho quỷ quái nuốt chửng mình vào bụng. Ở trong bụng Thuồng Luồng, chàng trai mới dùng dao và đòn sức đâm nát tim gan nó. Thuồng Luồng đau đớn, giãy giụa, sóng

nước dềnh lên dữ dội, trời đất tăm tối mịt mù mây khắc.

Sau cơn giãy chết, Thuồng Luồng cứng xác và nổi dần lên, máu đỏ ngòm cả một khúc sông nhưng chàng trai cũng kiệt sức không sống nổi. Mọi người kính cẩn đưa xác chàng chôn trên một cái gò cao nhìn xuống dòng sông rộng, và từ đây mỗi khi qua, người nào cũng đặt lên mộ một hòn đất. Ngôi mộ to cao dần thành một cái gò lớn. Cũng đến tận lúc đó, mọi người vẫn không biết tên chàng, bèn truyền nhau kính cẩn gọi quả gò chôn chàng là gò Ông Đồng. Gò này hiện nay thuộc địa phận xã Đường Lâm, huyện Ba Vì, tỉnh Hà Tây*.

(Truyền thuyết vùng Ba Vì)

* Tại địa điểm này, năm 1971, Viện khảo cổ học đã tiến hành khai quật và tìm thấy nhiều di vật có giá trị.

SỰ TÍCH BÁNH CHUNG, BÁNH GIẦY

Ngày đó, vua Hùng tuổi đã già. Thấy sức khỏe của mình ngày một suy, vua có ý định chọn người nối ngôi.

Vua cho họp tất cả các con lại. Khi hai mươi hai người con trai đã về đông đủ, vua bảo: "Cha biết mình gần đất xa trời. Cha muốn truyền ngôi cho một trong các con. Bây giờ các con cố kiếm hoặc cố làm một món ăn lạ để cúng tổ tiên. Ai có món ăn ngon, vừa ý

thì ta sẽ chọn người đó".

Nghe vua truyền thế, các hoàng tử thi nhau cho người đi khắp mọi nơi để tìm tòi thức ăn quý. Họ lần mò, thoi thoi trên ngàn dưới biển, không sót nơi nào. Bất kì thứ gì họ nghe nói là ngon, là lạ thì họ cố tìm cho bằng được.

Lang Liêu là hoàng tử thứ 18. Chàng mồ côi mẹ từ nhỏ. Trong khi các hoàng tử chạy đi tìm vật lạ thì Liêu chưa biết làm gì. Chỉ còn ba ngày nữa là đến ngày thi mà Liêu chưa có gì cả. Đêm ấy Liêu nằm gác tay lên trán nhớ lại tất cả những món ăn ngon xưa nay chàng đã từng được dự. Liêu đang mơ mơ màng màng bỗng một nữ thần từ trên trời bay xuống. Nữ thần bảo: "To lớn trong thiên hạ không gì bằng trời đất, của báu nhất trần gian không gì bằng hạt gạo. Ta đừng làm nhiều, chỉ hai thứ bánh có ý nghĩa là đủ. Hãy nhặt hộ ta chỗ nếp này, rồi đi kiếm cho ta một ít đậu". Tự nhiên, Liêu thấy thần lần lượt lấy ra những tàu lá to, rộng và xanh. Thần vừa gói vừa giảng giải: "Bánh này là tượng đất. Đất có cây cỏ, đồng ruộng, núi rừng, màu phải xanh xanh, hình phải vuông vắn. Trong bánh phải bỏ thịt, bỏ đỗ để lấy ý nghĩa đất cho cầm thú, cỏ cây. Rồi đem thứ nếp thơm đồ lên cho dẻo, giã làm thứ bánh tượng trời, màu phải trắng, hình phải tròn và khum khum như vòm trời..."

Tỉnh dậy, Liêu bắt đầu làm bánh y như trong giấc mộng. Ngày các hoàng tử đưa món ăn về dự thi là một ngày náo nhiệt nhất ở Phong Châu. Người đông nghìn

nghịt. Dân mọi miền đều náo nức về dự một cái tết tung bừng ít có: mở đầu bằng cuộc thi các món ăn và kết thúc bằng lễ lên ngôi của vua mới.

Đúng vào lúc mặt trời mọc thì vua Hùng đến làm lễ gia tiên. Chiêng trống, cờ quạt làm rộn cả tai mắt mọi người. Tất cả đều trông chờ lúc các vị giám khảo xét món ăn. Nhưng tất cả các món "nem công", "chả phượng, tay gấu, gan tê"... của các hoàng tử đều không bằng những tấm bánh quê mùa của Liêu.

Khi mọi người nhìn thấy cỗ của chàng, thoát tiên số đông trong đó bĩu môi, vẻ chê bai hiện ra ở nét mặt. Nhưng sau khi nếm xong, họ đều gật gù tán thưởng. Sau khi đã nếm thử được vài miếng, Vua Hùng lấy làm ngạc nhiên và vua đã lật lên lật xuống ngắm nghía kĩ càng những tấm bánh chưng chưa bóc. Vua cho đòi Liêu lên điện hỏi cách thức làm bánh thế nào. Liêu cứ thực tâm lên, không quên nhắc đến giấc mộng lạ của mình.

Quá trưa hôm ấy, vua Hùng trình trọng tuyên bố với các con: Hoàng tử thứ 18 được giải nhất và được truyền ngôi. Vua cầm hai thứ bánh giơ cho mọi người xem và nói vì sao mình chọn thứ bánh này đứng đầu các thứ cỗ: "Bánh này chẳng những thơm ngon và quý mà còn mang nhiều ý nghĩa đặc biệt. Bánh giầy tỏ lòng hiếu thảo của người con tôn kính cha mẹ như trời đất. Bánh chưng đầy tâm tình quê hương đồng ruộng. Bánh rất dễ làm vì nó làm bằng những hạt ngọc quý nhất trong những hạt ngọc của trời đất, nhưng những hạt

ngọc ấy mọi người đều trông được. Phải là người có tài mới nghĩ ra được loại bánh đó..."

Từ đó thành tục lệ, hàng năm cứ đến ngày tết, mọi người đều làm hai thứ bánh đó, gọi là bánh chưng, bánh giầy để thờ cúng gia tiên.

NÀNG CÔNG CHÚA HA-BA-NA

Cổng thành vừa mở thì một thanh niên tuần tú, mặt hoa da phấn, cưỡi ngựa mang cung phóng vút ra. Đó là công chúa Ha-ba-na, nàng dũng sĩ!

Đúng vậy, người phóng ngựa qua đây chính là nàng công chúa Ha-ba-na, người con gái độc nhất của vua Cu-ba. Mới nhìn tưởng nàng là một hoàng tử, vì nàng thường ăn mặc như nam giới, cưỡi ngựa vào rừng săn bắn. Từ năm mười tuổi, Ha-ba-na đã thích nghề cung kiếm. Nàng là người có tài sắc, đã bao hoàng tử các nước, bao chàng trai quyền quý đến cầu hôn. Vua cho hỏi ý kiến nàng, nàng liền thưa:

- Thưa Phụ vương, xin Phụ vương cho phép con được tự chọn lấy người xứng đáng. Phụ vương cho mở hội thi võ, nếu ai thắng con, con sẽ xin nhận người đó làm chồng.

Những cuộc thi võ mở ra hàng năm để kén phò mã. Nhưng vẫn chưa ai thắng nổi Ha-ba-na.

Cuộc sống đang yên vui thì giặc ngoại xâm kéo đến, bao nhiêu người ra đi đều chết hoặc thất bại trở về. Nhà vua đem tình hình giặc ngoại xâm uy hiếp kể lại cho Ha-ba-na. Nàng quỳ xuống tâu:

- Thưa Phụ vương! Xin phép cho con được đem tài sức nhỏ mọn ra cứu nước, cứu dân.

Nhà vua từ chối:

- Con là con gái thì chống sao nổi giặc. Mà cha chỉ có mình con.

- Thưa Phụ vương! Ha-ba-na ngắt lời vua - Cứu nước cứu dân thì đâu có kể tới chuyện gái hay trai. Xin Phụ vương cứ cho con đi!

Trước thái độ kiên quyết của con, nhà vua đành phải nhận lời.

Ngay hôm đó, công chúa Ha-ba-na cùng một số tướng sĩ lên thành xem xét giặc. Tối đến, nàng ra lệnh cho một số quân đốt đuốc rực trời ở cổng phía đông để nghi binh, còn quân tinh nhuệ thì vòng theo cổng phía tây để đánh tập hậu.

Quân địch thấy cổng thành đông sáng rực, tưởng quân nhà vua kéo ra ứng chiến, bèn tập trung quân vào đấy đối phó. Trong lúc ấy, Ha-ba-na đã dẫn đoàn quân tinh nhuệ đánh sau lưng. Quân địch mắc lừa, trở tay không kịp. Ha-ba-na thừa thắng thúc quân sĩ đuổi theo, nhưng một mũi tên độc từ phía quân thù bay lại cắm lên người nàng. Ha-ba-na ngã gục xuống chân ngựa.

Đoàn quân của nàng như vũ bão vẫn hò hét lao về phía trước.

Khi đoàn quân thắng trận quay lại thì thấy Ha-ba-na đã tắt thở bên con ngựa trung thành. Nàng đã hi sinh anh dũng, thanh kiếm vẫn cầm trong tay. Quân nhà vua thắng trận trở về, bên niềm vui phấn khởi còn mang theo lòng thương tiếc người nữ tướng dũng cảm. Nhà vua chạy ra ôm xác công chúa:

- Ha-ba-na! Ha-ba-na! Nhà vua nức nở.

Giặc tan, nhân dân mở hội ăn mừng nhưng không thể không thương nhớ công chúa Ha-ba-na dũng cảm. Họ lập bia kỉ niệm và đặt tên thành phố Ha-ba-na để ghi công nàng. Tới nay đất nước Cu-ba đã bao lần thay đổi, nhưng tên Ha-ba-na, thủ đô Ha-ba-na * tên nàng công chúa dũng cảm vẫn sống mãi trong lòng nhân dân Cu-ba.

(Truyện cổ Cu-ba)

* Thủ đô của Cu-ba hiện nay là La Ha-ba-na.

SƠ KẾT, KIỂM TRA CUỐI BÀI

1. Các nhân vật và sự kiện trong truyền thuyết có đặc điểm gì? Em lấy ví dụ.

2. Qua các truyền thuyết đã học hoặc đã đọc thêm, em hiểu gì về truyền thống của nhân dân ta, đất nước ta?

3. Hãy kể về một nhân vật trong truyền thuyết mà em thấy đẹp hơn cả.

BÀI BA

TÌM CHỦ ĐỀ, TƯ TƯỞNG TRONG TRUYỆN CỔ TÍCH

Truyện cổ tích là một trong những thể loại văn học dân gian quan trọng và được phổ biến rộng rãi. Truyện cổ tích thường có những đặc điểm sau:

1. *Nêu lên số phận đau khổ của những người nghèo trong xã hội ngày xưa - những người tượng trưng cho phẩm chất cao quý của nhân dân.*

2. *Nêu cao khát vọng tự do, hạnh phúc và công bằng xã hội. Ở đây cuộc đấu tranh giữa cái THIÊN và cái ÁC rất quyết liệt nhưng cuối cùng bao giờ cái THIÊN cũng thắng.*

Truyện cổ tích chính là những giấc mơ đẹp của nhân dân.

3. *Nhân vật chính của truyện cổ tích thường là NGƯỜI.*

Bài mẫu

CÂY TRE TRĂM ĐỐT

Ngày xưa có một lão nhà giàu gian ác, xảo trá. Hắn có người con gái út nhan sắc, chưa chồng. Trong nhà có anh Khoai, ở với hắn từ thuở nhỏ, làm đủ trăm công

đốt chứ tao có bảo mày đốn một trăm đốt tre đâu!

Cả hai họ ngừng đùa, cười theo, chế nhạo anh Khoai khờ khạo. Anh Khoai đọc khẽ: "Khắc nhập! Khắc nhập!". Tức thì trăm đốt tre dính liền với nhau thành một cây tre dài và dính luôn cả tên nhà giàu vào đấy. Thằng cai tổng thông gia và con trai lão thấy thế chạy lại định gỡ. Anh Khoai đợi hai đứa tới gần lại khẽ đọc: "Khắc nhập! Khắc nhập!".

Lập tức thằng cai tổng và thằng con trai nó đều dính vào với tên trưởng giả, càng giãy càng đau. Cả hai họ lúc bấy giờ tái mặt, không còn ai nghĩ đến chuyện tháo gỡ hoặc chế nhạo nữa. Họ mặc áo rộng, đứng sấp hàng, van xin anh Khoai thả ba đứa kia ra.

Chờ một lúc lâu, anh Khoai mới đọc khẽ: "Khắc xuất! Khắc xuất!".

Bấy giờ bọn kia mới rời nhau ra được và cây tre cũng đổ xuống, chia thành trăm đoạn.

Họ nhà trai thoát nạn, cuốn gói ra về, và tên nhà giàu ngay ngày hôm sau phải gả cô Út cho anh Khoai.

EM LÀM NHỮNG VIỆC SAU:

Việc 1: Dựng hình tượng.

1. Em đọc toàn bộ truyện "Cây tre trăm đốt"
2. Em tìm hiểu các từ ngữ: *xảo trá; nhọc nhằn; ăn lời; khờ khạo; bên tả bên hữu.*
3. Dựng lại hình tượng

Em kể lại truyện "Cây tre trăm đốt", chú ý làm nổi bật các tình tiết.

- a) Lão nhà giàu hứa gả con gái để bóc lột sức lao động của anh Khoai.
- b) Để nuốt lời hứa, lão nhà giàu đã bắt anh Khoai lên rừng tìm "Cây tre trăm đốt".
- c) Được Bụt cho phép lạ, anh Khoai đã dính trăm đốt tre lại thành cây tre dài và dính luôn cả lão nhà giàu, tên cai tổng và thằng con trai lão vào cây tre.
- d- Lão nhà giàu phải gả con gái cho anh Khoai.

Việc 2: Phân tích truyện, tìm chủ đề.

1. Truyện "Cây tre trăm đốt" có mấy nhân vật chính?
2. Phân tích từng nhân vật.

a) Tên nhà giàu:

Em hiểu gì về tính cách của tên nhà giàu qua các chi tiết:

- + Hứa gả con gái cho anh Khoai (Hắn có thực bụng khi hứa không?)
- + Bắt anh Khoai đi tìm "Cây tre trăm đốt". ("Cây tre trăm đốt" là điều có thực hay không?)
- + Ngang nhiên gả con gái cho người khác, làm yến tiệc trước mũi anh Khoai. (Vì sao hắn dám làm như vậy?)

b) Anh Khoai:

- + Anh Khoai xuất hiện trong truyện như thế nào?
- + Những chi tiết nào chứng tỏ anh rất cô đơn, nghèo túng?
- + Những chi tiết nào chứng tỏ anh hiền lành, cả tin, chịu thương, chịu khó?

c) Bụt:

- + Bụt xuất hiện vào lúc nào trong truyện?
- + Hình ảnh Bụt với những phép lạ xuất hiện có ý nghĩa như thế nào?

Gợi ý:

- Bụt đã dùng phép lạ gì để giúp anh Khoai?
- Không có Bụt anh Khoai có thắng được không? Vì sao?
- Bụt hiện tiêu biểu cho nguyện vọng gì của nhân dân?

3. Xác định chủ đề

- a) Tên nhà giàu đại diện cho lớp người nào? Anh Khoai đại diện cho lớp người nào trong xã hội phong kiến khi xưa?
- b) Xây dựng hai nhân vật đối lập đó, tác phẩm đặt ra vấn đề gì?

Việc 3: Tìm tư tưởng của truyện cổ tích.

Em tìm hiểu tư tưởng của nhân dân ta qua truyện cổ tích "Cây tre trăm đốt"

1. Tác giả tỏ thái độ như thế nào khi xây dựng hình tượng anh Khoai?
2. Tác giả tỏ thái độ ra sao khi xây dựng hình tượng tên nhà giàu?
3. Để anh Khoai chiến thắng tên nhà giàu, nhân dân ta muốn thể hiện nguyện vọng gì?

(Cái THIÊN và cái ÁC - cái nào sẽ chiến thắng? Truyện mang tư tưởng bi quan hay lạc quan)

NHỮNG BÀI LUYỆN TẬP

SỢ DỪA

Hai vợ chồng nọ đã già lại hiếm, mãi về già mới được mụn con. Khốn thay, đứa con ấy lại dị hình dị dạng, lọt lòng mẹ chỉ là cục thịt đỏ hồng, có mắt có mũi, nhưng không có mình mẩy, tay chân. Người ta kể, người vợ vào rừng hái củi, trời nắng to, bà ta khát nước quá, thấy một cái sọ dừa có đựng ít nước mưa, không chân chừ, bà ta bung lấy uống. Thế rồi về nhà có mang.

Thấy con không ra hình người, bà mẹ buồn lắm định vứt đi. Nhưng nghĩ lại cũng thương, dù sao cũng là khúc ruột đứt ra, bà mẹ cứ để nuôi, đặt tên là Sọ Dừa.

Lớn lên, Sọ Dừa vẫn không khác lúc nhỏ, cứ lăn lóc trong nhà, chẳng làm được việc gì. Một hôm bà mẹ than phiền:

- Con nhà người ta bằng ấy tuổi đầu đã đi chăn bò lấy tiền về nuôi cha mẹ. Còn mày thì chẳng được tích sự gì! Sọ Dừa nói:

- Gì chứ chăn bò thì con cũng chăn được. Mẹ cứ hỏi phú ông cho con đến ở chăn bò vậy.

Bà mẹ đến hỏi phú ông, phú ông ngần ngại. Cả đàn bò giao cho thằng bé không ra người không ra ngợm ấy, chăn dắt làm sao? Nhưng mà nuôi nó thì được cái tốn ít cơm, công xá chẳng bao, lắm, hơn nuôi đứa khác

nhieu. Thôi cứ thử xem! Thế là Sọ Dừa đến ở.

Sọ Dừa chăn bò rất giỏi. Hằng ngày, hấn lặn sau đàn bò ra đồng, tối đến lại lặn sau đàn bò về chuồng. Bò con nào con nấy bụng no căng. Phú ông mừng lắm. Tiết nông nhàn, phú ông làm trại trên núi thả bò ăn cỏ, bảo Sọ Dừa ở lại trông, cơm nước có người đưa đến tận nơi. Phú ông có ba cô con gái thay nhau đưa cơm cho Sọ Dừa. Hai cô chị xinh đẹp nhưng kiêu kì, thường hay hắt hủi Sọ Dừa, còn cô em út hiền lành, tính hay thương người, đối đãi với Sọ Dừa rất tử tế.

Một hôm, cô ta vừa mang cơm đến dưới chân đồi thì nghe tiếng sáo véo von. Cô ta lấy làm lạ, rón rén bước lên, nấp sau bụi cây, rình xem, thì thấy một chàng trai mặt mũi khôi ngô, ngồi trên chiếc võng đào mắc vào hai cành cây, thổi sáo cho đàn bò gặm cỏ. Có tiếng động, chàng trai biến mất, chỉ thấy Sọ Dừa lặn lóc ở đấy. Nhiều lần như thế, cô gái biết Sọ Dừa không phải người trần. Cô đem lòng yêu, có của ngon vật lạ đều giấu đem lên cho.

Cuối mùa, Sọ Dừa về báo mẹ đến hỏi con phú ông làm vợ. Bà mẹ hết sức sững sốt, nhưng thấy con nết nỉ, cũng chiều lòng, đành kiếm buồng cau đến gặp phú ông. Phú ông cười mỉa:

- Ừ được! Muốn hỏi con gái tôi, hãy về sắm đủ mười mâm lụa đào, mười con lợn béo, mười vò rượu tăm và một chĩnh vàng cốm đem sang đây làm lễ vấn danh.

Tưởng thách thế mẹ con Sọ Dừa sẽ bẽ mặt, không ngờ sáng hôm sau, Sọ Dừa mang lễ sang đầy đủ. Phú ông lúng túng nhưng thấy của hoa mắt, mới gọi ba cô con gái lên hỏi xem ý con ra sao. Hai cô chị bĩu môi, nguýt Sọ Dừa một cái rõ dài, rồi đi vào. Cô em út e lệ, cúi mặt xuống tỏ ý bằng lòng. Thế là thành đôi lứa.

Từ hôm cưới, Sọ Dừa không còn là Sọ Dừa nữa mà hiện thành một chàng trai lịch sự. Vợ chồng ăn ở với nhau rất đầm ấm. Không những thế, Sọ Dừa còn tỏ ra thông minh khác thường, ngày đêm miệt mài đèn sách, chờ khoa thi. Năm ấy Sọ Dừa đỗ Trạng nguyên. Chẳng bao lâu, có chiếu nhà vua sai quan trạng đi sứ. Khi chia tay, quan trạng đưa cho vợ một hòn đá lửa, một con dao và hai quả trứng gà, dặn phải cất giữ cẩn thận người phòng khi dùng đến.

Từ ngày cô em út lấy được chồng Trạng nguyên, hai cô chị sinh lòng ghen ghét, định tâm hại em để thay em làm bà trạng. Nhân quan trạng đi sứ vắng, hai cô chị sang chơi, rủ em chèo thuyền ra biển, rồi đẩy em xuống nước. Một con cá kình nuốt chửng cô vào bụng. Sẵn có con dao, cô em đâm chết cá, xác cá nổi lên bềnh trên mặt biển, rồi dạt vào một hòn đảo. Cô lại lấy dao khoét bụng cá chui ra, lấy hai hòn đá đánh lửa lên, xèo thịt cá nướng ăn sống qua ngày, chờ có thuyền đi qua thì gọi vào cứu. Hai quả trứng cũng nở thành một đôi gà đẹp làm bạn với cô giữa cảnh đảo hoang vắng.

Một hôm có chiếc thuyền cắm cờ đuôi nheo lướt qua đảo. Con gà trống thấy, gáy to ba lần:

- Ò... ó... o...

Phải thuyền quan trạng rước cô tôi về.

Quan trạng cho thuyền vào xem, vợ chồng gặp nhau mừng mừng tủi tủi. Nghe vợ kể chuyện lại, quan trạng mới hay vợ mình gặp nạn thế ấy, và hai cô chị độc ác thế kia. Về nhà quan trạng mở tiệc ăn mừng, mời bà con đến chia vui, nhưng lại giấu vợ mình trong buồng không cho ra mắt.

Hai cô chị không hay biết gì hết, khắp khởi mừng thăm, chắc chuyến này được thay em làm bà trạng. Hai cô chị tranh nhau kể chuyện cô em rủi ro rồi khóc nức nở ra chiều thương tiếc lắm. Quan trạng không nói gì. Tiệc xong, quan trạng cho gọi vợ ra. Hai người chị xấu hổ quá, lên ra về lúc nào không ai hay và từ đó bỏ đi biệt xứ.

TRƯỞNG CHÍNH kể

NHIỆM VỤ CỦA EM

1. Đọc và nắm vững những tình tiết chính của truyện.
2. Đọc và tìm hiểu các từ ngữ: *dị hình, dị dạng; phú ông; tiết nông nhân; trạng nguyên*.
3. Kể ra những chi tiết lạ lùng và bất ngờ trong truyện.
4. Hình ảnh Sọ Dừa khiến em liên tưởng tới hình ảnh của ai? Tại sao em có những liên tưởng ấy?
5. Kết thúc truyện "Sọ Dừa", những người nhân hậu được đền bù xứng đáng, kẻ ác bị trừng trị. Điều đó nói lên tư tưởng gì của nhân dân ta ngày xưa?

ÔNG LÃO ĐÁNH CÁ VÀ CON CÁ VÀNG

Ngày xưa có hai vợ chồng ông lão đánh cá ở với nhau trong một túp lều nát trên bờ biển. Ngày ngày, chồng đi thả lưới, vợ ở nhà kéo sợi. Một hôm người chồng ra biển thả lưới đánh cá. Lần đầu kéo lưới chỉ thấy có bùn, lần thứ hai kéo lưới chỉ thấy cây rong biển, lần thứ ba kéo lưới thì bắt được một con cá vàng. Con cá cất tiếng kêu van:

- Ông lão ơi! Ông sinh phúc thả tôi trở lại xuống biển tôi sẽ xin đền ơn này, ông muốn gì cũng được.

Ông lão ngạc nhiên, nhưng rồi vừa thả con cá xuống biển vừa bảo:

- Trời phù hộ cho người! Người trở về biển khơi mà vùng vẫy. Ta không đòi hỏi gì cả, ta cũng chẳng cần gì. Về nhà, ông lão đem câu chuyện kể cho vợ nghe.

Mụ vợ mắng:

- Đồ ngốc, sao lại không bắt đền cái gì? Đòi một cái máng cho lợn ăn không được à? Cái máng nhà ta đã gần vỡ rồi!

Thế là ông lão đi ra biển. Biển gợn sóng êm ả. Ông lão gọi con cá vàng. Con cá bơi lên hỏi:

- Ông lão ơi! Ông cần gì thế?

Ông lão chào con cá và bảo:

- Cá ơi! Giúp tôi với! Mụ vợ tôi nó mắng tôi và cầu nhàu mãi làm tôi không ở yên được. Mụ ấy đòi một cái máng lợn ăn mới. Máng nhà tôi đã sút mẻ rồi. Con cá vàng trả lời:

- Ông lão ơi! Đừng băn khoăn nữa. Cứ về đi. Tôi sẽ giúp ông. Ông sẽ có một cái máng mới.

Ông lão về đến nhà thì mụ vợ đã có một cái máng mới thật. Nhưng mụ lại quát to hơn:

- Đồ ngu! Đòi một cái máng thật à? Một cái máng thì thắm vào đâu? Đi tìm con cá và đòi một cái nhà rộng.

Thế là ông lão lại đi ra biển. Biển xanh đã nổi sóng. Ông lão gọi con cá vàng. Con cá bơi lên và hỏi:

- Ông lão ơi! Ông cần gì thế?

Ông lão chào con cá và nói:

- Giúp tôi với, cá ơi! Mụ vợ tôi mắng nhiều hơn và không để tôi yên chút nào. Mụ đòi một toà nhà đẹp.

Con cá vàng lại trả lời ông lão:

- Ông lão ơi! Đừng băn khoăn quá. Thôi hãy về đi, tôi kêu trời phù hộ cho, ông lão sẽ được một cái nhà rộng và đẹp.

Ông lão trở về túp lều của mình chẳng thấy lều đâu, mà chỉ thấy trước mặt một ngôi nhà đẹp, có cổng lớn bằng gỗ, trong ngoài sáng sủa, có lò sưởi quét vôi trắng xoá, và mụ vợ đang ngồi bên cửa sổ.

Mụ thấy lão về lại mắng như tát nước vào mặt:

- Đồ ngu, sao ngốc thế! Đòi một cái nhà thôi à? Trời! Lại tìm con cá ngay và bảo nó rằng ta không muốn làm mụ nông dân quèn, ta muốn làm một bà nhất phẩm phu nhân kia.

Ông lão lại lóc cóc ra biển. Biển xanh nổi sóng dữ dội. Ông lão gọi con cá vàng. Con cá bơi lên hỏi:

- Ông lão cần gì thế, ông lão ơi?

Ông lão chào con cá và trả lời:

- Giúp tôi với cá ơi! Mụ vợ tôi lại phát khùng lên, nó chẳng để tôi yên chút nào. Bây giờ nó muốn làm một bà nhất phẩm phu nhân.

Con cá vàng lại trả lời:

- Ông lão ơi! Đừng lo lắng quá. Trời sẽ phù hộ ông lão.

Ông lão trở về. Lão ngạc nhiên thấy trước mặt một lâu đài to lớn, mụ vợ đang đứng trên thềm cao mình khoác áo lông, đầu đội mũ nhiều hoa, cổ quấn ngọc trai, tay đeo nhẫn vàng, chân đi giày đỏ. Chung quanh mụ kẻ hầu người hạ tấp nập, còn mụ thì luôn mồm quở mắng. Ông lão bảo mụ vợ:

- Kính chào bà phu nhân, chắc bây giờ bà đã thoả nguyện rồi chứ?

Mụ vợ mắng lão một thôi và bắt lão xuống quét chuồng ngựa.

Được ít tuần lễ, mẹ đâm ra giận giữ, mẹ bắt ông lão đi tìm con cá:

- Lão đi tìm con cá và bảo nó tao không muốn làm một bà phu nhân nữa, tao muốn làm nữ hoàng kia.

Ông lão hoảng sợ kêu xin:

- Mẹ nói gì vậy? Mẹ có lần không? Mẹ đi chẳng biết đường đi, nói chẳng biết đường nói mà đòi làm nữ hoàng? Thiên hạ họ biết, họ sẽ cười cho.

Mẹ vợ nổi trận lôi đình, tát vào mặt ông lão:

- Mày cãi à? Mày dám cãi một bà nhất phẩm phu nhân à? Đi ngay ra biển, nếu không tao sẽ cho người lôi đi.

Ông lão đành lùi thối ra biển. Biển nổi sóng mù mịt. Ông lão gọi con cá.

Con cá bơi lên hỏi:

- Ông lão ơi! Ông lão cần gì thế?

Ông lão chào con cá và nói:

- Mẹ vợ nhà tôi nổi cơn điên rồi! Nó không muốn làm bà nhất phẩm phu nhân nữa, nó muốn làm nữ hoàng.

Con cá trả lời:

- Thôi đừng lo lắng. Cứ về đi. Trời phù hộ lão. Mẹ già sẽ làm nữ hoàng.

Ông lão trở về và thấy trước mặt một cung điện

nguy nga, mẹ vợ lão đã trở thành nữ hoàng đang ngồi ở bàn tiệc. Bọn thị vệ đang rót mời mẹ những thứ rượu bánh rất ngon lành. Chung quanh lại có cả một đội vệ binh gươm giáo chỉnh tề đứng hầu. Ông lão hoảng sợ, cúi rạp xuống đất chào mẹ vợ và nói:

- Kính chào nữ hoàng, chắc bây giờ nữ hoàng đã thỏa lòng rồi chứ? Mẹ vợ không thèm nhìn, ra lệnh đuổi đi. Bọn thị vệ xốc tới túm vai ông lão đẩy ra ngoài, bọn vệ binh cũng chạy đến tuốt gươm dọa chém. Nhân dân không rõ đầu đuôi cũng chạy lại chế giễu ông lão và bảo: "Đáng kiếp, có thể mới sáng mắt ra, bạn sau đừng thấy người sang bắt quàng làm họ nữa!".

Được ít tuần, mẹ vợ lại nổi cơn thịnh nộ. Mẹ sai đi bắt ông lão đến. Mẹ bảo:

- Mày hãy đi tìm con cá, bảo nó ta không muốn làm nữ hoàng, ta muốn làm Long Vương, ngự trên mặt biển để con cá vàng hầu ta và làm theo ý muốn của ta.

Ông lão không dám trái lời mẹ. Ông lại đi ra biển. Một cơn giông tố kinh khủng kéo đến, mặt biển nổi sóng ầm ầm. Ông lão gọi con cá vàng. Con cá bơi lên hỏi:

- Ông lão có việc gì thế? Ông lão cần gì?

Ông lão chào con cá và nói:

- Cá ơi, giúp tôi với! Thương tôi với! Tôi sống làm sao được với mẹ vợ quái ác này! Bây giờ mẹ ấy không

muốn làm nữ hoàng nữa, mẹ muốn làm Long Vương ngự trên mặt biển để bắt cá vàng phải hầu hạ mẹ và làm theo ý muốn của mẹ.

Con cá vàng không nói gì, quẫy đuôi lặn sâu xuống đáy biển. Ông lão đứng trên bờ đợi mãi không thấy nó lên trả lời mới trở về. Đến nơi, ông lão sững sốt, lâu đài cung điện biến đâu mất; trước mắt ông lão lại thấy túp lều nát ngày xưa, và trên bậc cửa, mẹ vợ đang ngồi trước cái máng lợn ăn sứt mẻ.

Truyện dân gian Nga (Puskin kể)

thuongmaitruongxua.vn

NHIỆM VỤ CỦA EM

1. Đọc và nắm vững những tình tiết chính của truyện.
2. Ông lão đánh cá là một người như thế nào? Chi tiết nào trong bài cho em thấy ông lão đáng thương? Chi tiết nào cho em thấy ông lão đáng giận?
3. Mẹ vợ ông lão đánh cá là người như thế nào? (Chú ý đến những chi tiết mô tả lời nói và những đòi hỏi của mẹ; sự thay đổi của biển xanh trước những đòi hỏi của mẹ...)
4. Cuối truyện, mẹ vợ ông lão đánh cá lại ngồi trước cái máng lợn ăn sứt mẻ, kết thúc đó nói lên tư tưởng gì?

CÁI THOI VÀNG

Có hai chị em mồ côi cả cha lẫn mẹ. Cô chị thì lười biếng, cô em lại rất siêng năng, đã làm đủ mọi việc trong nhà lại còn chăm lo dệt vải.

Một hôm, cô em vào rừng hái củi, thấy giữa rừng có một cái động, trong đó có một toà lâu đài trắng lẹ.

Không ngần ngại tò mò, cô liền bước vào xem. Thoạt tiên, cô thấy một lò nướng bánh than đỏ hồng. Những chiếc bánh trông thấy cô liền gọi: "Chị ơi, chị kéo chúng tôi ra khỏi lò đi!" Mặc dầu lửa nóng rực, cô không ngại, lấy được hết bánh ra, xếp vào mâm để bên cạnh. Bụng đói, nhưng nghĩ không phải của mình, cô không ăn cái nào, cứ tiếp tục đi xem. Đến một mảnh vườn thấy rất nhiều lê, cây nào cũng trĩu quả, cô hái xuống xếp đầy giỏ để ở gốc cây, nhưng cũng không dám ăn quả nào vì không phải của mình.

Từ trong lâu đài, một bà già đi ra. Sợ quá, cô định chạy nhưng bà già đã lên tiếng:

- Cháu thật thà lắm! Cháu ở đây với bà nhé!

Nói xong, bà đem bánh và lê mời cô ăn. Thấy bà cụ hiền lành cô ở lại chơi và luôn tay giúp bà làm mọi việc. Được vài hôm, nhớ nhà, cô xin về. Bà già nói:

- Đây, bà thưởng cho cháu! Cái thoi vàng này dệt nhanh gấp mười lần thoi bằng gỗ, cháu cầm lấy.

Rồi bà dẫn cô ra khỏi động.

Về đến nhà, chị em gặp nhau vô cùng mừng rỡ. Cô

em đem thoi vàng ra dệt. Chiếc thoi đưa nhanh thoăn thoắt và trên khung cửi hiện lên những mảnh vải muôn màu. Cô kể hết đầu đuôi cho chị nghe. Cô chị liền hăm hở đi vào rừng và tìm đến cái động nọ. Cô đi vào toà lâu đài, cô cũng gặp cái lò nướng bánh. Những chiếc bánh cũng cất tiếng gọi. Cô lại gần lò nhưng nóng quá, chỉ lấy ra một cái và ăn ngấu nghiến. Đến mảnh vườn, những quả lê cũng lên tiếng gọi, cô cũng hái một quả để ăn.

Bà già từ trong lâu đài đi ra, và cũng mời cô rón lại chơi. Cô bằng lòng ngay. Vốn tiếng siêng ăn, biếng làm, suốt ngày cô chỉ luôn mồm ăn bánh, ăn lê, chẳng muốn làm việc gì cả.

Được vài hôm, cô xin về, hi vọng bà già sẽ tặng cho món quà quý giá. Bà già nói:

- Bây giờ cháu muốn bà tặng gì? Cô ngẫm nghĩ hồi lâu rồi xin cái lò nướng bánh. Bà già bằng lòng và dặn:

- Lò này chỉ làm ra bánh cho những người chăm chỉ. Cháu tắt lửa đi rồi mang về !

Cô chị hớn hờ mang về nhà, đốt than lên. Nhưng không thấy bánh đâu cả. Còn cô em vẫn mãi miết ngồi dệt, khi nào đói, đến bên lò thì bao giờ cũng có một chiếc bánh thơm phức đang chờ cô. Thấy vậy cô chị mới bắt đầu học dệt. Ngày nào cô dệt chăm chỉ thì ngày đó cô cũng được một chiếc bánh thơm ngon.

(Truyện cổ tích Trung Quốc)

NHIỆM VỤ CỦA EM

1. Đọc và nắm vững những tình tiết chính của truyện.
2. Truyện có mấy nhân vật? Nói những cảm nghĩ của em về hai nhân vật: cô chị và cô em. Dựa vào những tình tiết nào trong truyện mà em có cảm nghĩ như vậy?
3. Nhân vật "bà già" đóng vai trò gì trong truyện này?
4. Người xưa muốn nói điều gì qua câu chuyện "Chiếc thoi vàng" ?

CHUYỆN BÔNG HOA CÚC TRẮNG

Ngày xưa, có hai mẹ con nhà nọ sống trong một cái lều trong xóm vắng. Người chồng mất sớm, nên hai mẹ con làm lụng vất vả lắm mới đủ ăn. Hàng ngày, gà chưa gáy sáng bà mẹ đã phải dậy làm việc và làm cho mãi đến khuya.

Một hôm, gà gáy lâu lắm rồi mà bà mẹ vẫn chưa dậy. Cô bé thức giấc vội đến bên mẹ. Biết mẹ ốm, cô lo lắng. Làm thế nào bây giờ, giữa nơi hoang vắng và cảnh nghèo túng này? Cô chỉ còn biết đắp chiếc áo ấm độc nhất của mình cho mẹ, rồi ngồi bên cạnh, chăm sóc mẹ. Mẹ cô thỉnh thoảng hé đôi mắt khô héo nhìn con.

Một buổi chiều, khi ánh nắng chiếu qua khe bếp, bà mẹ chợt tỉnh lại:

- Con ơi! Con đi mời thầy thuốc về đây. Mẹ thấy trong người khó chịu lắm.

Cô bé vội vã ra đi. Vừa đi cô vừa lo cho mẹ. Qua một quãng đường dài, cô gặp một cụ già tóc bạc phơ. Thấy cô bé đi một mình cụ già hỏi:

- Cháu đi đâu mà vội thế?

- Thưa cụ, cháu đi tìm thầy thuốc. Mẹ cháu ốm đã lâu, bệnh mỗi ngày một nặng thêm.

Bà cụ nhận là thầy thuốc. Cụ bảo em dẫn về nhà để xem bệnh giúp. Về đến nhà xem mạch cho người ốm xong, cụ quay lại hỏi cô bé:

- Chỉ có cháu và mẹ cháu ở đây thôi ư?

- Thưa cụ vâng.

- Từ hôm mẹ ốm cháu săn sóc thế nào?

- Thưa cụ, cháu chỉ biết quanh quẩn bên giường làm vui lòng mẹ cháu.

- Mẹ cháu bị bệnh nặng lắm ta sẽ chữa cho mẹ cháu khỏi. Cháu hãy đi đến gốc đa đầu rừng hái cho ta một bông hoa trắng thật đẹp về đây.

Bên ngoài trời rất lạnh. Cô bé chỉ có một chiếc áo mỏng trên người. Cô lảo lảo bước đều trong giá rét. Vừa đi cô vừa lo cho mẹ. Cô đi mãi chân mới đến gốc

đa đầu rừng. Quả nhiên cô thấy trên bụi cây trước mặt có một bông hoa trắng rất đẹp. Cô ngắt bông hoa, tay nâng niu với tất cả tấm lòng tha thiết cầu mong cho mẹ tai qua nạn khỏi. Bỗng cô nghe như văng vẳng bên tai tiếng cụ già tóc bạc ban nãy khuyên nhủ cô:

- Cháu hãy yên tâm. Mỗi cánh hoa trên bông hoa sẽ là một ngày mẹ cháu được sống thêm.

Cô bé cúi xuống nhìn hoa, cô đếm: "một, hai, ba, bốn... hai mươi". Trời ơi! Còn có hai mươi ngày nữa thôi ư?...

Suy nghĩ một lát, cô rón rén chạy ra phía sau cây đa. Cô nhẹ tay tước nhỡ mỗi cánh hoa ra thành nhiều cánh nhỏ như sợi. Bông hoa trở nên kì lạ. Mỗi sợi nhỏ biến thành từng cánh nhỏ dài và mượt, trắng bóng như tấm lòng ngây thơ trắng trẻo của cô. Những cánh hoa mọc thêm ra nhiều không sao đếm được. Cô bé nâng niu trên tay cánh hoa lạ đó. Trời ơi! Sung sướng quá! Cô vội vàng chạy về. Đến nhà, cụ già tóc bạc bước ra cửa tươi cười đón cô và nói:

- Mẹ cháu đã khỏi bệnh! Phần thưởng cho tấm lòng hiếu thảo của cháu đấy!

Ừ, đó, hàng năm về mùa thu, thường nở những bông hoa có nhiều cánh nhỏ dài, mượt, trông rất đẹp.

Đó chính là bông hoa cúc trắng.

(Truyện cổ Nhật Bản)

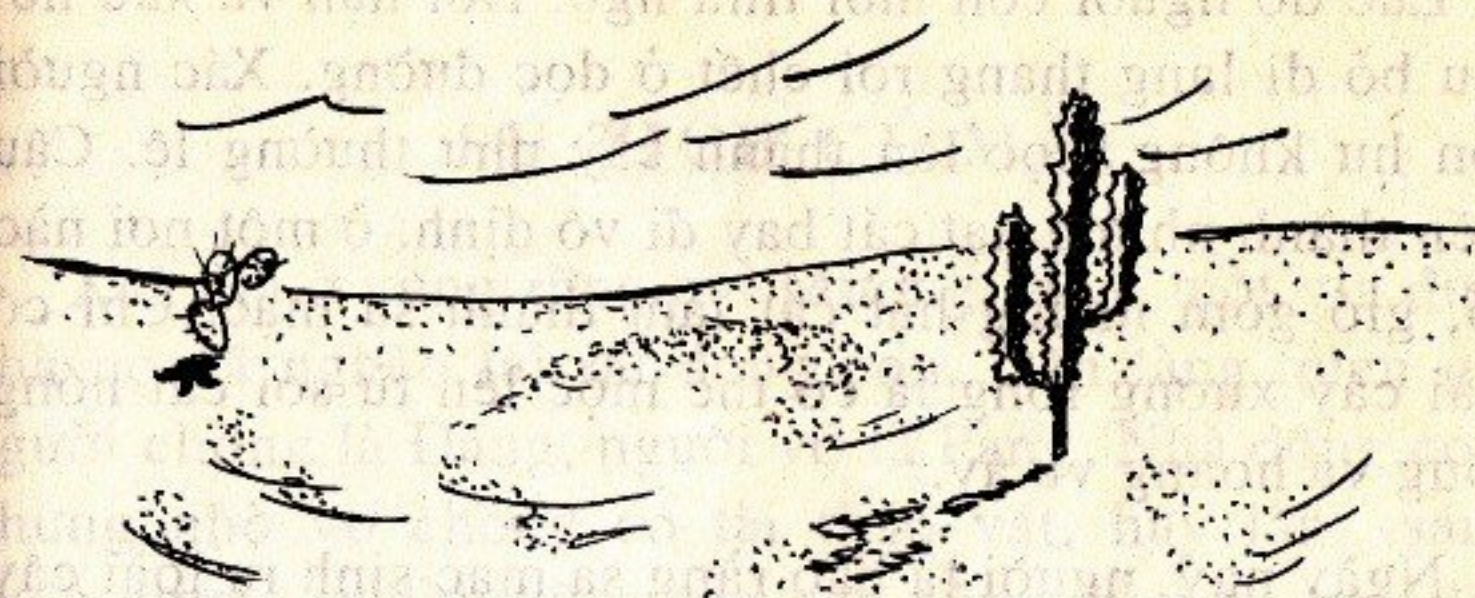
NHIỆM VỤ CỦA EM:

1. Tình yêu của cô bé đối với mẹ được thể hiện qua những chi tiết nào?
2. Tại sao cô bé lại tước mỗi cánh hoa thành nhiều sợi nhỏ? Em nghĩ gì trước hành động của cô bé?
3. Hình ảnh bông hoa cúc trắng có nhiều cánh tượng trưng cho điều gì?

CHUYỆN KỂ VỀ CÂY XƯƠNG RỒNG

Ngày xưa, con người sống không biết có tuổi già. Người ta sinh ra, lớn lên và cứ thế trẻ mãi, khi đã sống trọn vẹn cả một cuộc đời thì lặng lẽ chết đi. Mỗi người hoá thành một loài cây. Tất cả các cô gái đều biến thành loài hoa, còn tất cả những chàng trai đều biến thành đại thụ. Vào lúc câu chuyện này xảy ra, trên trái đất đã đầy cây cối, hoa cỏ song chưa hề có loài cây xương rồng.

Thuở ấy, ở một làng xa lắm, có một cô gái nhỏ. Cô mồ côi cả cha lẫn mẹ, xinh đẹp nét na nhưng bị cả ^{trò} ừ khi mới lọt lòng. Cô sống cô đơn một mình. Mãi về sau, một bác thợ mộc đón cô về. Nhưng bác cũng chỉ ở với cô được một năm thì chết, để lại cho cô một đứa con trai.



Người mẹ vừa nghèo vừa căm ấy rất mực yêu con. Thế nhưng buồn thay, vì được nuông chiều, nên cậu con trai bà lớn lên đã trở thành một đứa trẻ vô tâm và đoảng vội. Cậu bỏ nhà suốt ngày đi theo những đám cờ bạc và cũng rượu chè bẽ tha như những kẻ bất trị. Chỉ đến khi đói mềm cậu mới bò về. Bà mẹ căm vừa hầu hạ vừa tưới lên mặt con những giọt nước mắt mặn chát của mình.

Cho tới một ngày kia, không còn gương nổi trước số phận nghiệt ngã, người mẹ lặng lẽ hoá thành một cái cây nhưng không sao bà có thể trở thành một loài hoa gì được. Người bà khô xác, bao nhiêu nước mắt trong người bà đã kiệt. Bà hoá thành một loài cây không lá, toàn thân đầy gai cằn cỗi. Đó chính là cây xương rồng. Tất cả những nụ cười hiếm hoi trong suốt cuộc đời người đàn bà tội nghiệp dồn lại chỉ đủ làm nên mấy bông hoa vừa bé vừa sơ sài mọc lên ngay từ thân cây,

nom thật tiều tụy.

Lúc đó người con mới tỉnh ngộ. Hối hận và xấu hổ, cậu bỏ đi lang thang rồi chết ở dọc đường. Xác người con hư không mọc lên thành cây như thường lệ. Cậu biến thành những hạt cát bay đi vô định. ở một nơi nào đó, gió gom những hạt cát làm thành sa mạc. Chỉ có loài cây xương rồng là có thể mọc lên từ sỏi cát nóng bỏng và hoang vu ấy.

Ngày nay, người ta bảo rằng sa mạc sinh ra loài cây xương rồng. Thực ra không phải thế, chính xương rồng mới là mẹ sinh ra cát bỏng. Lòng người mẹ thương đứa con lỗi lầm, đã mọc trên cát làm cho sa mạc đỡ phần quanh hiu.

NHIỆM VỤ CỦA EM

1. Đọc và nắm vững những tính tiết chính của truyện.
2. Tưởng tượng và tả lại hình ảnh cây xương rồng. Hình ảnh người mẹ chết trong khô héo biến thành cây xương rồng nói với em điều gì ?
3. Tưởng tượng và tả lại hình ảnh sa mạc. Tại sao các loài cây đều tránh xa sa mạc. Hình ảnh cây xương rồng mọc trên vùng cát nóng bỏng và hoang vu ấy nói lên điều gì ?
4. Nói cảm nghĩ của em sau khi đọc "Chuyện kể về cây xương rồng".

NHỮNG BÀI ĐỌC THÊM

SỰ TÍCH CÚ MÀI

Xưa kia ở vùng rừng núi Mường Bi có một gia đình nhà nọ đã nghèo lại rất đông con. Dân làng quen gọi người chồng là Đang, người vợ là Pang. Nhà đông con, nhưng nhờ vợ chồng có tài tháo vát, hay làm, sáng cuộc nương, chiều vỡ ruộng nên cũng đủ cơm gạo đắp đổi cho đàn con.

Chẳng may gặp năm trời làm nắng to. Ruộng khô, rẫy cháy, hai vợ chồng chẳng gặt được hạt thóc nào. Trong nhà chỉ còn ít lúa giống cất để dành cho mùa sau. Bọn lang đạo ranh ma quỷ quái đến cướp nhẵn. Bò bịch sạch trơn.

Cùng kế, hai vợ chồng phải vào rừng tìm lá cây, xuống suối mò rêu đá mang về cho con ăn. Nhưng nắng nôi làm cho mọi thứ khô kiệt. Hai vợ chồng lặn lội sớm tối vẫn không kiếm đủ cho đàn con. Suốt ngày chúng cứ réo gọi bố mẹ.

- Đói quá, bố mẹ ơi!

Nghe tiếng con gọi, hai vợ chồng đành bấm bụng nuốt nước mắt. "Rêu đá, lá cây, làm sao con ta có thể ăn lâu ngày thay cơm gạo được!". Nghĩ tới nghĩ lui, hai người bèn đi xin bà con hàng xóm, kẻ mười hạt, người vài bông lúa.

Họ giấu các con, lên rừng phát rẫy, tra lúa trái mùa.

Đàn con ở nhà đói rất ruột. Chờ mãi không thấy bố mẹ về, chúng bèn kéo ra rừng kiếm cái ăn cho đỡ đói. Sục sạo tìm bới khắp nơi nhưng chẳng kiếm được mấy tí, đêm đến chúng lại mò về kêu:

- Đói quá, bố mẹ ơi!

Trong rừng sâu, nghe tiếng con gọi ra rả, hai vợ chồng bụng dạ đau như cắt. Hai người bèn thay nhau gọi vọng về cho các con yên lòng:

- Các con ơi, lúa đang nảy mầm!

Lúa đã lên xanh. Lại nghe tiếng đàn con gọi dồn:

- Đói quá, bố mẹ ơi!

Hai vợ chồng bèn vội vã gọi vọng về:

- Các con ơi, lúa đã lên xanh!

Cho đến ngày lúa chín, hai vợ chồng đã gần kiệt sức. Nhưng khi nghe tiếng đàn con kêu đói, hai người lại cố sức gọi to lên cho các con nghe:

- Các con ơi, lúa đã chín!

Hai vợ chồng gặt vội vàng mấy lượm lúa sớm. Họ giã ngay cối gạo đầu tiên, đồ một chõ xôi thật lớn, vắt ra từng nắm. Họ hối hả đem ngay xôi về cho các con. Nhưng khi về đến nhà, hai vợ chồng chẳng thấy bóng một đứa nào. Trong khi ấy từ rừng sâu có tiếng gọi

vọng về:

- Đói lắm, bố mẹ ơi!

Đau lòng, rất ruột, hai vợ chồng gắng gượng khiêng rá xôi vào rừng. Nhưng vẫn không thấy bóng con đâu. Trong khi ấy từ bốn phía tiếng kêu dồn dập đổ về, từ các rừng cây ở trước mặt, ở sau lưng, ở bên trái, ở bên phải:

- Đói lắm, bố mẹ ơi!

Đến lúc này hai vợ chồng đã kiệt sức. Hai người chẳng còn hơi sức cất chân đi tìm con nữa. Họ đành đặt rá xôi xuống, gọi to lên mấy tiếng:

- Các con ơi, về đây với bố mẹ mà ăn xôi!

Tiếng gọi con vang cả núi rừng. Một đàn chim đen bay tới, sà xuống thấp, lượn quanh hai vợ chồng. Đàn chim cất tiếng gọi thiết tha:

Đang, Pang! Đang, Pang!

Chúng con ăn mãi quả vàng đã quên.

Xôi xin nhường bố mẹ!

Bấy giờ hai vợ chồng mới hay, đàn con vì đói quá đã chết, hoá thành chim. Phần mỗi mồn vì thương con, phần kiệt sức vì đói khổ, hai người gục bên chõ xôi mà chết.

Đàn chim thương bố mẹ chết thảm, cất tiếng kêu vang cả núi rừng. Chúng cùng nhau sà xuống lấy xôi

đắp mộ cho bố mẹ.

Về sau, từ chỗ mộ hai vợ chồng Đang, Pang mọc lên một loài cây quý, phía trên mọc dây leo xanh mượt, dưới đất mọc củ to bằng cái chõ. Củ này ngoài vỏ sần sùi, nhưng trong lòng bột trắng tinh. Đồ lên ăn thấy thơm ngon và dẻo như xôi nếp hương. Người ta đặt tên củ ấy là *củ mài*.

Các bố các mẹ kể lại rằng: hai vợ chồng đã hoá ra củ mài để cứu những người đói khổ cùng cảnh ngộ như mình.

Còn đàn con hoá ra chim *đang pang* kêu vang bản mường vào mùa lúa chín để tưởng nhớ bố mẹ và nhắc lại cảnh đời đói khổ xưa kia.

(Truyện cổ dân tộc Mường)

BÁC ĐÁNH CÁ VÀ GÃ HUNG THẦN

Ngày xưa, có một bác đánh cá đã cao tuổi. Hôm ấy, bác ra biển quăng lưới, lần nào cũng kéo lên được những thứ vớt đi. Ngán ngẩm, bác thả lưới lần cuối. Mẻ này kéo lên được chiếc bình to bằng đồng, miệng gắn chì bịt kín. Bác mừng lắm, nói một mình: "Cái bình này mang ra chợ bán được khối tiền đây!". Cầm chiếc bình lên thấy nặng quá, bác nghĩ bụng: "Ta phải mở ra xem có cái gì trong này!". Rồi lấy con dao loay

hoay mãi mới nạy được nắp và nghiêng bình, lắc mấy cái. Bỗng từ trong miệng bình, một làn khói tuôn ra cao ngất tầng mây. Bác chưa hết ngạc nhiên thì làn khói đã tụ lại, hiện thành một con quỷ, trông thật dữ tợn. Bấy giờ con quỷ mới nói:

- Ta báo cho nhà ngươi biết, nhà ngươi đã đến ngày tận số rồi!

Bác đánh cá bình tĩnh, không tỏ ra sợ hãi, mắng lại:

- Ta đã cứu mày ra khỏi bình kia, sao mày lại giết ta?

- Ngươi biết không, ta vốn là một vị hung thần, vì phạm tội, bị trời phạt, hoá kiếp thành quỷ, nhốt vào cái bình này rồi vớt xuống biển. Mấy trăm năm nằm dưới biển sâu, ta chờ ai đến cứu ta, ta sẽ làm phép cho kẻ ấy được giàu sang, sung sướng. Chờ mãi, không có ai cứu ta, ta tức giận bèn đổi lời nguyện: "Từ nay về sau, kẻ nào cứu ta sẽ bị ta giết". Vừa dứt lời nguyện thì ngươi cứu ta. Vậy nhà ngươi phải chết!

Nghe con quỷ nói, bác đánh cá nghĩ thầm trong bụng: với con quỷ này phải dùng trí khôn mà trị mới được!

Bác bèn bảo:

- Ngươi định giết ta sao?

- Đúng, nhà ngươi phải chết!

- Nhưng trước khi chết ta muốn biết một điều.

SƠ KẾT, KIỂM TRA CUỐI BÀI

Đề 1:

1- Kể tóm tắt một truyện cổ tích mà em thích nhất theo lời kể của một nhân vật trong truyện.

2- Chỉ ra chi tiết hoang đường trong truyện và nói rõ ý nghĩa của chi tiết hoang đường đó.

Đề 2:

1- Em tóm tắt một truyện cổ tích có nhân vật mà em yêu nhất.

2- Vì sao em yêu nhân vật đó?

BÀI BỐN

TÌM CHỦ ĐỀ, TƯ TƯỞNG TRONG THƠ CẬN ĐẠI

1. Thơ cận đại là những bài thơ được sáng tác từ cuối thế kỉ XIX đến đầu thế kỉ XX trong bối cảnh lịch sử:

- 1858 thực dân Pháp xâm lược nước ta.
- Triều đình nhà Nguyễn bó gối khoanh tay đầu hàng giặc.

- Nhân dân lâm vào cảnh nô lệ, lầm than, ai oán. Nhiều cuộc khởi nghĩa nông dân nổ ra.

- Các tác giả tiêu biểu: Nguyễn Đình Chiểu, Nguyễn Khuyến, Trần Tế Xương.

2. Thơ cận đại thường được viết theo thể thất ngôn bát cú (mỗi bài tám câu, mỗi câu bảy tiếng).

Bài mẫu

CHẠY TÂY

Tan chợ vừa nghe tiếng súng Tây (1),

Một bàn cờ thế (2) phút sa tay,

Bỏ nhà lũ trẻ lơ xơ chạy,

Mất ổ đàn chim dáo dạt bay

Bến Nghé (3) của tiền tan bọt nước
Đồng Nai (4) tranh ngói nhuộm màu mây.
Hỏi trang (5) đẹp loạn rày đâu vắng,
Nỡ để dân đen mắc nạn này?

NGUYỄN ĐÌNH CHIẾU

A. Nguyễn Đình Chiểu sinh năm 1822, mất năm 1888, quê ở tỉnh Gia Định (nay thuộc thành phố Hồ Chí Minh), xuất thân trong một gia đình nhà nho nghèo.

Năm 1846, trên đường đi thi, được tin mẹ mất, ông phải về chịu tang. Dọc đường, ông bị ốm mù cả hai mắt. Ông về quê mở trường dạy học, học trò theo học ông rất đông.

Năm 1858, thực dân Pháp xâm lược nước ta, Nguyễn Đình Chiểu tuy mù vẫn liên hệ với các lãnh tụ nghĩa quân để góp ý kiến và sáng tác văn thơ chống Pháp.

B. Từ khó

- (1) *Tây*: chỉ bọn thực dân Pháp.
- (2) "*Một bàn ...*" câu này ý nói đất đai của ta đã nhanh chóng bị mất vào tay giặc.
- (3) *Bến Nghé*: sông Bến Nghé đổ ra sông Sài Gòn
- (4) *Đồng Nai*: sông Đồng Nai chảy vào sông Nhà Bè gần Sài Gòn.
- (5) *Trang*: bậc, đấng. Đây là cách gọi với ý kính trọng.

EM LÀM CÁC VIỆC SAU:

Việc 1: Dựng hình tượng

1. Đọc diễn cảm bài thơ.

a) Khi đọc, cần nhấn giọng vào những từ ngữ, hình ảnh: *tan chợ; tiếng súng Tây; phút sa tay; lơ xơ chạy; dáo dạt bay; tan bọt nước; nhuộm màu mây; nỡ...*

b) Đọc cả bài. Câu đầu đọc với giọng bằng hoàng ngạc nhiên. Những câu sau đọc với giọng day dứt, trầm lắng.

2. Em đọc phần chú giải từ khó đã in trong sách, sau đó tự tìm hiểu nghĩa của các từ sau: *phút sa tay; lơ xơ; dáo dạt; của tiền tan bọt nước; tranh ngói nhuộm màu mây.*

3. Em dựng lại cảnh "Chạy Tây" được mô tả trong bài.

(Em đã nhìn thấy, nghe thấy và cảm thấy những gì?)

Việc 2: Phân tích hình tượng, xác định chủ đề.

1. Em đọc thầm lại hai câu thơ đầu:

Tan chợ vừa nghe tiếng súng Tây,

Một bàn cờ thế phút sa tay.

a) Tiếng súng của thực dân Pháp vang lên trong hoàn cảnh nào?

b) Em tìm trong bài những hình ảnh khắc họa cảnh nhân dân chạy giặc.

Cách đảo ngữ: Bỏ nhà / lũ trẻ...

Mất ổ / bầy chim...

có tác dụng gì trong việc thể hiện nội dung?

c) Em tìm trong bài những hình ảnh khắc họa cảnh đất nước bị tàn phá tan hoang.

Cách đảo ngữ: Bến Nghé / cửa tiền...

Đồng Nai / tranh ngói...

có tác dụng gì trong việc thể hiện nội dung?

3. Em đọc thầm lại cả bài thơ và cho biết:

a) Khi tiếng súng của thực dân Pháp vang lên, nhân dân lâm vào tình cảnh như thế nào?

b) Vấn đề chính được đặt ra trong bài thơ là gì?

Việc 3: Tìm tư tưởng của tác giả trong bài.

1. Tác giả đã mô tả cảnh chạy giặc của nhân dân với một tâm trạng như thế nào?

2. Đằng sau bức tranh mô tả đó, ta còn thấy thái độ của tác giả đối với triều đình nhà Nguyễn ra sao?

3. Tư tưởng của bài thơ là gì?

NHỮNG BÀI LUYỆN TẬP

BẠN ĐẾN CHƠI NHÀ

Đã bấy lâu nay bác tới nhà,

Trẻ ⁽¹⁾ thời đi vắng, chợ thời xa.

Ao sâu nước cả ⁽²⁾ khôn ⁽³⁾ chài cá,

Vườn rộng rào thưa khó đuổi gà.

Cải chửa ra cây, cà mới nụ,

Bầu vừa rụng rốn, mướp đương hoa.

Đầu trò tiếp khách trầu không có ⁽⁴⁾

Bác đến chơi đây, ta với ta.

NGUYỄN KHUYẾN

A. Nguyễn Khuyến sinh năm 1835, mất năm 1909. Ông người làng Yên Đỗ, huyện Bình Lục, tỉnh Hà Nam. Ông đỗ đầu cả ba kì thi (nên thường gọi là tam nguyên Yên Đỗ) và ra làm quan với triều đình nhà Nguyễn. Khi giặc Pháp xâm lược, nhà Nguyễn đầu hàng, Nguyễn Khuyến cáo quan về ở nhà sống đời thanh bạch giữa xóm làng.

B. Từ khó

1. *Trẻ*: Tác giả nói về vợ, con mình.

2. *Nước cả*: nước lớn.

3. *Khôn*: khó, không thể.

4. *Đầu trò*: ở đây ý nói đầu câu chuyện, tục lệ của dân ta khi khách đến chơi nhà trước hết phải có trầu mời khách. Tục ngữ có câu: "Miếng trầu là đầu câu chuyện".

NHIỆM VỤ CỦA EM

1. Đọc bài thơ và tìm hiểu:

a- Bạn đến chơi nhà, không có gì tiếp bạn (chơi xa, cà mới nụ, mướp đương hoa...) nhà thơ nói quá lên như vậy để làm gì?

b- Câu thơ cuối: "Bác đến chơi đây, ta với ta" cho em hiểu tình cảm của nhà thơ đối với bạn như thế nào?

2. Em hiểu gì về cách sống và tâm tình của nhà thơ Nguyễn Khuyến qua bài "Bạn đến chơi nhà"?

VỊNH KHOA THỊ HUƠNG

Nhà nước ba năm mở một khoa

Trường Nam thi lẫn với trường Hà

Lôi thôi sĩ tử vai đeo lọ (1)

Ậm ọe quan trường miệng thét loa

Lọng cắm rợp trời quan sứ (2) đến

Váy lê quét đất mu đầm ra

Nhân tài đất Bắc nào ai đó?

Ngoảnh cổ mà trông cảnh nước nhà

TRẦN TẾ XƯƠNG

A. Trần Tế Xương sinh năm 1870, mất năm 1907, người Nam Định, thi đỗ Tú tài nên được gọi là Tú Xương.

- Tú Xương học giỏi, thơ hay, tính tình phóng khoáng. Ông sống vào thời kì đất nước ta bắt đầu bị thực dân Pháp đô hộ. Ông luôn luôn đau xót trước cảnh nước mất nhà tan và căm ghét bọn quan lại bất tài, vô trách nhiệm. Thơ ông là tiếng cười đả kích những cái xấu xa của xã hội đương thời, đồng thời là tiếng nói của một tâm trạng day dứt.

B. Từ khó

1. *Lọ*: Bình nhỏ bằng sứ người đi thi đeo ở vai để đựng nước uống. Ngày xưa, trường thi là một đám đất rộng, nhà ở dành cho các quan chấm thi còn thí sinh phải mang lều đến đóng để ngồi làm bài, phải mang theo thức ăn, thức uống.

2. *Quan sứ*: Thời Pháp thuộc, mỗi tỉnh có một tên quan người Pháp đứng đầu trông coi tất cả mọi việc, gọi là quan sứ.

NHIỆM VỤ CỦA EM

1. Đọc và tìm hiểu các từ ngữ: *lôi thôi*, *ậm ọe*, *lọng cắm rợp trời*.

2. Em hình dung thấy cảnh một trường thi thời Trần Tế Xương như thế nào?

Em đoán xem:

- Tâm trạng của các thí sinh ra sao?

- Tâm trạng của tác giả như thế nào qua cách mô tả một kì thi như vậy?

3. Em đọc hai câu thơ cuối: Tác giả muốn thức tỉnh mọi người điều gì qua hai câu thơ này?

VÀO HÈ

Ai xui con cuộc gọi hè

Cái nóng nung người, nóng nóng ghê

Ngõ trước, vườn sau um những cỏ

Vàng phai, thắm nhạt, ngán cho huê (1)

Đầu cành kiểng bện oanh xao xác

Trong tối đua bay đóm (2) lập lòe

May được nồm nam cơn gió thổi

Đàn ta, ta gảy khúc nam (3) nghe.

NGUYỄN KHUYẾN

Từ khó

1. Huê: nói chệch đi của "hoa".

2. Đóm: con đom đóm.

3. Khúc nam: khúc nhạc dân ca Miền Nam.

NHIỆM VỤ CỦA EM

1. Đọc và tìm hiểu các từ ngữ: *nóng nung người, um những cỏ, huê, xao xác...*

2. Đọc thầm và tưởng tượng về bức tranh của làng quê trong bài thơ.

3. Dựng lên một bức tranh về làng quê như vậy, tác giả muốn nói lên điều gì?

4. Đọc lại hai câu thơ cuối bài. So với sáu câu thơ trên, giọng điệu hai câu thơ này có gì khác? Kết thúc bài thơ bằng những hình ảnh, giọng điệu vui tươi như vậy bộc lộ một tư tưởng gì của tác giả?

NHỮNG BÀI ĐỌC THÊM

CÂU CÁ MÙA THU

Ao thu lạnh lẽo nước trong veo,

Một chiếc thuyền câu bé tẻo teo.

Sóng biếc theo làn hơi gợn tí,

Lá vàng trước gió khẽ đưa vèo.

Tầng mây lơ lửng trời xanh ngắt,

Ngõ trúc quanh co khách vắng teo.

Tựa gối ôm cần lâu chẳng được,

Cá dâuớp động dưới chân bèo.

NGUYỄN KHUYẾN

THU VỊNH *

Trời thu xanh ngắt mấy tầng cao!

Cần trúc lơ phơ gió hắt hiu.

Nước biếc trông như từng khói phủ,

Song thưa để mặc bóng trăng vào ;

Mấy chùm trước giậu hoa năm ngoái,
Một tiếng trên không ngỗng nước nào,
Nhân hứng cũng vừa toan cất bút,
Nghĩ ra lại thẹn với ông Đào ⁽¹⁾

NGUYỄN KHUYẾN



* Thu vịnh: vịnh mùa thu. Vịnh: tả.

1. Ông Đào: chỉ Đào Tiềm, một nhà thơ có tài ở Trung Quốc không chịu luồn cúi bọn quyền thần gian nịnh đã bỏ quan về nhà.

THU ẨM *

Năm gian nhà cỏ thấp le te
Ngõ tối, đêm sâu, đóm lập lòe
Lung giậu phát phơ màn khói nhạt
Làn ao lóng lánh bóng trăng loe.
Da trời ai nhuộm mà xanh ngắt
Mắt lão không viền cũng đỏ hoe
Rượu tiếng rằng hay, hay chẳng mấy
Độ năm ba chén đã say nhè.

NGUYỄN KHUYẾN

* Thu ẩm: uống rượu mùa thu.

CUỘC KÊU CẢM HỨNG

Khắc khoải sầu đưa giọng lửng lơ
Ấy hồn Thục Đế ⁽¹⁾ thác bao giờ?
Năm canh ⁽²⁾ máu chảy đêm hè vắng
Sáu khắc ⁽³⁾ hồn tan bóng nguyệt mờ
Có phải tiếc xuân mà đứng gọi?
Hay là nhớ nước vẫn nằm mơ?

Thâu đêm rồng rã kêu ai đó

Giục khách giang hồ dạ ngẩn ngơ.

NGUYỄN KHUYẾN

1. *Hồn Thục Đế*: bị mất nước, vua Thục nhớ thương nước mà chết hóa thành chim Cuốc (còn gọi là chim Đỗ Quyên hay chim Từ Quy).

2. *Canh*: khoảng thời gian đều nhau do một đêm chia ra.

3. *Khắc*: khoảng thời gian đều nhau do một ngày chia ra.

NĂM MỠI CHÚC NHAU

Lẳng lẳng mà nghe nó chúc nhau

Chúc nhau trăm tuổi bạc đầu râu

Phen này ông quyết đi buôn cối

Thiên hạ bao nhiêu đứa già-trầu.

* * *

Lẳng lẳng mà nghe nó chúc sang

Đứa thời mua tước, đứa mua quan ⁽¹⁾

Phen này ông quyết đi buôn lọng ⁽²⁾

Vừa bán vừa la cũng đắt hàng.

* * *

Nó lại mừng nhau cái sự giàu

Trăm nghìn vạn mở để vào đầu.

Phen này ắt hẳn gà ăn bạc

Đồng rụng đồng rơi lộ phải cầu

* * *

Nó lại mừng nhau sự lắm con

Sinh năm đẻ bảy được vương tròn

Phổ phường chật hẹp người đông đúc

Bồng bế nhau lên nó ở non.

TRẦN TẾ XƯƠNG

1. *Mua tước, mua quan*: bọn giàu có đã dùng tiền để mua chức tước như mua hàng hóa.

2. *Lọng*: vật dùng để che, gần giống cái ô nhưng nông lòng hơn, thường dùng trong nghi lễ đón rước vua quan hoặc thánh thần thời trước.

SƠ KẾT, KIỂM TRA CUỐI BÀI

1. Hãy kể tên những bài thơ (kèm theo tên tác giả) ở giai đoạn cuối thế kỉ XIX, đầu thế kỉ XX mà em đã học.

2. Những bài thơ đó được sáng tác trong hoàn cảnh lịch sử như thế nào?

3. Qua những bài thơ đã học, em hiểu gì về cuộc sống và tâm trạng của các nhà thơ?

4. Tìm đọc thêm một số bài thơ của Nguyễn Đình Chiểu, Nguyễn Khuyến, Trần Tế Xương.

5. Hãy kể tên một bài thơ mà em thích nhất. Em nói rõ cái hay, cái đẹp của bài thơ ấy.

BÀI NĂM

TÌM CHỦ ĐỀ, TƯ TƯỞNG TRONG VĂN XUÔI HIỆN ĐẠI

Bài mẫu

TRONG HỎA LÒ

Tôi biết Hỏa Lò quá sớm. Nó để lại trong tôi một ấn tượng nặng nề.

Để vào tới chỗ thăm tù, chúng tôi phải qua ba lần cửa. Không kể lần cửa ngoài cùng, còn có một cửa sắt thưa, rồi một cửa sắt nữa, nhỏ hơn, dẫn vào một hành lang quét vôi màu xám. Rẽ sang trái, chúng tôi rơi vào một căn phòng tối mờ, giữa ban ngày cũng phải thấp đèn. Những người đi thăm tù ngồi đợi ngao ngán trên những chiếc ghế dài. Chỗ gặp là một tấm lưới thép chạy dài ngăn căn phòng thành một phòng nữa nhỏ hơn. Bên tấm lưới ấy, những người nhà pha (người tù) nói chuyện chớ ra với người nhà. Những mẫu đối thoại ngắn ngủi, tiếng gắt gỏng của viên giám thị, tiếng đàn bà khóc nức nở, tất cả làm thành một tiếng ồn không dứt. Nền xi măng đội lên trần cao một lần nữa tiếng chân người nóng ruột chờ tới lượt mình. Tất cả những cái đó đè nặng lên tôi. Tôi chỉ muốn mau chóng thoát khỏi căn phòng này. Thậm chí tôi quên cả nỗi thèm

được gặp bố...

Sau nửa giờ chờ đợi, tôi nghe một giọng hách dịch và lạnh tanh kêu tên bố tôi...

Mẹ tôi nhắc tôi lên cho tôi nói chuyện với bố. Tôi nhìn bố rất gần. Mặt hai bố con gần chạm nhau, chỉ cách có tám lưới. Bố tôi gầy quá, bây giờ tôi càng nhìn rõ. Lưỡng quyền nhô cao, mắt trũng sâu, đôi môi khô, nứt nẻ. Chắc chúng nó đã tra điện bố tôi. Và ông đã dứt đứt cúc áo, cắn chặt giữa hai hàm răng để khỏi cắn vào lưới. Những câu chuyện về mặt thám tra điện thế nào tôi đã được nghe. Chỉ cần nghiêng chặt răng chịu đựng cho tới khi ngất đi.

- Mẹ sẽ vất vả lắm đấy, con hiểu không ? - Bố tôi nói, giọng xúc động.

- Con hiểu ạ.

- Con lên bảy rồi, con đã lớn.

- Vâng.

Bố tôi định nói tiếp điều gì, rồi lại ngáp ngừng.

- Con sẽ chăm học - Tôi vội nói cho bố yên lòng.

- Ừ, con phải chăm học. Nếu con học dốt, bố sẽ buồn.

- Con sẽ không hành chọi với các em.

- Phải chiều chúng nó bởi vì chúng nó bé hơn con.

- Vâng.

Viên giám thị mập lùn đứng lên, ngáp dài. Rút

trong túi áo dưới cái đồng hồ quả quýt mạ bạc bóng loáng, ông ta bật nắp, nheo mắt lại để đọc giờ, rồi đây nắp lại đánh tách:

- Hết giờ!

Cánh cửa ghi-sê được mở ra để mẹ tôi chuyển quà vào. Mẹ tôi đột ngột ôm chặt tôi, dứt vôi tôi qua ghi-sê. Tôi chỉ giãy mạnh chân một cái là đã nằm gọn trong vòng tay bố. Ông ôm ghì lấy tôi, hôn khắp mặt.

- Ê bỏ ra, không được phép!

Bố tôi hôn tôi lần cuối, và dứt tôi trở lại. Viên giám thị già giảng bố tôi ra xa ghi-sê. Đôi lông mày rậm như hai con sâu róm của ông ta cau lại.

... Ngoài trời nắng lóa mắt. Tôi bước theo mẹ, nhưng không còn thấy sung sướng được bước ra khỏi căn phòng tối mờ và ngọt ngào của Hỏa Lò, như ít phút trước tôi còn thèm muốn.

VŨ NHƯ HIỀN

(Trích "Miền thơ ấu")

Hỏa Lò: tên nhà tù do thực dân Pháp xây dựng ở Hà Nội

EM LÀM CÁC VIỆC SAU:

Việc 1: Dựng lại hình tượng

1. Em đọc và tìm hiểu một số từ ngữ: *ấn tượng nặng nề; ngao ngán; giọng hách dịch và lạnh tanh; lưỡng quyền; ôm ghì; giám thị; ngọt ngào.*

2. Đoạn văn này kể về chuyến đi thăm cha trong nhà tù Hỏa Lò của em bé.

a) Trong cách nhìn của em bé, Hỏa Lò hiện lên như thế nào? (Bên ngoài nhà tù? Bên trong nhà tù? Những người đến thăm tù? Hình ảnh người cai ngục?).

b) Em bé đã nhìn thấy bố ra sao sau những ngày bố bị giam cầm trong Hỏa Lò? Hai bố con nói gì với nhau? Em bé có cảm giác gì khi được nằm gọn trong vòng tay bố?

3. Đọc xong đoạn văn trên, em dự đoán như thế nào về gia đình em bé? Em tưởng tượng và nói về người cha, người mẹ, người con.

4. Em kể lại toàn bộ chuyến đi thăm cha trong nhà tù Hỏa Lò của em bé (Em bé đã nhìn thấy, nghe thấy và cảm thấy những gì?).

Việc 2: Phân tích hình tượng - tìm chủ đề

1. Tìm những chi tiết, hình ảnh trong bài cho thấy cảnh nhà pha Hỏa Lò hết sức ngọt ngào, nặng nề.

2. Hình ảnh người cha "gầy gò, lưỡng quyền nhô cao, mắt trũng sâu, đôi môi khô nẻ" đã khiến em bé hình dung ra sức mạnh tinh thần của người cha như thế nào trước những cực hình của bọn thực dân Pháp?

3. Cuộc đối thoại giữa hai cha con, hình ảnh người cha ôm ghì lấy con hôn khắp mặt... cho em hiểu thêm điều gì trong tính cách người cha?

4. Chủ đề của đoạn văn là gì?

Việc 3: Tìm tư tưởng

1. Hình ảnh nhà pha Hỏa Lò nặng nề ngọt ngào nói lên tư tưởng gì?
2. Hình ảnh người cha kiên cường bất khuất trước kẻ thù đồng thời tha thiết yêu vợ thương con nói lên tư tưởng gì?
3. Cả đoạn văn nói lên tư tưởng gì? (Tác giả muốn lên án cái gì? Ca ngợi cái gì?)

LUYỆN TẬP CÙNG CỐ

1. Em kể lại đoạn văn mới học theo lời kể của:
 - a) Bà mẹ.
 - b) Ông bố.
 - c) Một con người đang chờ vào thăm tù theo dõi và quan sát những việc xảy ra với các nhân vật trong bài.
2. Viết bài: Em tưởng tượng và tả lại cảnh vào thăm tù trong Hỏa Lò của thực dân Pháp. Em có thể nói thêm những chi tiết chưa được nói tới trong bài văn.

NHỮNG BÀI LUYỆN TẬP

TÌNH QUÊ HƯƠNG

Phía làng đã khuất hẳn, nhưng tôi vẫn đắm đắm nhìn theo. Tôi đã đi nhiều nơi, đóng quân lại ở nhiều chỗ, phong cảnh đẹp đẽ hơn đây nhiều, nhân dân coi tôi như người làng và cũng có những người yêu tôi tha thiết nhưng sao sức quyến rũ, nhớ thương vẫn không mãnh liệt, day dứt bằng mảnh đất cộc cằn này. Làng mạc bị tàn phá nhưng mảnh đất quê hương vẫn đủ sức nuôi sống tôi như ngày xưa, nếu tôi có ngày trở về. Ở miếng đất ấy, tháng giêng tôi đi đốt bãi đào chuột, tháng tám nước lên đánh giậm, úp cá, đơm tép, tháng chín, tháng mười, đi móc con da dưới vệ sông. Ở miếng đất ấy, những ngày phiên chợ đi tới lại mua cho vài cái bánh rộm; đêm nằm với chú, chú gác chân lên tôi mà ngâm thơ lấy Kiều, những tối liên hoan xã, nghe cái Tị hát chèo và đôi lúc lại được ngồi nói chuyện với Cún con, nhắc lại những kỉ niệm đẹp đẽ thời thơ ấu. Khung cảnh xung quanh tôi bắt đầu mờ dần rồi trắng xoá, sương xuống dày đặc đến không còn trông rõ một cái gì nữa. Phảng phất trong không khí có thứ mùi quen thuộc không hẳn là mùi nhang ngày Tết, cũng không phải là thứ mùi nào khác có thể gọi tên được, có lẽ đã lâu lắm nay tôi mới lại cảm thấy nó. Thôi tôi nhớ ra rồi... đó là thứ mùi vị rất đặc biệt, mùi vị của quê hương.

NGUYỄN KHẢI

Trích "Ngày tết về thăm quê"

NHIỆM VỤ CỦA EM

1. Đọc và tìm hiểu các từ: *nhìn dăm dăm; mãnh liệt; day dứt; mảnh đất cộc cằn; phảng phất; thời thơ ấu.*

2. Quê hương trong kí ức anh bộ đội có những kỉ niệm đẹp đẽ như thế nào?

3. Tình cảm của anh bộ đội đối với quê hương được thể hiện qua những từ ngữ, hình ảnh nào trong bài? Qua việc bộc lộ tình cảm sâu nặng của mình đối với quê hương, tác giả muốn nói với mọi người điều gì?

4. Em hãy kể lại một kỉ niệm của em về quê hương.

VỀ VỚI MẸ

Con chớ mực tình khôn chạy xô đến. Nhận ra chủ, nó chum hai chân sau nhảy chồm lên, bám lấy Thư, quấy đuổi rồi rít.

Thư luồn tay qua bờ rào mở cánh cổng. Chiếc cổng tre rít lên khe khẽ, quen thuộc, làm chị cảm động, Thư hít một hơi dài, cố trấn tĩnh. Trong nhà vẫn còn ánh đèn. Chị ghé nhìn qua khe cửa. Bà mẹ đang chăm chú khâu vá gì dưới đèn. Mũi kim đưa đẩy chậm chạp. Mẹ gần như chẳng có gì khác lạ, y hệt như từ nơi xa chị vẫn nhớ về mẹ, như từ những năm nào chị đã phân biệt được tiếng bước chân mẹ trong nhiều tiếng nói cười của những người hàng xóm đi chợ về. Vẫn đôi mắt thông minh mà hiền hậu, chỉ có vòng tóc quán trên đầu là bé đi và ngắn lại. Và đường kim trên tay mẹ dường

như dè dặt hơn...

Chị đứng lặng, bối rối, muốn chạy vụt vào, hét toáng lên một tiếng: "Mẹ !" Nhưng chị vẫn đứng im. Chợt một ý nghĩ tinh nghịch loé lên.

Chị mỉm cười gõ cửa...

- Ai đấy?

- Cháu đây ạ. Cháu đi công tác qua. Bà làm ơn cho cháu ngủ nhờ - Chị cố làm cho tiếng nói khác đi.

Có tiếng lạch cạch mở then cửa. Bà mẹ cầm đèn ra. Thư phì cười. Mẹ ngạc nhiên giơ cao đèn ngang mắt, ngơ ngác. Rồi nhận ra đứa con gái út, tất cả khuôn mặt mẹ xao động, bùng nổ, rang rỡ. Mẹ túm lấy tay con gái.

- Ôi Con Thư! Cha bố mày đánh lừa cả mẹ! Chiếc đèn hoa kì trong tay mẹ rung lật bật.

Trích "Tiếng Mưa"

NHIỆM VỤ CỦA EM

1. Đọc kĩ đoạn văn

2. "Về với mẹ" Thư đã gặp những hình ảnh như thế nào? Những hình ảnh đó đã gợi lên trong lòng chị cảm giác gì?

3. Tìm trong bài những hình ảnh, chi tiết diễn tả nỗi vui mừng của hai mẹ con khi gặp lại nhau.

4. Nói những suy nghĩ của em sau khi đọc xong đoạn văn.

CHIẾC LÁ CUỐI CÙNG

1. Xiu-đi và Gion-xi là hai nữ họa sĩ trẻ. Họ có xưởng vẽ chung.

Mùa đông năm ấy, Gion-xi bị viêm phổi nặng, mười phần chỉ hi vọng sống một phần. Và một phần đó cũng tùy thuộc ở Gion-xi có muốn sống hay không?

Gion-xi nằm bất động, mắt mở to và đếm: 12, 11,... 10,... 9,... 8,... 7...

Xiu-đi hỏi:

- Cái gì thế, em thân yêu?

- Sáu..., Gion-xi nói thì thầm. Bây giờ chúng rụng nhanh hơn. Năm...

- Năm cái gì kia em?

- Những chiếc lá. Trên cây leo. Khi chiếc lá cuối cùng lìa cành thì chắc chắn em sẽ lìa đời...

- Trời ơi! Chị chưa bao giờ nghe thấy một điều vô lí như thế bao giờ. Những chiếc lá già cỗi có liên quan gì đến sức khỏe của em đâu! Em hãy ăn một ít xúp nhé.

- Không, em không cần xúp đâu... 4. Em muốn nhìn thấy chiếc lá cuối cùng trước khi chiều tối...

- Gion-xi! Em thân yêu! Em có hứa với chị là sẽ nhắm mắt, không nhìn ra cửa sổ nữa cho đến khi chị vẽ xong không nào?

- Vâng! Khi nào vẽ xong, chị bảo em ngay nhé!

2. Khi Gion-xi đã nằm lạng, mắt nhắm lại, Xiu-đi xuống gặp bác Bơ-men một họa sĩ già, cũng đang bị

viêm phổi nặng, ở nhà dưới, kể cho bác nghe về Gion-xi. Theo lời đề nghị của Xiu-đi, bác Bơ-men gượng dậy theo nàng lên phòng của Gion-xi...

3. Sáng hôm sau, Gion-xi tỉnh dậy, se sẽ bảo Xiu-đi:

- Chị kéo rèm lên, em muốn xem.

Xiu-đi buồn bã làm theo.



Nhưng kìa, sau cơn mưa to gió lớn, một chiếc lá vẫn chịu đựng nổi qua cả một đêm dài. Đó là chiếc lá cuối cùng. Chiếc lá vàng vẫn dưng bám vào một dây leo khẳng khiu.

Trời sáng rõ. Gion-xi đòi Xiu-đi phải kéo rèm cao lên nữa.

Chiếc lá vẫn còn đó.

Gion-xi nằm ngấm chiếc lá một lúc lâu. Rồi nàng gọi Xiu-đi.

- Xiu-đi ạ! Muốn chết, đó là một tội lỗi...! Chị mang cho em một ít xúp...

Buổi chiều, bác sĩ lại tới. Và khi ra về, ông nói với Xiu-đi:

- Gion-xi đã thoát khỏi nguy hiểm rồi. Cô đã thắng!

4. Tối hôm đó, Gion-xi nằm trên giường đan một chiếc khăn choàng len. Xiu-đi ôm lấy Gion-xi, rồi nói:

- Này, em yêu quý! Chiếc lá cuối cùng em nhìn thấy trên tường kia, đó là kiệt tác của bác Bơ-men đấy. Bác đã vẽ nó vào đúng cái đêm chiếc lá cuối cùng đã cành. Hôm nay bác ấy đã mất ở bệnh viện...

Theo Ô. HEN-RI

(Nhà văn Mĩ)

NHIỆM VỤ CỦA EM

1. Tìm những chi tiết trong bài diễn tả tâm trạng hoang mang của Gion-xi trong khi bị bệnh ốm nặng.

2. Vì sao Gion-xi vượt qua được cơn hiểm nghèo của tính mạng?

3. Hình ảnh chiếc lá cuối cùng qua một đêm mưa bão vẫn còn muốn nói với mọi người điều gì?

MỘT CON CHÓ HIỀN

Có một cô gái quê nghèo, tội nghiệp, cô Phô-xơ, từ nhỏ đã phải đi hành khất kiếm sống. Tối tối cô ngủ trong một vựa lúa tại nhà một chủ quán. Bị mọi người xa lánh, ruồng bỏ, cô chỉ còn một tình bạn trong một con chó...

Ông chủ quán có một con chó nhỏ, dịu hiền như một con người. Đen bốn chân trong khi toàn bộ lông trắng muốt. Giờ đây, khi kể lại các bạn nghe, tôi vẫn như trông thấy con chó tội nghiệp kia. Con chó nhỏ nhoi là sinh vật duy nhất lúc đó thường ném cho cô Phô-xơ những ánh nhìn thân thiện. Cô Phô-xơ dành cho con chó những miếng ngon lành hàng ngày.

Con chó như cũng nhận ra người tốt. Tối tối đến ngồi cạnh cô, nó không hề nghĩ tới cảnh nghèo của cô, nó nhẩy cẳng lên bám lấy cô, nó liếm láp đôi chân cô. Và trong đôi mắt nó có một cái gì rất hiền dịu, rất đổi hàm ơn, khiến đôi khi cô Phô-xơ ứa nước mắt nghĩ: "Đây rồi, đây đúng là sinh vật duy nhất thực lòng yêu ta".

Mùa đông, con chó nằm ngủ dưới chân cô, cô Phô-xơ đau lòng vô cùng khi thấy nó bị đánh đập. Và cô đã dạy cho nó thói quen không vào các nhà ăn trộm những mẩu xương nhỏ, đành lòng ăn những mẩu bánh nghèo nàn cô dành cho nó. Và mỗi khi cô buồn, nó lại tới trước mặt cô, nhìn sâu vào trong mắt cô, tựa hồ chó quyến luyến cô gái nghèo. Bà chủ đã quyết định đánh bả cho nó chết. Và con

chó nhỏ nhoi đã chết trong tay cô gái nghèo... Cô đã khóc thương nó và chôn nó dưới gốc thông, như thể nó là đứa con cô đẻ ra vậy...

Ô-NÔ-RÊ ĐƠ BAN-ZẮC

Trích "Thầy thuốc nông thôn"

P.T dịch

NHIỆM VỤ CỦA EM

1. Tưởng tượng và mô tả lại hình ảnh cô Phô-xơ.
2. Tìm trong bài những chi tiết mô tả tình thân giữa cô Phô-xơ và con chó nhỏ. Vì sao có tình thân đó?
3. Vì sao bà chủ lại đánh chết con chó nhỏ? Em tưởng tượng và tả lại hình ảnh con chó nhỏ chết trên tay cô Phô-xơ.
4. Em đoán và nói ra những ý nghĩ của tác giả khi viết về cô gái nghèo Phô-xơ, khi viết về bà chủ quán. Những ý nghĩ đó chứa đựng tư tưởng gì?

MỘT VÀI MẪU CHUYỆN VỀ CHÚ GA-VƠ-RỐT

(Trích trong tác phẩm "Những người khốn khổ"
của nhà văn Pháp Vic-to Huy-gô)

I GA-VƠ RỐT LÀ AI?

Ở đại lộ Tăm-pơ-lơ người ta thấy một em bé trạc

mười một mười hai. Nó mặc một chiếc quần đàn ông nhưng không phải cha cho, với một chiếc áo đàn bà mà không phải lấy của mẹ. Mặc dầu nó cũng có một ông cha và một bà mẹ hẳn hoi. Nhưng cha nó không hề nghĩ tới nó và mẹ nó không hề thương nó. Nó thuộc loại trẻ em có cha mẹ mà phải sống mồ côi.

Em bé này chỉ cảm thấy thoải mái ở ngoài đường phố. Với nó, đá lát đường còn êm ái hơn lòng mẹ.

Cha mẹ nó đã tống cổ nó ra đường.

Nó là một em bé lanh lợi, bụng đói có khi ăn cắp chút ít, ăn cắp hồn nhiên như mèo hay chim vậy. Nó sống không có nhà, không cơm nước, không lửa sưởi, không tình thương, nhưng nó vui vì được tự do.

Cứ vài ba tháng nó lại nói:

- À, ta đi thăm mẹ.

Rồi nó từ giả đại lộ, dọc theo con kênh, qua các cầu, ra ngoại ô và đến số nhà 50-52.

Cơ sở khá nhất trong nhóm người ở đây là một gia đình bốn miệng ăn, cha, mẹ, và hai cô gái khá lớn. Nó về đó thấy lại cảnh nghèo, và buồn nhất ở đây không có lấy một nụ cười. Căn nhà lạnh lẽo, lòng người lạnh nhạt. Nó tới, người ta chỉ hỏi:

- Mày ở đâu đến?

Nó trả lời:

- Ở ngoài đường.

Nó ra đi, người ta chỉ hỏi:

- Mày đi đâu?

Nó trả lời:

- Ra đường.

Mẹ hỏi:

- Mày đến đây làm gì?

Nó không biết được một người cha, một người mẹ phải như thế nào với con.

Ở đại lộ Tăm-pơ-lơ người ta gọi em bé ấy là Ga-vơ-rốt.

NHIỆM VỤ CỦA EM

1. Đọc kĩ đoạn văn.

2. Bài văn giới thiệu về chú bé Ga-vơ-rốt. Em hãy tìm những hình ảnh, chi tiết mô tả:

a - Hoàn cảnh sống của Ga-vơ-rốt.

(Ga-vơ-rốt sống ở đâu? Ga-vơ-rốt có được sống trong vòng tay của cha mẹ như những em bé bình thường không?)

b - Hình ảnh chú bé Ga-vơ-rốt

(Hình dáng? Cách ăn mặc? Tính cách?)

3. Tác giả đã mô tả chú bé "không cửa không nhà" này với một tình cảm như thế nào? Điều đó nói lên tư tưởng gì?

VƯỜN ÔNG MA-BỚP

Chiều hôm ấy, Ga-vơ-rốt thấy đói ghê lắm. Nó quyết định đi kiếm ăn.

Đang đi, nó nhận ra một cái vườn có vẻ cổ xưa, trong đó có một cây táo. Một quả táo đủ ăn bữa tối đấy, một quả táo là đủ sống. Ga-vơ-rốt đi men lại phía vườn.

Nó ghé mắt qua lỗ bờ rào.

Cách nó hai bước, có một phiến đá đặt nằm làm ghế, một ông già ngồi đấy, và một bà lão đứng trước mặt. Bà già đang kể lể. Ga-vơ-rốt lắng nghe:

- Này, ông Ma-bốp.

Ga-vơ-rốt nghĩ thầm: "Ma-bốp, cái tên mới thật là hài kịch".

Ông già vẫn mãi nhìn xuống đất, trả lời:

- Gì thế, mụ Pơ-luy-tác?

"Mụ Pơ-luy-tác, cũng lại hài kịch". Ga-vơ-rốt nghĩ thế.

Bà Pơ-luy-tác nói tiếp:

- Chủ nhà không bằng lòng.

- Sao vậy?

- Đã nợ người ta đến ba kì rồi.

- Thì ba tháng nữa là bốn.

- Nó bảo sẽ tổng ông ra ngủ đường đấy.

- Thì tao ra.

- Thế mùa đông này lấy gì mà sưởi? Củi chẳng còn một mẩu.

- Đã có năng.
- Hàng thịt hết bán chịu, chẳng còn thịt cho nữa đâu.
- Hay đấy. Tao không ưa thịt. Ăn nặng bụng.
- Còn gì mà ăn?
- Bánh mì.
- Nhà hàng đã bảo không tiền là không bánh.
- Được.
- Thế ông ăn gì?
- Tao có táo trên cây.
- Nhưng mà ông ơi, không có xu thì sống sao nổi.
- Tao biết đào đâu ra.

Bà lão bỏ đi, ông già ngồi một mình. Trời tối hẳn. Ông ngồi thừ ra suy nghĩ. Ga-vơ-rốt cũng suy nghĩ. Không ăn trộm táo nữa, nó luồn vào giữa cành cây dưới chân rào.

Nó đến cạnh ghế ông Ma-bốp. Nó nghe tiếng ông già thều thào.

Thế rồi, thay bữa tối, nó quyết định nhắm mắt ngủ.

NHIỆM VỤ CỦA EM

1. Đọc kĩ bài văn.
2. Gia đình ông Ma-bốp đang ở trong tình cảnh như thế nào?
3. Trong vườn táo, chú bé được chứng kiến một cảnh ra sao?
4. Tại sao Ga-vơ-rốt quyết định nhịn đói đi ngủ? Hành động đó cho em hiểu gì về tính cách của chú bé?
5. Việc nhận ra và mô tả những tính cách đẹp đẽ trong con người Ga-vơ-rốt nói lên tư tưởng gì ở tác giả?

III GA-VƠ-RỐT NGOÀI CHIẾN LUỸ

(Đoạn trích dưới đây nói tới cuộc cách mạng của nhân dân lao động Pháp chống nhà cầm quyền năm 1848. Nhân dân lập ra các đội quân tình nguyện, lập chiến luỹ ở các đường phố, kiên quyết dùng vũ khí đánh lại quân của chính phủ. Trong hàng ngũ cách mạng có sinh viên, công nhân và có cả những em bé như Ga-vơ-rốt).

Ăng-giôn-ra nói:

- Chừng mười lăm phút nữa thì chiến luỹ chúng ta không còn quá mười viên đạn.

Ga-vơ-rốt nghe rõ câu nói.

Chốc chốc người ta thấy ở dưới chiến luỹ có ai mò ra đường phố, dưới làn mưa đạn.

Ga-vơ-rốt đã lấy một cái giỏ đựng chai trong quán và ra khỏi chiến luỹ. Nó dốc vào miệng giỏ những chiếc bao đầy đạn của bọn Vệ quốc bị giết gần chiến luỹ.

- Mà làm gì đấy? Cuộc-phây-rắc hỏi.
- Các anh ơi, tôi nhặt cho đây giỏ đây.
- Mà không thấy đạn réo à?

Ga-vơ-rốt trả lời:

- Vâng, như mưa. Rồi sao nữa?

Cuộc-phây-rắc thét lên:

- Vào ngay !
- Tí ti thôi - Ga-vơ-rốt nói.

Và phốc một cái, nó đã xông ra ngoài đường.

Vài chục xác chết ngổn ngang trên mặt đường ấy là vài chục bao đạn làm quà tặng Ga-vơ-rốt, một nguồn

đạn dự trữ cho chiến lũy cách mạng.

Ngoài đường lửa khói mịt mù.

Điều đó rất có lợi cho Ga-vơ-rốt.

Dưới màn khói và thân hình bé nhỏ, nó có thể tiến ra xa ngoài đường mà không ai trông thấy. Nó dốc bảy tám bao đạn đầu tiên không có gì nguy hiểm lắm.

Nó bò thật nhanh, giở ngậm vào răng, trườn đi, lê từ xác chết này sang xác chết khác và dốc hết các bao đạn như thể bóc quả óc chó.

Trên xác một tên cai, Ga-vơ-rốt vớ được một quả tạc đạn.

- Để dành lúc cần nhé - nó vừa nói vừa bỏ vào túi.

Cứ tiến lên mãi, đến một chỗ, bên kia đã có thể nhìn thấy nó qua làn khói. Ga-vơ-rốt đang dốc đạn trên xác một tên đội thì một viên đạn trúng ngay vào xác.

- Khốn nạn - Ga-vơ-rốt nói - Ra chúng giết cả những thầy chết của tao.

Viên đạn thứ hai thúc vào viên đá lát đường bên cạnh nó. Viên đạn thứ ba lật đổ cái giỏ đạn của nó.

Ga-vơ-rốt nhìn lên và thấy luồng đạn bắn ra từ phía ngoại ô.

Nó vùng đứng dậy, tóc bay trước gió, mắt nhìn thẳng về bọn lính Vệ quốc đang bắn mà hát:

" Xấu nhất là người Năng-te

Đó là lỗi tại Vôn-te

Ngốc nhất là dân Pa-lét-xô

Đó là lỗi tại Rút-xô "

Rồi nó lại nhặt giỏ, lượm tất cả đạn bỏ vào, không sót một viên và tiến lên trước tầm súng dốc một bao

đạn khác.

Đến đó, một viên đạn thứ tư lại nhằm trạch nó. Ga-vơ-rốt hát luôn:

"Ta không làm Nô-te

Đó là lỗi tại Vôn-te

Ta là con chim nhỏ

Đó là lỗi của Rút-xô".

Viên đạn thứ năm chỉ có tác dụng là thúc nó hát khúc thứ năm:

"Vui là bản tính của ta

Đó là lỗi tại Vôn-te

Cơ cực là áo của ta

Đó là lỗi tại Rút-xô "

Cứ thế mà tiếp diễn một lúc.

Quang cảnh vừa rùng rợn vừa thú vị. Ga-vơ-rốt bị rượt bắt, đùa với đạn. Nó có vẻ nô đùa thích thú vô cùng. Nó đáp lại mỗi loạt súng bắn bằng một khúc hát. Bọn địch nhằm vào nó mà bắn luôn tay, nhưng cứ trượt mãi. Bọn Vệ quốc và bọn lính vừa cười vừa nhắm bắn. Nó nằm xuống rồi lại đứng thẳng lên, ẩn vào một góc cửa, rồi lại phốc ra, tới, lui, dốc cạn các bao đạn và chất đầy giỏ.

Nghĩa quân mắt không rời nhìn nó. cả chiến lũy rung lên, nó vẫn ngân nga hát. Không phải là một chú bé, không phải là một con người, đây là một em nhỏ thiên thần. Đạn bắn theo nó, nó nhanh hơn đạn. Nó chơi ú tim với cái chết một cách thật ghê rợn.

Nhưng rồi, một viên đạn phản phúc hơn tất cả các viên trước đã trúng thẳng bé. Người ta thấy Ga-vơ-rốt

lảo đảo rồi ngã xuống. Cả chiến lũy rú lên một tiếng. Nhưng Ga-vơ-rốt chỉ ngã để rồi lại đứng dậy ngay. Nó ngồi lên mặt đường, nhìn về phía đạn bắn tới mà hát:

"Ta ngã lăn xuống đất

Đó là lỗi tại Vôn-te

Mũi chúi xuống rãnh nước

Đó là lỗi..."

Nó không hát được trọn câu. Một viên đạn thứ hai cũng do tên lính trước bắn chấm dứt câu hát. Lần này nó gục xuống đường và không đứng dậy nữa.

VIC-TO HUY-GÔ

Trích "Những người khốn khổ"

NHIỆM VỤ CỦA EM

1. Đọc kĩ đoạn văn "Ga-vơ-rốt ngoài chiến lũy".
2. Dựng lại hình tượng chú bé Ga-vơ-rốt ngoài chiến lũy.

Gợi ý

- Tình hình chiến sự lúc này ra sao?
- Tả lại cảnh chú bé chạy đi nhặt đạn từ những xác chết của lính địch. Em nghĩ gì về chú bé qua hình ảnh chú vừa hát vừa xông xáo nhặt đạn ngoài chiến lũy?
- Tả lại cái chết của chú bé Ga-vơ-rốt. Hình ảnh nào gây ấn tượng mạnh nhất trong em?

3. Việc mô tả hình ảnh chú bé Ga-vơ-rốt trên chiến lũy cách mạng như vậy nói lên một tư tưởng gì?

MÙA XUÂN VÀ CON CHIM NHỎ

Tết này, Ến đã được 13 tuổi. Sinh nhật nó đúng vào ngày đưa ông Táo. Tôi muốn tặng cho nó một món quà, mà cứ nghĩ ngợi hoài, không biết tặng cái gì. Thương nó, suốt đêm tôi cứ trằn trọc...

Công Ến đi học, tôi gợi ý với nó:

- Ến ơi, nếu ông tiên nào cho mày điều ước, mày ước gì hả Ến?

- Tao ước điều tao thích nhất!

Tôi như mở cờ trong bụng;

Mày thích cái gì?

- Tao thích... hai chân tao khỏe mạnh để mày khỏi công tác, cực khổ...

Tôi gãi đầu.

- Mày thích khó quá. Thích cái khác.

- Tao thích được như con chim, có đôi cánh bay vù lên bầu trời rộng mênh mông, tự do, thỏa thích...

Ồ, bị đôi chân đau, nó không đi được, ngồi một chỗ hoài nên nó mơ ước bầu trời cao rộng... Tôi hỏi:

Mày không bay được như con chim đâu. Vậy mày có thích con chim không?

- Thích. Con chim đem ước mơ đi tìm mùa xuân cho tao.

- Ồ há.

Tôi khoái trá vì đã tìm được món quà sinh nhật cho bạn. Ở bên vườn nhà ngoại tôi, có một bụi tre cao, dày mít. Trong tán tre ấy có một tổ chim. Hồi lâu rồi, tôi thấy con chim mẹ tha rác về làm tổ. Bữa nay chắc con chim đã nở. Buổi trưa, tôi tắt tả ra nhà ngoại. Tôi tìm thấy cây tre con chim làm tổ, nắm gốc, ra sức lay mạnh. Lá tre rụng rào rào. Hai cánh tay tôi mỏi nhừ. Và tôi càng cố lắc. Từ trên cao rơi xuống một con chim én bé nhỏ. Đôi cánh ngắn ngủn của nó chấp chới muốn bay, nhưng không sao cất mình lên nổi, trông in hệt thằng Én đang chồi chồi đôi chân cố lết trên mặt đất. Tiếng kêu chiêm chiêm của nó đầy nỗi tuyệt vọng, thảm thương. Tôi áp iu nó trong lòng bàn tay, đem về bỏ trong cái lồng tre nhỏ. Tôi tịnh dưỡng mấy hôm cho nó khỏe lại, bay được. Rồi đem sang làm quà sinh nhật cho bạn tôi. Chắc Én thích lắm. Tôi giã gạo thật nát bỏ vào lồng chim, nhưng chim không ăn cứ kêu chiêm chiêm. Tiếng kêu như tiếng khóc của đứa bé. Nó khóc suốt chiều, suốt tối như em tôi khóc hôm má tôi về nội ăn đám cưới. Lần đó, tôi dỗ em không được. Cũng khóc theo. Lần này, tiếng kêu của con chim khiến tôi hết hào hứng. Tôi cứ suy nghĩ hoài khi thấy nó nằm cú rú ở một góc lồng chẳng khác gì bạn tôi cô đơn, ủ rũ một góc nhà, nhìn bầu trời mơ ước. Thương con chim, tôi lại suốt đêm trần trọc...

Sáng sớm hôm sau tôi mang con chim nhỏ sang chỗ bụi tre nhà ngoại tôi. Phải trầy trật lắm tôi mới trèo lên được để đặt nó vào chiếc tổ xơ xác. Con chim vẫn kêu,

nhưng tôi có cảm giác đó là tiếng kêu reo mừng bên mẹ và các anh chị em nó. Tôi thanh thản tuột xuống, đi tìm món quà khác để mừng sinh nhật Én. Hôm hăm ba tháng chạp, ở nhà, má tôi đưa ông Táo về trời, tôi chạy qua nhà Én, đưa nó một tấm thiệp bỏ trong bao thư. Tôi nói thật nhanh:

- Tao muốn tặng một con chim như mày thích... nhưng nghe con chim khóc, tao thương quá... thôi thì mày nhận tấm hình cũng có con chim...

Én nhìn tôi lạ lẫm. Nó đâu biết những gì đã xảy ra trước đó. Tay nó run run bóc chiếc phong bì. Nó bỗng reo lên:

- Ôi đẹp quá!

Tấm thiệp chụp hình một con chim xinh xinh nhỏ nhắn ấm áp nằm trong đôi bàn tay nhân từ của ai đó. Mắt con chim tròn xoe, đầu nó nghiêng nghiêng hạnh phúc. Giọng Én như nghẹn mũi:

- Con chim này là... tao. Còn hai bàn tay kia ... là mày. Mày áp ủ cho tao ấm áp tình thương... mày đem mùa xuân đến cho tao đó Nguyên ơi.

Tôi cảm động vì giọng nói của Én. Đôi mắt nó, như ngân ngân nước. Nó cúi thấp xuống đọc dòng chữ nhỏ in cuối tấm ảnh, khe khẽ, thì thầm: "Xin hãy đón nhận những tâm hồn bị bỏ rơi". Nó gục đầu vào vai tôi, khóc. Giọt nước mắt rơi xuống bức ảnh, nơi khóc mất con chim. Con chim cũng khóc.

NGUYỄN KHẮC LỘC

NHIỆM VỤ CỦA EM

1. Đọc và tìm hiểu các từ: *cú rú, ử rữ, trần trọc, lạ lẫm*.
2. Lòng yêu thương người bạn tật nguyền của tác giả thể hiện qua những chi tiết nào? Tình cảm đó nói với mọi người điều gì?
3. Em ghi lại một hình ảnh làm em xúc động nhất.

NHỮNG BÀI ĐỌC THÊM

NGƯỜI CON TRAI

Mạnh đang lim dim ngủ bỗng từ từ mở mắt. Trông thấy tôi. Mạnh nhồm dậy.

- Ba...

Tôi đè Mạnh xuống. Lúc đó giọng tôi âu yếm nhưng kiên quyết.

- Con nằm xuống để ba xem vết thương.

Tôi đứng lặng nhìn con. Hàm mỗ chỉ còn tiếng động duy nhất là tiếng lóc bóc của ống thông hơi trên chai huyết thanh. Tôi lật mảnh băng dính trên trán Mạnh. Một mảnh cối làm mất đi cái nốt ruồi ở đuôi mắt trái. Tôi thấy lòng mình đau thắt. Một mảnh đạn cối khác chui vào gần rốn Mạnh, một mảnh mìn bụng thò ra ngoài. Tôi lại xem đến vết thương ở ngực Mạnh, máu đã khô dính bết lại với làn băng đầu tiên từ trận

địa. Tôi đưa tay lên mũi Mạnh. Một làn hơi ấm và khô phả vào tay tôi. Có lúc Mạnh thở rất khó. Tôi đã cảm thấy một điều gì đó gần như một tai họa xảy đến với mình. Vết thương của Mạnh là loại phối hợp, rất nặng.

Mạnh chăm chú nhìn tôi. Mạnh nói, giọng yếu lắm:

- Nặng lắm, phải không ba?

Tôi hơi lúng túng:

- Ừ, nhưng cứu chữa được.

Mạnh không nhìn vào tôi nữa. Nó nhìn lên trần hầm, nói rành rọt từng lời, như đã chuẩn bị từ trước:

- Ba ơi, con có lá thư gửi mẹ trong ba-lô. Khi nào ba gửi thư về, ba gửi luôn cho con...

THÁI BÁ LỢI

Trích truyện ngắn "Lòng cha"

TUỔI THƠ IM LẶNG

Lạ thật, làng tôi mỗi người gọi cha mẹ một kiểu. Anh em tôi gọi cha là "chú", mẹ là "u". Con nhà bác Tuyên cũng gọi như vậy. Nhà thằng Diên, trẻ con lại gọi cha mẹ là "chú, thím". Tôi thấy hình như gọi như vậy không đúng đâu. Gọi cha mẹ là "giời" cũng chưa xứng. Đã đành "chú như cha, thím như mẹ", "xảy cha còn chú". Nhưng cha mẹ phải là cha mẹ chứ. Mấy

thằng ở tỉnh theo cha mẹ về làng tôi chơi. Tôi rất lạ. Nó gọi cha mẹ là "cậu, mợ". Nghe rất sang trọng nhưng mà tôi vẫn thấy không thể được!

Tôi đánh bạo, tôi gọi cha mẹ là "thầy, u". Không ngờ, về sau, tất cả anh em tôi, cả con nhà bác Kí Hồ cũng gọi như vậy, gọi quen rồi!: "Thầy ơi!", "U ơi!"...

BỐ TÔI

Bố đi đâu về, không lần nào chúng tôi không có quà.

Mở thùng câu ra là một thế gian dưới nước: cà cuống, niềng niềng đục, niềng niềng cái bò nhộn nhạo. Hoa sen đỏ, nhị sen xanh tỏa thơm lừng. Những con cá sộp, cá chuối, cá chồn quẫy toé nước, mải thao láo. Mai mẹ lại có tiền đóng gạo rồi.



Bố im lặng, cời trần ra. Bố ngồi ăn cơm. Khi ngồi, lưng bố hơi gù, bụng mỏng dính, da bụng trùng lại. Suất cơm thường là hai bát chiết yêu úp một. Một miếng sắn, miếng khoai công mười hột cơm. Thấy chúng tôi riu rít chia quà. Người vừa nhai cơm vừa gật đầu.

- Mai đi cắt tóc. Thiên hạ đến lứa rồi!

Bố lẩm nhẩm thế.

Bố đi cắt tóc về, không lần nào là chúng tôi không có quà.

Mở hộp dụng cụ ra là cả một thế gian trên đất: con sập sành, con muồm, con bọ bầu to xụ, mồi thếch, ngó ngoáy. Hấp dẫn nhất là những con dế đập lạo xạo trong các vỏ bao diêm: toàn dế đục, cánh xoắn, chọi nhau phải biết và gáy vang nhà. Bố gọi chung các loại dế biết gáy là "tác tẩu". Chúng tôi gọi riêng từng loại: con "roóc", con "chéc", con bé nhất là con "kéc"... theo tiếng kêu của chúng mà gọi. Mong sáng mai chúng tôi đem chúng chọi với dế của anh Liên. Nếu nó thắng, anh Liên lại bảo:

- Dế của thầy mầy bắt mà lì!

U TÔI

Ba anh em tôi đang đánh đáo tường ở góc sân. Tự nhiên anh Thả reo lên:

- U về, u về, chúng mầy ơi!

Chúng tôi ngừng lại tất cả, nhìn ra cổng. Tâng hăng! Anh Thả hay có thói như thế.

Đến trưa, ba anh em đói mềm. Anh Thả lại reo:

- U về! U về!

Chúng tôi tiếp tục chơi đáo. Chả ai tin. Cái reo của anh Thả vút đi!

Xế chiều, bác Kí cho anh Hồ, anh Liễn mang sang ba bát cơm. Vừa ăn xong, anh Thả nhìn ra cổng lại reo lên:

- U về! U về thật đấy, chúng mày ơi!



Lúc này chúng tôi vẫn không tin... Nhưng mà u về thật. U đặt quang gánh xuống giữa sân. Mồ hôi ướt hai

bãi ở hai vai áo. Khi mở thúng ra, có ba chiếc bánh đa. U bảo: "Cứ mỗi đứa một cái".

Hôm nay, u đi tận chợ Chì. Chợ Chì ở đâu, nhưng tôi biết là xa lắm.

"Chợ Chì là chợ Chì xa,

Chồng mong, con khóc, chém chả chợ Chì".

Có hôm u còn đi tận chợ Roi. Chợ Roi xa títt mù tắp. Đứng ở quê ngoại mà nhìn thì chợ Roi ở tận chân dãy núi xanh xanh kia: Người ta gọi là núi Leo, núi Cáo.

- U về! U về! U về !!!

Thằng Tịch reo lên. Khi thằng Tịch reo lên như thế, ai cũng phải tin. Mỗi khi u đi, nó lăn ra đất, nó chạy ra cổng, nó gào, nó khóc. Nó khóc đến nửa ngày, nấc lên. Nó khóc mệt thì thôi chứ không ai dỗ được. Nên bao nhiêu lần nó reo lên: "U về! U về!" thì đấy là thật.

U về, u về thật. Chúng tôi quây quanh u, mở đôi thúng, U chả nói chả rằng. Bao nhiêu quà: ông Phổng hiền như bột, ăn no, bụng phưỡn ra, hờ cả rốn. Mặt trắng, bụng trắng, chỉ có môi là đỏ. Ba ông, màu sắc sặc sỡ, ngồi ghế, che tàn. Các ông gầy nhom, đội mũ cánh chuồn. Người ta gọi ông là Tiến sĩ. Ba quả bưởi lụng mùi thơm. Một bánh thuốc lào, sợi vàng ươm, bọc quanh bằng lá chuối khô. U bảo đấy là quà của thầy.

- Hôm nay u mua nhiều thế! Hình như tôi thấy u đói! U bảo: "Tối nay, chúng mày trông giăng. U nấu bánh đúc lạc, tha hồ ăn".

Tháng ba, ngày tám thường là đôi. Nhưng năm nay được mùa! Rằm tháng Tám này chắc nhà nhà đều vui. Đến như nhà tôi mà cũng vui cơ mà!

- U về, u về!

U đi gặt thuê cho nhà bà Xã đã về! Váy u còn xắn đến đầu gối, lấm lấm bùn.

U thất bao tượng màu đã bạc như màu nồn chuối khô. Người u toả ra mùi lúa, mùi bùn. U tháo thất lưng ra, róc róc: cà cuống, niềng niềng, muỗm, những cọng rạ đầy trứng cà cuống... Anh Thả đốt bếp lên. Một lát sau, ba anh em ngồi ăn: những con muỗm thơm vàng, béo ngậy. Cà cuống "chết đến đít còn cay", vị cay ngan ngát. Niềng niềng giòn thơm. Trứng cà cuống lép lép, lép lép...

- U về, u về!

U đi ăn giỗ về. Lần thì trong tay u cầm một bọc, bọc bằng lá sen. Lần thì u cầm một bọc, bọc bằng lá khoai, lần thì lá chuối đã nướng đi rất dẻo. Trong các bọc ấy toàn thịt mỡ thái to, xôi gấc còn đầy hột, chè đỗ xanh từng cục, từng miếng chứ không thành đĩa... Khi mở ra, anh em tôi vừa bốc, vừa nhúm hết veo...

- U về! U về!

Nhiều lần u đi chợ về, u cắp nghiêng cái thúng. Chúng tôi biết như thế là chả có gì, chúng tôi vẫn reo lên: "U ơi! U về! U về!..." Bao giờ, u đặt thúng xuống, anh Thả cũng ra mở thúng trước tiên: dăm bơ gạo tấm, một "men" giấy cho tôi đi học, cục mực tím óng a óng

ánh bọc trong mảnh giấy bản... Nhưng chẳng bao giờ u quên mua quà: mười củ khoai luộc, chiếc bánh đa, vài dạn mía...

- U về! U về!

Tôi cứ ngẩn ngơ: Ước gì mình cứ bé mãi để được reo lên: "U về! U về!" Ước gì u cứ sống mãi để chúng tôi được reo lên: "U về! U về!"

DUY KHÁN

Trích "Tuổi thơ im lặng"

TRÁI TIM ĐAN-KÔ

... Rừng vẫn hát bài hát thê lương, sấm chớp đùng đùng, mưa như trút nước.

- Ta sẽ làm gì cho mọi người đây? Đan-kô hét to hơn sấm.

Bỗng nhiên, anh đưa hai tay lên, xé toang lồng ngực, dứt trái tim ra và giơ cao lên đầu.

Trái tim cháy sáng rực như mặt trời, sáng hơn mặt trời, và cả khu rừng im lặng, sáng lên dưới ngọn đuốc của lòng thương yêu vĩ đại đối với con người. Trước ánh sáng của trái tim Đan-kô, bóng tối tan tác và run lẩy bẩy. Đoàn người sùng sốt, đứng trơ ra như

phông.

- Đi thôi! - Đan-kô thét lớn và xông lên phía trước, tay giơ cao trái tim cháy rực, soi đường cho mọi người.

Họ xông lên theo anh, sung sướng mê cuồng. Rừng lại bắt đầu ồn ào, ngạc nhiên lắng lư các ngọn cây, nhưng tiếng ồn ào của rừng bị tiếng chân người rầm rập át đi. Họ chạy nhanh và mạnh bạo, cảnh tượng kì diệu của trái tim cháy lồi cuốn họ. Bây giờ vẫn có những người chết nhưng họ không than vãn và khóc lóc. Còn Đan-kô thì luôn luôn đi ở phía trước và trái tim anh vẫn cháy bùng bùng, sáng rực!

Bỗng nhiên, rừng dẫn ra nhường lối cho anh, dẫn ra và lùi lại phía sau đầy đặc và âm lặng. Còn Đan-kô và tất cả đoàn người chìm vào cái biển ánh sáng mặt trời và không khí trong lành được nước mưa gột sạch. Giông bão ở đằng kia, sau lưng họ, trên khu rừng, còn ở đây là mặt trời rực rỡ, thảo nguyên thở đều đều, cỏ ngời sáng vì những giọt mưa chói lọi như kim cương và sáng lấp lánh ánh vàng. Chàng Đan-kô can trường và kiêu hãnh đưa mắt nhìn thảo nguyên bao la trước mặt, sung sướng nhìn khoảng đất tự do, bật lên tiếng cười tự hào, rồi anh gục xuống.

MÁC-XIM GOR-KI

Trích "Bà lão I-déc-ghin"

Phạm Mạnh Hùng dịch

CON NGƯỜI CÓ NGUỒN GỐC CHIM ƯNG

Ngày xưa, ngày xưa, trên trái đất này đã có thú rừng, chim muông, chúng đã in dấu vết trên đất, nhưng chưa có dấu chân người, đã lan đi đủ thứ âm thanh, nhưng chưa có giọng người. Trái đất không có con người giống như môm không có lưỡi, ngực không có tim.

Đạo ấy, giữa bầu trời trên dải đất này đã có chim ưng bay lượn, loài chim dũng mãnh, gan dạ. Vào cái ngày mà câu chuyện này xảy ra, tuyết bông rơi nhiều vô kể, tưởng như có ai vạt hết lông chim trên trái đất rồi quăng đi theo chiều gió. Mây che kín bầu trời, tuyết phủ kín mặt đất, vạn vật nhòe đi hết, không thể nào hiểu được đâu là đất, đâu là trời. Và lúc ấy chim ưng bay về tổ của mình, cánh chim như lưỡi kiếm, mỏ chim như dao găm.

Chẳng biết chim quên mất trời cao hay trời cao quên chim, chỉ biết đang bay chim bỗng đâm nhào vào vách đá. Không phải chỉ có một vài chim ưng đã chết khi lao đầu vào đá. Nhưng riêng chú chim ưng có đôi cánh như lưỡi kiếm và mỏ như dao găm thì chỉ bị thương.

Đôi cánh bị gãy nhưng trái tim vẫn còn đập, chiếc mỏ nhọn còn nguyên, còn nguyên đôi móng sắc.

Chim đã phải tìm mọi cách để kiếm sống. Không có cánh thật khó kiếm thức ăn, không có cánh thật

khó chọi lại với kẻ thù. Cứ mỗi ngày chim lại cứ trèo cao lên một ít, từ tảng đá này sang tảng đá kia, từ vách đá này sang vách đá khác, cố đặt chân lên lại vách đá mà trước đây chim đã từng ưa thích đậu, từ đó đưa mắt khắp vùng núi chung quanh.

Không có cánh thật khó kiếm thức ăn, thật khó tự bảo vệ mình, tìm lên chỗ cao và xây tổ. Thế rồi trong lúc phải làm mọi việc ấy, những cơ bắp của chim cũng biến đổi theo. Và khi xây tổ xong, nó bỗng nhiên biến thành người dân vùng cao.

Nó đứng thẳng trên hai chân, thay vào đôi cánh gãy là đôi tay rắn chắc. Một nửa trên của mỏ biến thành dao găm đeo bên thắt lưng người vùng núi. Chỉ có trái tim là không thay đổi, vẫn là trái tim ngày trước, trái tim chim ưng.

RA-XUN-GAM-ZA-TOP

Trích "Đa-ghét-xtan của tôi"

THƯ CỦA MẸ

Sáng nay, ở trường về con đi qua mặt một người đàn bà đáng thương đang bế trên tay một đứa trẻ xanh xao và ốm yếu. Con nhìn bà ta, và con không cho gì hết, dù trong túi có tiền. Nghe mẹ bảo, con ạ: đừng quen thói đứng dừng đi qua trước người nghèo khổ, và hơn nữa đi trước một người mẹ, xin một xu cho con mình. Con hãy nghĩ rằng có thể đứa bé ấy đang đói.

hãy nghĩ đến nỗi khắc khoải của người đàn bà đáng thương!

Hãy tin lời mẹ, En-ri-cô ạ, thỉnh thoảng con phải trích ra một đồng từ túi tiền của con để giúp một cụ già không nơi nương tựa, một bà mẹ không có bánh ăn, một đứa trẻ không có mẹ. Người nghèo khổ thích trẻ con cứu giúp, vì không phải tủi nhục, vì trẻ con giống như họ, cũng cần đến tất cả mọi người. Sự giúp đỡ của đứa trẻ vừa là một hành vi từ thiện vừa là một sự vuốt ve đối với họ. Con hãy nghĩ rằng con chẳng thiếu thốn thứ gì hết và người nghèo khổ thì thiếu thốn tất cả mọi thứ. Trong lúc con ước mong được sung sướng thì họ cầu xin để khỏi chết. Thật là buồn khi nghĩ rằng giữa bao nhiêu nhà giàu có, ngoài phố xá bao nhiêu là xe cộ và trẻ em mặc toàn quần áo nhung mà lại có những đàn bà và trẻ em không có gì mà ăn cả! Không có gì mà mặc cả! Ôi! En-ri-cô, từ nay về sau đừng có bao giờ đi qua trước một bà mẹ xin cứu giúp mà không đặt vào tay một đồng nào.

ĐÊ A-MI-SITX

Trích "Những tấm lòng cao cả"

NGÀY KHAI TRƯỜNG

Để tôi kể bạn nghe, hàng năm, đã gọi nhớ cho tôi những gì cái bầu trời xôn xao mùa thu, những bữa chiều phải dọn ăn dưới đèn và lá ngả vàng trên cây

đang run rẩy. Tôi sẽ kể bạn nghe tôi đã tìm thấy những gì khi đi ngang qua vườn hoa Lúc-xăm-bua những ngày đầu tháng mười lúc bầu trời thoáng buồn và đẹp hơn bao giờ hết, vì đó là lúc lá cây rơi từng chiếc lên những bờ vai trắng các pho tượng.

Tôi đã trông thấy lại trong vườn ấy một chú bé hai tay thủ túi, lưng đeo cặp sách, nhảy nhót như con sẻ, đang đi tới trường. Chỉ trong tâm tư tôi nhìn thấy người đó. Vì chú bé đó là một chiếc bóng: chiếc bóng của chính tôi hai mươi năm về trước.

Thật sự chú bé đó làm tôi chú ý: xưa kia lúc còn chú thì tôi có để ý đến chú đâu; nhưng giờ đây khi chú không còn nữa, thì tôi thấy yêu chú thật tình... Chú nghịch bậy thật, nhưng không ác, và nói thật công bằng thì chú đã chẳng để lại cho tôi một kỉ niệm u buồn nào. Tiếc nuôi chú là điều tự nhiên hết sức. Thật là tự nhiên khi tôi nhìn lại thấy chú trong tâm tưởng và khi kỉ niệm về chú sống dậy trong tâm trí tôi.

Cách đây hai mươi lăm năm, cũng vào dịp này, trước tám giờ, chú đi ngang khu vườn đẹp này để tới trường. Lòng chú hơi xao xuyến vì hôm đó là ngày khai trường.

Ấy thế mà chú nhảy chân sáo, sách mang trên vai và trong túi là con quay. Nghĩ đến việc gặp bạn bè, lòng chú xốn xang. Có biết bao nhiêu điều để kể và để nghe! Còn gì nữa, cần phải biết xem cậu La-bô-ri-ét có đi săn trong khu rừng chim ưng không chứ? Còn gì

nữa, cần phải đáp lời chúng nó rằng chính chú đã cưỡi ngựa trên vùng Ô-vec-nơ chứ? Khi ta làm được một việc như thế, đâu có phải để đem giấu đi. Vả lại, được gặp bạn thú vị biết bao!

... Chú đi ngang vườn hoa Lúc-xăm-bua vào buổi mai trong lành như thế đó. Mọi thứ gì khi đó chú nhìn thấy, giờ đây tôi nhìn lại hết. Vãn bầu trời ấy và mặt đất ấy; mọi vật mang tâm hồn như xưa, tâm hồn chúng làm tôi chột vui và chột buồn và làm lòng tôi xao xuyến. Chỉ riêng chú là đã chẳng còn nữa.

Chính vì thế mà khi tôi mỗi tuổi mỗi già, tôi lại càng quan tâm hơn đến ngày khai trường.

A-NA-TÔN FRĂNG-XƠ

(Nhà văn Pháp)



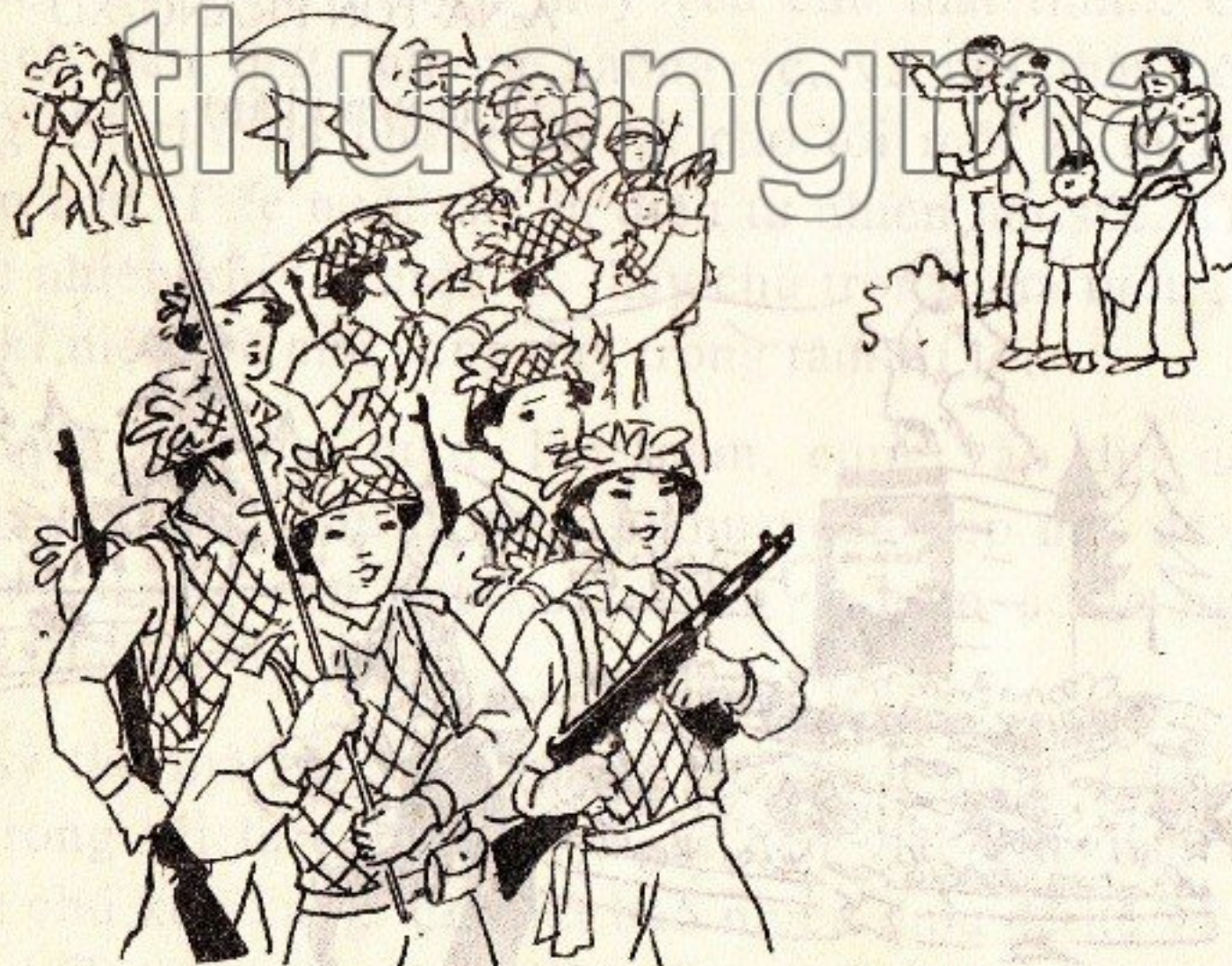
BÀI SÁU

TÌM CHỦ ĐỀ, TƯ TƯỞNG TRONG THƠ HIỆN ĐẠI

Thơ phản ánh cuộc sống qua những tâm trạng, những cảm xúc dạt dào, những tưởng tượng mạnh mẽ, trong một ngôn ngữ hàm súc, giàu hình ảnh và có nhịp điệu.

Bài mẫu

ĐƯỜNG RA MẶT TRẬN



Những buổi vui sao cả nước lên đường.

Xao xuyên bờ tre từng hồi trống giục.

Xóm dưới làng trên con trai con gái,

Xôi nắm cơm đùm riu rít theo nhau,

Súng nhỏ súng to chiến trường chật chội,

Tiếng cười hăm hở đầy sông đầy cầu.

Bộ đội dân quân trùng trùng điệp điệp,

Chào nhau không kịp nhớ mặt,

Đô hò nói vẫy theo,

Hàng ngũ ta đi dài như tiếng hát.

CHÍNH HỮU

EM LÀM NHỮNG VIỆC SAU

Việc 1: Dựng hình tượng

1. Em đọc bài thơ (đọc diễn cảm)

2. Em tìm hiểu nghĩa của các từ: *xao xuyên*; *riu rít*; *trùng trùng điệp điệp*.

3. Em tưởng tượng :

- Cảnh làng quê chuẩn bị cho ngày ra trận .

- Cảnh đoàn quân tiến ra mặt trận.

(Gợi ý: Em nhìn thấy, nghe thấy và cảm thấy những gì?)

- Bài thơ được viết với một giọng điệu như thế nào ?
- Em đoán xem, tâm trạng của tác giả như thế nào khi viết bài thơ này?

Việc 2: Phân tích hình tượng - xác định chủ đề

1. Cách nói: "... cả nước lên đường" nhằm diễn đạt một điều gì?
2. Em tìm những chi tiết diễn tả: làng quê đang rộn ràng chuẩn bị cho ngày ra trận.
3. Em tìm những chi tiết diễn tả cảnh đoàn quân hùng hậu đổ ra mặt trận, tâm trạng phấn chấn quyết tâm ra đi cứu nước của những người ra trận.
4. Qua những chi tiết vừa phân tích, em cho biết vấn đề chính được nêu lên trong bài thơ này.

Việc 3: Tìm tư tưởng

1. Qua việc diễn tả không khí náo nức của đất nước: người người đều hướng ra mặt trận, bài thơ toát lên tư tưởng gì?

NHỮNG BÀI LUYỆN TẬP

SAO KHÔNG VỀ VÀNG ƠI!

Tao đi học về nhà
 Là mây chạy xô ra
 Đầu tiên mây rối rít
 Cái đuôi mừng ngoáy tí
 Rồi mây lác cái đầu
 Khịt khịt mũi, rung râu
 Rồi mây nhún chân sau
 Chân trước chồm, mây bắt
 Bắt tay tao rất chặt
 Thế là mây tắt bật
 Đưa vội tao vào nhà
 Dù tao đi đâu xa
 Cũng nhớ mây lắm đấy
 Hôm nay tao bỗng thấy
 Cái cổng rộng thế này!
 Vì không thấy bóng mây
 Nằm chờ tao trước cửa
 Không nghe tiếng mây sủa
 Như những buổi trưa nào
 Không thấy mây đón tao
 Cái đuôi mừng ngoáy tí
 Cái mũi đen khịt khịt

Mày không bắt tay tao
Tay tao buồn làm sao!

Sao không về hả chó?
Nghe bom thằng Mĩ nổ
Mày bỏ chạy đi đâu?
Tao chờ mày đã lâu
Cơm phần mày để cửa
Sao không về hả chó?
Tao nhớ mày lắm đó
Vàng ơi là Vàng ơi!

1967

TRẦN ĐĂNG KHOA

NHIỆM VỤ CỦA EM

1. Em đọc diễn cảm bài thơ
2. Em tìm những từ ngữ, hình ảnh trong bài diễn tả tâm trạng buồn, trống trải của tác giả khi thiếu vắng con Vàng. Em thấy Trần Đăng Khoa là một người như thế nào?
3. Qua chi tiết con Vàng bỏ chạy đi mất vì bom đạn của giặc Mĩ, tác giả muốn nói với chúng ta điều gì?
(Gợi ý: Em nói tiếp cho thành câu: Chiến tranh thật là...)

CHÁU LÀM BÀ CỒNG

Tặng cháu Minh Hà

Cái chân thì khuỳnh khuỳnh
Tay vát vèo lung cong
Đầu vấp va vấp vênh
Cháu bỗng thành bà cồng.
Mèo tròn mắt lạ lùng
Chị cười lăn ra đất
Mẹ ngồi lặng hồi lâu
Bà đứng trào nước mắt.

1972

TRẦN ĐĂNG KHOA

NHIỆM VỤ CỦA EM

1. Đọc diễn cảm bài thơ
2. Hình ảnh "Cháu làm bà cồng" được mô tả qua những từ ngữ nào?
3. Từng khán giả: chị, mẹ và bà đã cảm nhận ra sao trước hình ảnh "Cháu làm bà cồng"?
4. Tại sao khi nhìn thấy cảnh "Cháu làm bà cồng" bà lại "trào nước mắt"?

KHÚC HÁT RU NHỮNG EM BÉ LỚN TRÊN LƯNG MẸ

Em Cu Tai ngủ trên lưng mẹ ơi/
Em ngủ cho ngoan đừng rời lưng mẹ /
Mẹ già gạo mẹ nuôi bộ đội
Nhịp chày nghiêng giấc ngủ em nghiêng
Mồ hôi mẹ rơi má em nóng hổi
Vai mẹ gầy nhóp nhò làm gối
Lưng đưa nôi và tim hát thành lời.
... Mẹ đang tia bắp trên núi Ka Lưi
Lưng núi thì to mà lưng mẹ thì nhỏ
Mặt trời của bắp thì nằm trên đồi
Mặt trời của mẹ em nằm trên lưng.

NGUYỄN KHOA ĐIỀM

NHIỆM VỤ CỦA EM

1. Diễn tả lại hình ảnh "Những em bé lớn trên lưng mẹ".

2. Tưởng tượng và tả lại hình ảnh mẹ địu con trên lưng.

Gợi ý: Chú ý các hình ảnh và chi tiết mô tả:

- Động tác già gạo của mẹ
- Giấc ngủ của em bé trên lưng mẹ
- Tình thương con của mẹ

3. Những hình ảnh sau đây trong khúc hát ru muốn diễn tả điều gì?

- "Lưng núi thì to mà lưng mẹ thì nhỏ"

- "Mặt trời của bắp thì nằm trên đồi"

Mặt trời của mẹ em nằm trên lưng"

4. Đoạn thơ trên mang tư tưởng gì?

KHI CON TU HÚ

Khi con tu hú gọi bầy,

Lúa chiêm đang chín, trái cây ngọt dần

Vườn râm đầy tiếng ve ngân

Bắp rây vàng hạt đầy sân nắng đào

Trời xanh càng rộng càng cao

Đôi con diều sáo lộn nhào từng không...

Ta nghe hè dậy bên lòng,

Mà chân muốn đạp tan phòng, hè ôi!

Ngột làm sao, chết uất thôi,

Con chim tu hú ngoài trời cứ kêu!

Huế, tháng 7-1939

TỐ HỮU

NHIỆM VỤ CỦA EM

1. Đọc bài thơ.

a- Đoạn đầu chú ý nhấn giọng ở những từ ngữ miêu tả, nhất là các động từ: *gọi bầy; đương chín; ngọt dần; lộn nhào...*

b- Đoạn sau nhấn giọng ở những từ biểu hiện tâm trạng tác giả: *muốn đập tan phòng, ngọt, uất...*

2. Đọc bài thơ, em tưởng tượng thấy một khung cảnh ngày hè như thế nào? (Âm thanh, màu sắc, đường nét?...). Em có cảm giác gì trước cảnh đó.

3. Em tưởng tượng thấy tác giả ở đâu trong ngày hè xôn xao rạo rực như vậy? Tâm trạng của tác giả như thế nào?

4. Qua bài thơ, tác giả muốn bày tỏ điều gì của lòng mình?

CÁC ANH VỀ

Làng tôi nghèo

Gió mưa tới tả

Trai gái trong làng vất vả ngược xuôi.

Các anh về mái ấm nhà vui.

Tiếng hát, câu cười rộn ràng xóm nhỏ.

Các anh về tung bừng trước ngõ

Lớp lớp đàn em hôn hờ chạy theo sau



Mẹ già bịn rịn áo nâu

Vui đàn con ở rừng sâu mới về.

HOÀNG TRUNG THÔNG

Trích "Bao giờ trở lại"

NHIỆM VỤ CỦA EM

1. Đọc và đánh dấu cách ngắt nhịp của đoạn thơ.

2. Đọc và tìm hiểu các từ ngữ: *gió mưa tới tả, vất vả ngược xuôi, rộn ràng, tung bừng, hôn hờ, bịn rịn...*

3. Ba câu thơ đầu gợi cho em tưởng tượng cảnh một làng quê như thế nào?

4. Sự đối lập của một làng quê như vậy với một làng quê từng bừng nhộn nhịp khi bộ đội trở về nói lên tư tưởng gì?

NHỮNG BÀI ĐỌC THÊM

TRUYỆN CỔ NƯỚC MÌNH

Tôi yêu truyện cổ nước tôi
Vừa nhân hậu lại tuyệt vời sâu xa
Thương người rồi mới thương ta
Yêu nhau dù mấy cách xa cũng tìm.
Ở hiền thì lại gặp hiền
Người ngay thì gặp người tiên độ trì
Mang theo truyện cổ tôi đi,
Nghe trong cuộc sống thâm thì tiếng xưa.

Vàng cơn nắng, trắng cơn mưa,
Con sông chảy có rặng dừa nghiêng soi

Đời cha ông với đời tôi
Như con sông với chân trời đã xa

Chỉ còn truyện cổ thiết tha
Cha tôi nhận mặt ông cha của mình

Rất công bằng, rất thông minh
Vừa độ lượng lại đa tình đa mang

Thị thơm thì giấu người thơm,
Chăm làm thì được áo cơm cửa nhà.

Đẻo cày theo ý người ta
Sẽ thành khúc gỗ chẳng ra việc gì.

Tôi nghe truyện cổ thâm thì
Lời ông cha dạy cũng vì đời sau
Đậm đà cái tích trầu cau
Miếng trầu đỏ thắm nặng sâu tình người
Sẽ đi qua cuộc đời tôi
Bấy nhiêu thời nữa chuyển dời xa xôi
Nhưng bao truyện cổ trên đời
Vẫn luôn mới mẻ rạng ngời lương tâm

LÂM THỊ MỸ DẠ

Trích "Bài thơ không năm tháng"

LỜI RU CỦA MẸ

Lời ru ẩn nơi nào
Giữa mệnh mang trời đất
Khi con vừa ra đời
Lời ru về mẹ hát

Lúc con nằm ấm áp

Lời ru là tâm chân

Trong giấc ngủ êm đêm

Lời ru thành giấc mộng

Khi con vừa tỉnh giấc

Thì lời ru đi chơi

Lời ru xuống ruộng khoai

Ra bờ ao rau muống

Và khi con lên lớp

Lời ru ở cổng trường

Lời ru thành ngọn cỏ

Đón bước bàn chân con

Mai rồi con lớn khôn

Trên đường xa nắng gắt

Lời ru là bóng mát

Lúc con lên núi thăm

Lời ru cũng gập gềnh

Khai con ra biển rộng

Lời ru thành mệnh mông...

XUÂN QUỲNH

VỀ THĂM NHÀ BÁC

Trong gian nhà gỗ đơn sơ

Còn bao kỉ niệm tuổi thơ Bác Hồ

Gió về chiếc võng đung đưa

Hình như là Bác mới vừa đi đâu?

Con ngồi chờ Bác hồi lâu

Mưa rơi ướt cả tàu cau về chiều.

Con nghe thấy tiếng chim kêu

Bâng khuâng trên mái bếp nghèo mùa đông

Con ra đầu ngõ con trông

Tối rồi sao Bác vẫn không thấy về

Mưa phun ướt lá tre quê

Con nhìn ra phía bờ đê tìm Người...

Nghẹn ngào con gọi - Bác ơi!

Tiếng con vọng khắp chân trời mệnh mông

ĐINH NAM KHƯƠNG

SAU TRẬN ĐÁNH

Chà tôi người anh hùng với nụ cười hiền dịu

Cùng một lính hầu thân cận, người thương

Với tâm vóc trượng phu và tấm lòng dũng cảm

phi thường,

Rong ruổi buổi chiều sau trận đánh.
 Chiến trường xác ngổn ngang đêm xuống lạnh.
 Có tiếng kêu yếu ớt vẳng bên tường
 Một tên lính Tây Ban Nha thuộc đám bại quân
 Nằm rên rỉ máu đầy người bê bết
 Mặt tái nhợt như chỉ còn đợi chết:
 "Cho tôi... xin... hớp nước... làm ơn!"
 Cha tôi cúi lòng nhìn kẻ bị thương
 Tháo bình rượu sau lưng trao người lính hầu
 trung dũng
 Và bảo: "Người cầm lấy, rót cho hấn uống"
 Trong lúc người cận vệ nghiêng mình
 Đưa bình rượu... tên bại binh
 Thình lình giơ súng lên quyết liệt
 Nhắm trán cha tôi la to: "Mày phải chết!"
 Viên đạn bay quá gần làm mũ bắn tung
 Và con ngựa nhảy lùi một bước hãi hùng
 Cha tôi nói: "Cứ cho hấn uống"

VIC-TÔ HUY-GÔ
 (Khương Hữu Dung dịch)

QUÊ CÁT

Quê cát những thân tre thấp lửa
 Mỗi trưa hè đẩy cửa nhìn ra
 Cũng rơm nắng vàng hương sắc lúa
 Một vùng trưa chan chứa tiếng gà.
 Quê cát những thân dừa cặm cùi
 Như mẹ hiền sớm tối nuôi con
 Chịu cát bỏng một đời thân mẹ
 Vẫn quanh năm ngọt sữa buồng non.
 Quê cát nắng từng cơn bỏng rát
 Quân thù hồng cướp giọt nước trong
 Chúng đâu hiểu từ lòng cát bỏng
 Đạn đạn thiêu chúng giữa tầng không.
 Xác máy bay cùng hố bom tội lỗi
 Cát cứ vùi như cát có bàn tay
 Lớp trẻ chúng tôi lớn lên làm chiến sĩ
 Cát quê hương thành chuyên kẻ đường dài.

NGUYỄN TRỌNG TẠO
 Trích "Miền gió nóng"

MỤC LỤC

	Trang
Bài mở đầu:	
Tìm chủ đề, tư tưởng trong tác phẩm văn	
Bài mẫu: Rừng xà nu	6
Bài một: Tìm chủ đề, tư tưởng trong ca dao.	
Bài mẫu: Mười cái trứng	10
Những bài luyện tập:	
+ Con vua thì lại làm vua	14
+ Trong đầm gì đẹp bằng sen	15
+ Anh đi anh nhớ quê nhà	16
+ Người lính thời xưa	17
+ Cái cò lặn lội bờ sông	18
+ Thằng Bờm	19
+ Chập chập cheng cheng	20
Những bài đọc thêm:	
Chuyện ngược đời	21
Đồn rằng quân tướng có danh	21
Ca dao nói về đất nước	22
Sơ kết, kiểm tra cuối bài	24
Bài hai: Tìm chủ đề, tư tưởng trong truyền thuyết	
Bài mẫu: Sự tích Hồ Gươm	25
Những bài luyện tập:	
+ Lê Lợi	30
+ Ông Yết Kiêu	34
+ Mỵ Châu, Trọng Thủy	37
+ Truyền thuyết về xứ Ba-un-lê	40
+ Sự tích Đám Mực	42
Những bài đọc thêm:	46
Ông Đống giết Thường Luồng	46

Sự tích bánh chưng, bánh giầy	47
Nàng công chúa Ha-ba-na	50
Sơ kết, kiểm tra cuối bài	52
Bài ba: Tìm chủ đề, tư tưởng trong truyện cổ tích.	
Bài mẫu: Cây tre trăm đốt	53
Những bài luyện tập:	
+ Sọ dừa	59
+ Ông lão đánh cá và con cá vàng	63
+ Cái thoi vàng	69
+ Chuyện bông hoa cúc trắng	71
+ Chuyện kể về cây xương rồng	74
Những bài đọc thêm:	77
Sự tích củ mài	77
Bác đánh cá và gã hung thần	80
Thần sắt	82
Sơ kết, kiểm tra cuối bài	84
Bài bốn: Tìm chủ đề, tư tưởng trong thơ cận đại	
Bài mẫu: Chạy Tây	85
Những bài luyện tập:	
+ Bạn đến chơi nhà	89
+ Vịnh khoa thi hương	90
+ Vào hè	92
Những bài đọc thêm	93
Câu cá mùa thu	93
Thu vịnh	95
Thu ẩm	95
Cuộc kêu cảm hứng	96
Năm mới chúc nhau	96
Sơ kết kiểm tra cuối bài	97

Bài năm: Tìm chủ đề, tư tưởng trong văn xuôi hiện đại

Bài mẫu: Trong Hòa Lũ 98

Những bài luyện tập:

+ Tình quê hương 103

+ Về với mẹ 104

+ Chiếc lá cuối cùng 109

+ Một con chó hiền 109

+ Các mẫu chuyện về chú Ga-vơ-rốt 110

+ Mùa xuân và con chim nhỏ 119

Những bài đọc thêm: 122

+ Người con trai 122

+ Tuổi thơ im lặng 123

+ Trái tim Đan-Kô 129

+ Con người có nguồn gốc chim ưng 131

+ Thư của mẹ 132

+ Ngày khai trường 133

Bài sáu: Tìm chủ đề, tư tưởng trong thơ hiện đại

Bài mẫu: Đường ra mặt trận 136

Bài luyện tập:

+ Sao không về vàng ơi 139

+ Cháu làm bà còng 141

+ Khúc hát ru những em bé lớn trên lưng mẹ 142

+ Khi con tu hú 143

+ Các anh về 144

Những bài đọc thêm:

+ Truyện cổ nước mình 146

+ Lời ru của mẹ 147

+ Về thăm nhà Bác 149

+ Sau trận đánh 149

+ Quê cát 151

CHIU TRÁCH NHIỆM XUẤT BẢN:

Giám đốc Phạm Văn An

Tổng biên tập Nguyễn Như Ý

Chỉ đạo khoa học : GS-TS Hồ Ngọc Đại

Biên soạn : Phạm Toàn
Nguyễn Thị Ngọc

Vũ Tố Nga

Chỉnh lý năm 1996 : Dương Kim Loan

Biên tập : Nguyễn Nghiệp

Minh họa : Hồng Kỳ

In 10.000 cuốn khổ 14,5 x 20,5 tại Xí nghiệp in Thái Nguyên
Giấy phép xuất bản số 285/CXB64 do Cục xuất bản cấp ngày 21
tháng 4 năm 1997. In xong và nộp lưu chiểu tháng 7 năm 1997.

huongmaitruongxua.vn

Giá: 4.500đ